

PETROVIETNAM
PVOIL
PETECHIM

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ
PETECHIM JSC



DỰ THẢO

VĂN KIỆN

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

TP. HCM – 04/2018

DANH MỤC TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018 CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ PETECHIM

1. CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ
2. QUYẾT ĐỊNH TRIỆU TẬP ĐẠI HỘI
3. QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
4. QUY CHẾ LÀM VIỆC
5. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018
6. BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018
7. BÁO CÁO VÀ TỜ TRÌNH VỀ CÁC NỘI DUNG TÀI CHÍNH NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2018
8. BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ HỢP NHẤT NĂM 2017 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN BỞI CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
9. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ VIỆC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRONG NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018
10. TỜ TRÌNH CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ VIỆC LỰA CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN PHỤC VỤ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NIÊN ĐỘ 2018
11. TỜ TRÌNH CỦA HĐQT VỀ VIỆC SỬ DỤNG QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỂ BÙ ĐÁP CÁC KHOẢN CÔNG NỢ KHÔNG THU HỒI ĐƯỢC CHO NĂM TÀI CHÍNH 2018
12. TỜ TRÌNH CỦA HĐQT VỀ VIỆC MIỄN NHIỆM NHÂN SỰ TRONG HĐQT, BKS
13. TỜ TRÌNH CỦA HĐQT VỀ VIỆC GIỚI THIỆU BỎ NHIỆM NHÂN SỰ VÀO HĐQT, BKS

---/---

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CỦA CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ PETECHIM

Thời gian: Từ 08h00, ngày 23/4/2018

Địa điểm: Phòng họp số 1, Công ty Petechim

STT	THỜI GIAN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
1	07h30-08h00	Tiếp đón đại biểu và cổ đông	Ban lễ tân + Ban kiểm tra tư cách cổ đông
2	08h00-08h05	Khai mạc: Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu Đại biểu	MC
3	08h05-08h10	Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông	Ban kiểm tra tư cách cổ đông
4	08h10-08h15	Giới thiệu Chủ tọa Đại hội Giới thiệu Ban Thư ký Đại hội Giới thiệu và thông qua Ban kiểm phiếu Đại hội	MC Chủ tọa Chủ tọa
5	08h15-08h20	Thông qua Chương trình Đại hội và Quy chế tiến hành Đại hội	Chủ tọa
6	08h20-08h25	Báo cáo của HĐQT Công ty năm 2017 và kế hoạch năm 2018	CT HĐQT
8	08h25-08h30	Báo cáo và Tờ trình về các nội dung tài chính năm 2017 và đề xuất tỷ lệ trích lập các quỹ niên độ tài chính 2018	CT HĐQT
9	08h30-08h35	Báo cáo của TGD về tình hình SXKD năm 2017 và phương hướng năm 2018	TGD
10	08h35-08h40	Tờ trình về việc sử dụng quỹ đầu tư phát triển để bù đắp các khoản công nợ không thu hồi được cho năm tài chính 2018	TGD
11	08h40-08h45	Báo cáo của BKS về việc thực hiện nhiệm vụ 2017 và Tờ trình về việc lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2018 của Petechim	Đại diện BKS
12	08h45-09h00	Tờ trình về việc thay đổi nhân sự trong HĐQT, BKS	Chủ tọa
13	9h00-09h30	Thảo luận và giải đáp ý kiến của cổ đông	Chủ tọa
14	09h30-09h45	Biểu quyết các nội dung của Đại hội: <ul style="list-style-type: none">▪ Thông qua báo cáo của HĐQT▪ Thông qua báo cáo của TGD▪ Thông qua báo cáo của BKS▪ Thông qua báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2017 đã được kiểm toán▪ Thông qua kết quả kinh doanh năm 2017 và phân phối lợi nhuận năm 2018, thù lao cho HĐQT, BKS, Thư ký HĐQT năm 2018	Chủ tọa và Ban thư ký

STT	THỜI GIAN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
		<ul style="list-style-type: none"> ▪ Thông qua Tờ trình về việc sử dụng quỹ đầu tư phát triển để bù đắp các khoản công nợ không thu hồi được cho năm tài chính 2018 ▪ Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2018 ▪ Thông qua Tờ trình về việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Petechim theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính ▪ Thông qua việc miễn nhiệm Thành viên HĐQT của ông Trần Trung Chí Hiếu và ông Trần Văn Mạnh; miễn nhiệm Kiểm soát viên của bà Bùi Thị Thanh Huyền ▪ Thông qua kết quả bầu chọn ông Trần Đức Chính - Thành viên HĐQT (Nhiệm kỳ 2015-2020), ông Võ Khánh Hưng – Thành viên HĐQT (Nhiệm kỳ 2015-2020), ông Hoàng Dương – Thành viên HĐQT chuyên trách (Nhiệm kỳ 2015-2020), bà Lê Thu Hường - Kiểm soát viên (Nhiệm kỳ 2015-2020) 	
15	09h45-09h55	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội	Chủ tọa và Ban thư ký
16	09h55-10h00	Bế mạc Đại hội	MC

Số: 15.../QĐ-TMDK

Tp.HCM, ngày 09 tháng 04 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên Năm 2018

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Petechim được sửa đổi và bổ sung lần 08 ngày 12/04/2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên Năm 2018 Công ty CP Thương mại Dầu khí – Petechim như sau:

Thời gian: 08:00 ngày 23 tháng 4 năm 2018

Địa điểm: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh.

Thành phần tham dự: Khách mời, Cổ đông và Đại diện cổ đông Công ty CP Thương mại Dầu khí theo danh sách chốt tại ngày 23/03/2018.

Nội dung họp:

- Báo cáo của HĐQT về hoạt động của HĐQT năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018;
- Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động SXKD năm 2017, kế hoạch hoạt động SXKD năm 2018;
- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2017 đã được kiểm toán;
- Tờ trình về các nội dung tài chính của 2017, đề xuất tỷ lệ trích lập các quỹ niên độ tài chính 2018; thù lao HĐQT, BKS, Thư ký HĐQT 2018;
- Báo cáo của Ban kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ năm 2017;
- Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2018;
- Tờ trình về việc sử dụng Quỹ đầu tư phát triển bù đắp các khoản công nợ không thu hồi được cho năm tài chính 2018;
- Tờ trình về việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Petechim theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính;
- Tờ trình về việc miễn nhiệm Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;
- Tờ trình về việc bầu bổ sung Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký. Tất cả thành viên của Công ty CP Thương mại Dầu khí có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: VT, HĐQT, NXTC (03b)



Nguyễn Thanh Hùng

Số: 16.../QĐ-TMDK

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông
phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Năm 2018

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí bổ sung, sửa đổi lần 08 ngày 13/04/2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Quyết định thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Năm 2018 Công ty CP Thương mại Dầu khí bao gồm các ông, bà có tên sau:

- | | |
|-------------------------|--------------|
| • Ông Vũ Tuấn Hùng | - Trưởng ban |
| • Bà Nguyễn Quỳnh Trang | - Thành viên |
| • Bà Trần Thị Mai Hương | - Thành viên |

Điều 2: Ban kiểm tra tư cách cổ đông có nhiệm vụ kiểm tra tư cách các cổ đông dự họp tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Năm 2018 của Công ty CP Thương mại Dầu khí theo đúng các quy định của pháp luật.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4: Các ông bà có tên nêu trên và Công ty CP Thương mại Dầu khí chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các thành viên HĐQT;
- Ban TGD;
- Lưu: VT, HĐQT, NXTC (03b)



TP.HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2018

DỰ THẢO

QUY CHẾ LÀM VIỆC

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

(Ngày 23 tháng 04 năm 2018)

Điều 1: Mục tiêu

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng, dân chủ.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông.
- Quy chế này quy định công việc điều hành, trách nhiệm của Đoàn chủ tịch, Thư ký, Ban kiểm phiếu nhằm đảm bảo thực hiện quyền của cổ đông và quyết định của ĐH đạt hiệu quả cao nhất.

Điều 2: Đối tượng, phạm vi áp dụng

Quy chế này quy định thể thức tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí - PETECHIM và quyền, nghĩa vụ của cổ đông tham dự đại hội. Tất cả các đối tượng tham dự đại hội có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Điều 3: Quyền và trách nhiệm của chủ tọa

- Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, quy chế đã được Đại hội thông qua.
- Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề trong nội dung chương trình của Đại hội và các vấn đề liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
- Quyết định các vấn đề trình tự, thủ tục của đại hội hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của đại hội.
- Có quyền trì hoãn đại hội đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội, nếu nhận thấy rằng:
 - Hành vi của một số người có mặt cản trở hoặc có khả năng gây mất trật tự đại hội.
 - Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

Điều 4: Trách nhiệm của Ban thư ký

- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến tại đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.
- Soạn thảo Biên bản và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

Điều 5: Trách nhiệm của Ban kiểm phiếu

- Hướng dẫn việc bỏ phiếu biểu quyết.
- Làm việc trung thực, khách quan
- Phát và thu phiếu biểu quyết, tiến hành kiểm phiếu, lập Biên bản kiểm phiếu.
- Báo cáo với Đại hội cổ đông về kết quả kiểm phiếu, xác định và báo cáo với Đại hội cổ đông về những trường hợp vi phạm thể lệ bầu cử hoặc đơn từ khiếu nại liên quan đến việc kiểm phiếu, nếu có.

Điều 6: Quyền của các cổ đông khi tham dự đại hội

- Được phát biểu ý kiến đóng góp, biểu quyết các vấn đề được ghi trong nội dung chương trình của đại hội.
- Được Ban tổ chức đại hội cung cấp chương trình, tài liệu đại hội để xem xét và thảo luận trực tiếp tại đại hội.
- Được phát thẻ biểu quyết Quyền biểu quyết tương ứng với số cổ phần mà cổ đông sở hữu hoặc đại diện khi chốt danh sách tham dự ĐH.
- Cổ đông đến dự đại hội muộn có quyền được đăng ký vào dự và có quyền tham gia thảo luận, biểu quyết ngay tại đại hội. Nhưng không có quyền tham gia và biểu quyết về những nội dung đã được đại hội thông qua trước đó. Hiệu lực của các đợt biểu quyết trước đó vẫn bảo lưu kết quả đã tiến hành.

Điều 7: Nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự đại hội

- Tuân thủ các quy định tại quy chế này.
- Tôn trọng quyền điều hành của chủ tọa đại hội và tôn trọng kết quả biểu quyết của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.
- Trường hợp là cá nhân thì phải xuất trình bản gốc giấy tờ tùy thân (chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu) và giấy ủy quyền (trong trường hợp được ủy quyền) khi đăng ký tham dự.
- Trường hợp là tổ chức thì phải được người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền hợp lệ của tổ chức đó ký giấy giới thiệu và đóng dấu.
- Ngồi vào vị trí theo sự hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội.
- Không hút thuốc lá trong phòng họp Đại hội.
- Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Máy điện thoại di động nên tắt hoặc để chế độ rung trong thời gian diễn ra Đại hội và chỉ nên nói chuyện ở bên ngoài phòng họp trong trường hợp cần thiết .
- Giữ gìn trật tự cho đến khi kết thúc Đại hội;

Điều 8: Phát biểu ý kiến tại Đại hội.

- *Nguyên tắc:* Cổ đông tham dự Đại hội muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải đăng ký và được sự đồng ý của chủ tọa. Trong quá trình phát biểu của cổ đông, Chủ tọa có quyền yêu cầu ngưng nếu nội dung không thích hợp với chủ đề hoặc không mang tính xây dựng.
- *Cách thức phát biểu:* Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào những nội dung trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự đã được Đại hội thông qua,

thời gian phát biểu ko quá 10 phút/lần. Chủ tọa sẽ mời cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký.

Điều 9: Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội.

- Việc thông qua quy chế làm việc, Chương trình Đại hội, Bầu nhân sự cho các Ban phục vụ Đại hội, các vấn đề cần quyết nghị trong chương trình và biên bản làm việc của Đại hội phải được biểu quyết theo qui định của điều lệ Công ty.
- Các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông đều có quyền biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội, quyền biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu và số cổ phần được ủy quyền.
- Cổ đông thể hiện ý kiến của mình tại đại hội bằng cách giơ thẻ biểu quyết khi chủ tịch đoàn yêu cầu (đồng ý, không đồng ý, hoặc có ý kiến khác)
- Các vấn đề được biểu quyết trong Đại hội được thông qua theo qui định của điều lệ Công ty.

Điều 10: Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông

- Tất cả nội dung tại Đại hội cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
- Những nội dung thuộc chương trình Đại hội đã được đại hội biểu quyết thông qua phải được phản ánh trong Nghị quyết của Đại hội.
- Biên bản, Nghị quyết Đại hội phải được đọc và thông qua tại Đại hội.

Điều 11: Hiệu lực của quy chế

Quy chế này được cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Năm 2018 thông qua và có hiệu lực ngay trong quá trình diễn biến Đại hội ngày 23/04/2018.

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH ĐẠI HỘI



Nguyễn Thanh Hùng



TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM
CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Số: 21/TMDK-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 04 năm 2018

DỰ THẢO

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị (HĐQT) theo Điều lệ của Công ty Petechim, HĐQT xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2017 và kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2018 với các nội dung chính như sau:

PHẦN I: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017

I. Tình hình hoạt động của Công ty trong năm tài chính 2017:

1. Tình hình hoạt động và kết quả thực hiện SXKD năm 2017:

Trong năm 2017, Công ty Petechim tiếp tục nhận được sự hỗ trợ nhiều mặt từ các đơn vị trong ngành Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOil), nhóm cổ đông chiến lược Sovico Holdings, các khách hàng truyền thống Vietsovpetro, PVEP POC, các nhà máy lọc dầu, các nhà máy điện trong ngành ... cũng như các nhà thầu dầu khí trong và ngoài nước.

Tuy vậy trong năm qua, Petechim vẫn phải đương đầu với những khó khăn khách quan của ngành dầu khí khi giá dầu thế giới đã được cải thiện song vẫn ở mức thấp, vẫn chưa ổn định, dẫn đến việc dừng hoặc hoãn triển khai các dự án lớn theo kế hoạch đã đề ra tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2017. Đồng thời, Công ty cũng tiếp tục phải tập trung giải quyết những tồn đọng và tìm cách khắc phục các hạn chế, yếu điểm còn tồn tại từ năm trước.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Petechim là hoạt động thương mại và dịch vụ cho các công ty trong ngành dầu khí, trong vài năm trở lại đây chủ yếu đơn thuần hoạt động thương mại, không có hoạt động cốt lõi/đặc thù, trong khi đó phạm vi hoạt động truyền thống này ngày càng bị thu hẹp dần. Mức độ cạnh tranh càng trở nên khốc liệt.

Trước thực tiễn nêu trên, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức các cuộc họp HĐQT định kỳ hàng quý để kịp thời đưa ra các chỉ đạo, định hướng:

- Duy trì và phát triển các hoạt động kinh doanh chính của công ty: Cung ứng vật tư, thiết bị, hóa phẩm, các loại hình dịch vụ dầu khí cho các đơn vị thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam từ khâu đầu đến khâu sau và các nhà thầu dầu khí nước ngoài khác; Bám sát các khách hàng chiến lược trong ngành Dầu khí như VSP, BSR, PQPOC, HLJOC, PVPOWER, CLJOC, PVEP POC, PVGAS, PVOIL,... và phát huy thế mạnh truyền thống với mục tiêu giành được HĐ/DA.

- Tăng cường việc hợp tác với các Nhà sản xuất/nhà cung cấp tiềm năng, tận dụng thế mạnh của đối tác (như GE, BHGE, Honeywell, Technip, Vietsovpetro, Rosneft, Total...), đẩy mạnh hiệu quả việc xây dựng quan hệ đối tác – khách hàng để gia tăng năng lực cạnh tranh và cơ hội thành công trong công tác đấu thầu.
- Tận dụng tối đa sự hỗ trợ của các chủ sở hữu: PVOil, SOVICO Holdings.
- Tập trung giải quyết dứt điểm các khoản công nợ, tồn kho và các HĐ/DA tồn đọng trong nghiệm thu, thanh quyết toán để thu hồi vốn, tránh phát sinh chi phí và có vốn cho SXKD.
- Thu xếp vốn đảm bảo cho hoạt động SXKD – có các Phương án phù hợp để duy trì hạn mức tín dụng tại các ngân hàng phục vụ hoạt động bảo lãnh, giải ngân và mở L/C cho Công ty.
- Quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn, quỹ cho SXKD.
- Quản lý chặt chẽ Dòng tiền đảm bảo tính thanh khoản cho HĐ/DA của Công ty.
- Kiểm soát và thực hiện tiết giảm tối đa tất cả các chi phí: chi phí quản lý chung, chi phí bán hàng, kể cả giá vốn bán hàng (chi phí Marketing) để giảm giá thành, tăng khả năng thắng thầu và tăng hiệu quả SXKD của Công ty.
- Hạn chế tối đa nợ xấu, tồn kho và các HĐ/DA tồn đọng mới để đảm bảo nguồn vốn cho SXKD và uy tín của Petechim.
- Đảm bảo mọi hoạt động kinh doanh của Công ty luôn được triển khai thực hiện nhanh chóng và mang lại hiệu quả thiết thực cho công ty;

Kết quả hợp nhất cơ bản mà Công ty và nhóm Công ty đã đạt được trong năm 2017 như sau:

- Giá trị tổng tài sản đạt trên 426,35 tỷ đồng;
- Tổng doanh thu và các khoản thu nhập khác đạt hơn 801,31 tỷ đồng, đạt 62% so với kế hoạch ĐHCĐ giao;
- Nộp ngân sách Nhà nước trên 19,42 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp đạt 3,71 tỷ đồng, đạt 12% so với kế hoạch được ĐHCĐ giao;
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đạt trên 1,64 tỷ đồng đạt 7% so với kế hoạch được ĐHCĐ giao;
- Lãi thuộc về các cổ đông của công ty mẹ: - 0,97 tỷ đồng;
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt: 58 đ/CP;
- Tỷ lệ chi trả cổ tức: 0%;
- Tỷ số lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu: 0,60%
- Lương bình quân của người lao động: 10.000.000 đồng/ tháng

2. Công tác đầu tư góp vốn:

Tổng số tiền đầu tư: 57.986.687.800 VNĐ

Danh mục đầu tư:

SỐ TT	Doanh nghiệp	Số tiền đầu tư (Triệu đồng)	Thời điểm đầu tư	Phần vốn nắm giữ/vốn Điều lệ (Triệu đồng)	Tỷ lệ góp vốn
-------	--------------	--------------------------------	------------------	--	---------------

A	Công ty con				
1	Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng xanh (GEC)	9.526,69	2012	10.200,00/ 20.000,00	51,00%
2	Công ty Cổ phần CNTT, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC)	21.960,00	2013	21.960,00/ 42.352,90	51,85%
B	Công ty liên kết				
1	Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ (PVOil Phú Mỹ)	10.000,00	2011	10.000,00/ 500.000,00	2,00%
2	Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PVOil Sài Gòn)	11.000,00	2011	11.000,00/ 200.000,00	5,50%
3	Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung (PVOil Miền Trung)	3.000,00	2011	3.000,00/ 200.000,00	1,50%
4	Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí (PVLSC)	2.500,00	2009	2.500,00/ 30.000,00	8,33%
	<i>Đã trích lập dự phòng</i>	<i>(809,86)</i>			
	TỔNG CỘNG	57.986,69			

Sau khi PVOil thực hiện IPO thành công và niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, Petechim sẽ nhanh chóng tìm cơ hội thoái toàn bộ vốn khỏi các Công ty PVLSC, PVOil Phú Mỹ, PVOil Sài Gòn, PVOil Miền Trung để tập trung nguồn vốn cho các dự án đầu tư tốt hơn.

3. Công tác đầu tư XDCB và mua sắm TSCĐ:

Trong năm 2017, Công ty không thực hiện việc đầu tư XDCB và mua sắm thiết bị.

Tình hình sử dụng TSCĐ đến thời điểm hiện tại của Công ty:

- Tầng 11 tòa nhà Petroland (diện tích 1.234 m², giá trị chuyển nhượng từ PVOil là 50,239 tỷ đồng): hiện tại, Petechim đang sử dụng làm trụ sở văn phòng công ty và cho Công ty LOTTE thuê 421,88 m² làm văn phòng công ty với giá đã bao gồm VAT 10% là 115 triệu đồng/ tháng trong thời hạn 2 năm.
- Cửa hàng Xăng dầu Cà Mau (trị giá chuyển nhượng 2,5 tỷ đồng): Hiện Petechim đang tìm kiếm khách hàng mua CHXD này để đầu tư CHXD khác phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty.
- 02 căn biệt thự Kim Long, Nhà Bè, TP.HCM (giá trị chuyển nhượng từ Công ty CP Thương mại và Đại lý Dầu tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu 34,65 tỷ đồng): Petechim đã bán thành công 02 căn biệt thự này với giá 37 tỷ đồng.

4. Công tác thu hồi công nợ, xử lý hàng tồn kho:

- Trong năm 2017, HĐQT Công ty đã thể hiện sự quyết tâm trong việc thu hồi các khoản công nợ bằng nhiều biện pháp khác nhau tại các công ty: Công ty TNHH Hưng Yên (10,14 tỷ), DNTN Minh Tiến (0,56 tỷ), Công ty CP Thương mại Năng lượng xanh (GEC) (5,83 tỷ), Công ty CP Công nghiệp Năng lượng xanh (GEEI) (5,02 tỷ).

Tổng số công nợ tồn đọng của Công ty đến thời điểm báo cáo là **21,55 tỷ đồng**.

- Bên cạnh đó, HĐQT Công ty cũng đã ra các chỉ đạo để xử lý các Hợp đồng kéo dài:
 - + Hợp đồng chính trang cửa hàng xăng dầu ký với PVOil (đèn led tồn kho trị giá 1,33 tỷ).
 - + Hợp đồng cung cấp ống chống ký với PVD TM phục vụ chiến dịch khoan của PVEP POC (ống casing tồn kho trị giá 16,14 tỷ): Petechim đã bán 548,5 tấn ống 9.5/8” JFE/ Nhật tồn kho (trị giá tồn kho là 19,7 tỷ đồng) cho PVD TM với giá 16,14 tỷ đồng và bị lỗ 3,6 tỷ đồng. PVDTM đã nhiều lần gửi công văn đề nghị giảm giá cho lô hàng ống chống 9-5/8” nhưng Petechim không đồng ý giảm giá. Tuy nhiên, PVDTM đã bán hết số ống của JFE. P.TM1 đã có công văn yêu cầu PVDTM thanh toán và nêu ý kiến nhờ cơ quan chức năng can thiệp.
 - + Khoản công nợ từ các hợp đồng với PVC-MS (5,72 tỷ đồng), HĐ với PV Shipyard (8,00 tỷ đồng): Petechim đã gửi công văn về việc cản trừ 3 bên PVOIL – PVC MS – PETECHIM số tiền 5.724.950.840 VNĐ mà PVC-MS phải thanh toán cho Petechim (HĐ cung cấp thép hình Sông Hậu 1 và HĐ cung cấp thép ống cường độ cao), để Petechim thanh toán cho PVOIL khoản tiền sang nhượng văn phòng tầng 11 (cả gốc và lãi là 7.216.243.037 VNĐ). Hiện đang chờ xem xét từ các bên có liên quan.

5. Công tác quản lý cổ đông, cổ phần:

a. Cơ cấu cổ đông của Công ty Petechim hiện nay như sau:

- ✓ Vốn điều lệ của Công ty: 200.000.000.000 đồng bằng tiền Việt Nam
- ✓ Số vốn này được chia thành: 20.000.000 Cổ phần
- ✓ Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng
- ✓ Tổng số cổ đông tính đến ngày 23/03/2018: 2.820 cổ đông

ST T	TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	LOẠI CỔ PHẦN	CỔ PHẦN NẪM GIỮ	GIÁ TRỊ CỔ PHẦN (VNĐ)	TỈ LỆ
1	TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM (PVOIL)	Tầng 14-18 Petro Vietnam Tower Số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM	<i>Phổ thông</i>	5.800.000	58.000.000.000	29,00%
2	NHÓM CỔ ĐÔNG SOVICO HOLDINGS			10.200.000	102.000.000.000	51,00%
2.1	<i>CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRĂNG AN</i>	<i>Tầng 1 – tòa nhà Trảng An – Khối Tân Phụng – Phường Vinh Tân - Thành phố Vinh – Tỉnh Nghệ An</i>	<i>Phổ thông</i>	4.620.000	46.200.000.000	23,10%
2.2	<i>CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN PHÚ GIA</i>	<i>Tầng 8-9, 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh</i>	<i>Phổ thông</i>	2.980.000	29.800.000.000	14,90%
2.3	<i>NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN TP. HỒ CHÍ MINH (HDBANK)</i>	<i>HDBank Tower, 25Bis Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh</i>	<i>Phổ thông</i>	2.200.000	22.000.000.000	11,00%

ST T	TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	LOẠI CỔ PHẦN	CỔ PHẦN NĂM GIỮ	GIÁ TRỊ CỔ PHẦN (VNĐ)	TỈ LỆ
2.4	CÔNG TY CP ĐẦU TƯ SÓNG VIỆT	58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Phổ thông	400.000	4.000.000.000	2,00%
3	NGÂN HÀNG TMCP QUỐC TẾ VIỆT NAM (VIB)	Tầng 7, Tòa nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Phổ thông	250.000	2.500.000.000	1,25%
4	CÁC CỔ ĐÔNG NHỎ LẺ		Phổ thông	3.750.000	37.500.000.000	18,75%
	TỔNG CỘNG			20.000.000	200.000.000.000	100,00 %

b. Công tác chi trả cổ tức các năm:

Đến thời điểm báo cáo, tỷ lệ cổ tức đã chi trả các năm như sau:

Năm	Tổng giá trị cổ tức (VNĐ)	Số cổ tức đã trả (VNĐ)	Tỷ lệ đã trả	Số cổ tức chưa trả (VNĐ)	Tỷ lệ chưa trả
2012	24.000.000.000	22.921.392.000	95,51%	1.078.608.000	4,49%
2013	21.000.000.000	19.935.258.000	94,93%	1.064.742.000	5,07%
2014	16.000.000.000	15.093.784.000	94,34%	906.216.000	5,66%
2015	7.000.000.000	6.447.525.000	92,11%	552.419.000	7,89%

c. Đăng ký giao dịch cổ phiếu tại sàn giao dịch chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom):

Hiện tại Petechim đang lưu ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam với Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 92/2016/GCNCP-VSD, mã chứng khoán: PTV, tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là 20.000.000 cổ phiếu.

Dựa trên tình hình SXKD thực tế của Công ty, nhằm đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông khi tham gia đầu tư góp vốn tại Công ty và các lợi ích của Công ty từ kênh chứng khoán đem lại, HĐQT sẽ xem xét việc đăng ký giao dịch cổ phiếu tại sàn giao dịch chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) của Công ty Petechim vào thời điểm thích hợp, dự kiến trong năm 2020.

II. Kết quả hoạt động của HĐQT năm 2017

1. Cơ cấu Hội đồng quản trị:

Số lượng Thành viên HĐQT: 06 thành viên, gồm

- | | | | |
|---|-----------------------|---|-------------------------------|
| + | Ông Nguyễn Thanh Hùng | - | Chủ tịch |
| + | Ông Hoàng Dương | - | Thành viên kiêm Tổng giám đốc |
| + | Ông Trần Văn Mạnh | - | Thành viên |
| + | Ông Trần Hoài Nam | - | Thành viên |

- + Ông Trần Trung Chí Hiếu - Thành viên kiêm Phó TGD (miễn nhiệm từ ngày 04/8/2017)
- + Ông Nguyễn Lê Minh - Thành viên
- + Ông Trần Đức Chính - Thành viên (HĐQT bổ nhiệm ngày 04/8/2017)

2. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị năm 2017:

Trong năm 2017, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp HĐQT theo đúng các trình tự của Điều lệ quy định nhằm cụ thể hóa Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2017, bám sát tiến trình hoạt động SXKD và tình hình thực tế của Công ty.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Thanh Hùng	Chủ tịch	14/14	100%	
2	Ông Hoàng Dương	Thành viên kiêm TGD	14/14	100%	
3	Ông Trần Văn Mạnh	Thành viên	14/14	100%	
4	Ông Nguyễn Lê Minh	Thành viên	14/14	100%	
5	Ông Trần Hoài Nam	Thành viên	14/14	100%	
6	Ông Trần Trung Chí Hiếu	Thành viên kiêm Phó TGD	10/11	100%	Miễn nhiệm từ ngày 04/8/2017
7	Ông Trần Đức Chính	Thành viên	04/04	100%	Bổ nhiệm từ ngày 04/8/2017

3. Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2017:

HĐQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm chỉ đạo và giám sát toàn bộ hoạt động SXKD và các công việc khác theo đúng quyền hạn và trách nhiệm.

Trong năm 2017, HĐQT đã họp và ban hành 19 Nghị quyết/ Quyết định phục vụ cho hoạt động SXKD của Công ty (*chi tiết tại Phụ lục số 01 đính kèm Báo cáo*).

4. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc:

Căn cứ:

- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Thương mại Dầu khí Petechim, bổ sung sửa đổi lần 8, ngày 13/04/2016;
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty CP Thương mại Dầu khí Petechim, ban hành ngày 26/04/2013.

HĐQT Công ty CP Thương mại Dầu khí Petechim đã thực hiện chức năng giám sát đối với hoạt động của Ban điều hành Công ty, bao gồm Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

- Về hoạt động quản trị Công ty:

Trong năm 2017, Ban điều hành của Công ty đã thực hiện việc tổ chức quản lý đúng theo phân cấp nhiệm vụ và tuân thủ Điều lệ và các quy định nội bộ khác của Công ty. Cụ thể như sau:

- HĐQT và Tổng giám đốc đã phối hợp tốt tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty vào ngày 12/4/2017 tại trụ sở chính của Công ty.
- Tổng giám đốc Công ty thực hiện đầy đủ nhiệm vụ báo cáo hàng tháng, hàng quý, bán niên trình HĐQT về kết quả, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ SXKD, công tác tổ chức và các công việc khác của từng phòng ban nói riêng và của toàn công ty nói chung, đánh giá tình hình thuận lợi, khó khăn và đưa ra các giải pháp, kiến nghị để đạt được các chỉ tiêu kinh doanh đề ra.
- Tổng giám đốc bám sát và báo cáo thường xuyên cho HĐQT về hoạt động đầu tư góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết và các hoạt động đầu tư tài chính khác. Đồng thời, theo dõi chặt chẽ tình hình công nợ và chính sách tài khóa, tiền tệ nhằm giảm thiểu rủi ro, đảm bảo an toàn tài chính cho hoạt động của Công ty.
- Thực hiện chủ trương của HĐQT, Tổng giám đốc đã chỉ đạo các phòng ban liên quan rà soát và điều chỉnh các quy chế, quy định để công tác quản trị Công ty được sâu sát, hiệu quả hơn: “Quy chế phối hợp giữa Đảng ủy, HĐQT và TGD” ban hành ngày 28/2/2017; “Quy trình đánh giá và xếp loại đơn vị, cá nhân” và “Quy trình trả lương và khen thưởng, chế tài thi đua” hiệu chỉnh năm 2018 thay thế “Quy trình đánh giá và xếp loại đơn vị, cá nhân” ban hành ngày 01/03/2017 và “Quy trình trả lương và khen thưởng, chế tài thi đua” ban hành ngày 20/09/2013 của Petechim;
- Tổng giám đốc đã hoàn thành việc chi trả thù lao HĐQT, BKS và Thư ký HĐQT năm 2017 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2017.
- Năm 2017, Tổng giám đốc đã hoàn thành việc đánh giá định kỳ chứng chỉ Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 nâng cấp lên phiên bản ISO 9001:2015;
- Công tác nhân sự, đào tạo, hoạt động an sinh xã hội và của các tổ chức đoàn thể đều được Tổng giám đốc chú trọng, phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.
- Về hoạt động kinh doanh:
 - Tổng giám đốc đã trình HĐQT phê duyệt việc cấp mới và tái sử dụng các hạn mức tín dụng giao dịch của Công ty tại các ngân hàng HDBank (50 tỷ), PVcomBank – CN Tp. HCM (50 tỷ), MBBank – CN An Phú (200 tỷ) nhằm phục vụ các hoạt động SXKD trong các năm 2017 và 2018 của Công ty.
 - Chúng ta cũng phải ghi nhận một thực tế là phạm vi/lĩnh vực hoạt động truyền thống của Petechim đang bị thu hẹp, hiệu quả SXKD của Petechim đang liên tục sụt giảm từ năm 2015 tới nay. Đặc biệt, năm 2017 vừa qua là năm khó khăn nhất đối với Petechim với kết quả SXKD lần đầu tiên có một số tháng thua lỗ, năng lực cạnh tranh, vị thế và uy tín của Petechim sụt giảm nghiêm trọng. Nguyên nhân của các khó khăn có cả khách quan và chủ quan, song nguyên nhân chủ quan vẫn là chính, trong đó trách nhiệm thuộc về Ban điều hành.
 - Hiệu quả làm việc của Ban điều hành trong năm vừa qua không cao, không thực hiện được các mục tiêu, phương hướng của HĐQT đề ra và kỳ vọng của ĐHĐCĐ: không mang về được các hợp đồng hợp tác, hợp đồng đại lý lâu dài, độc quyền

của các nhà cung cấp lớn trên thế giới; Chi phí hoạt động cao, hiệu quả thấp, năng lực cạnh tranh kém dẫn đến hoạt động đấu thầu thua là chính; Công nợ, hàng tồn kho kéo dài từ năm này sang năm khác không được giải quyết dứt điểm. Sự yếu kém này dẫn đến kết quả SXKD cuối năm: doanh thu chỉ đạt 29,76%, lợi nhuận đạt 0,64% so với kế hoạch năm 2017 đã được phê duyệt tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 và hệ lụy phải xin không trích lập các khoản dự phòng, sử dụng quỹ đầu tư phát triển để bù đắp thiệt hại.

- HĐQT cũng xin báo cáo ĐHCĐ là tại cuộc họp HĐQT ngày 7/4/2018, HĐQT đã quyết nghị miễn nhiệm Tổng giám đốc Nhiệm kỳ 2015-2018 đối với ông Hoàng Dương và bổ nhiệm bà Đỗ Thị Bích Hà là Tổng giám đốc điều hành Petechim Nhiệm kỳ 2018-2023 kể từ hôm nay ngày 23/4/2018.

5. Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký HĐQT:

Thực hiện Nghị quyết số 16/NQ-TMDK ngày 12/04/2017 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2017, Tổng giám đốc đã thực hiện đầy đủ việc chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS, Thư ký HĐQT năm 2017 theo định kỳ hàng quý với tổng số tiền là 348.000.000 VN đồng.

PHẦN II: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018

- I. **Mục tiêu chiến lược:** Nâng cao năng lực cạnh tranh, lấy **hiệu quả** hoạt động và việc tạo ra **lợi nhuận** và lợi ích cho chủ sở hữu, các cổ đông, cũng như người lao động làm mục tiêu hoạt động.

Để thực hiện mục tiêu đó cần:

- Từ kết quả kinh doanh không khả quan của các năm qua, đặc biệt năm 2017, Công ty Petechim cần định hướng lại chiến lược kinh doanh, đổi mới phương thức hoạt động và triển khai công việc trên cơ sở **Tập trung vào các lĩnh vực hoạt động gắn liền với chiến lược/định hướng phát triển của ngành Dầu khí và Tập đoàn Sovico Holdings** với mục tiêu hàng đầu là bảo toàn vốn và thu được lợi nhuận, vừa đảm bảo lợi ích của cổ đông, vừa đảm bảo thu nhập cho người lao động, gắn kết quyền lợi và trách nhiệm của từng cá nhân với sự phát triển bền vững của Công ty.
- Duy trì và mở rộng các hoạt động và thị trường truyền thống hiện có; đồng thời tập trung phát triển thị trường mới, đa dạng hóa các lĩnh vực hoạt động, tạo lập các dịch vụ mới trên nguyên tắc hiệu quả để phát triển lâu dài.
- Tăng cường quan hệ hợp tác với các đối tác chiến lược, khách hàng truyền thống, khách hàng tiềm năng để tạo cơ hội tham gia vào các dự án đầu tư trọng điểm, xây dựng được các hoạt động lâu dài, cốt lõi, bền vững, đồng thời nâng cao vị thế của Công ty trong ngành dầu khí và các lĩnh vực hoạt động của Sovico Holdings.
- Mở rộng đầu tư sang lĩnh vực chứng khoán đối với các cổ phiếu tốt.
- Tận dụng tối đa vị thế, sự hỗ trợ cũng như các lĩnh vực hoạt động và đầu tư của PVOil và Sovico Holdings để phát triển.
- Sử dụng tối đa các nguồn lực hiện có, lấy yếu tố con người làm động lực chính cho phát triển doanh nghiệp. Có chính sách sử dụng, thu hút, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đảm bảo cho sự phát triển của Công ty.

- Tiếp tục cải tiến cơ cấu tổ chức và quản trị theo hình thức tinh gọn, tiết kiệm, chuyên nghiệp, gắn trách nhiệm cá nhân các cấp với nhiệm vụ được giao nhằm đáp ứng được yêu cầu hiệu quả kinh doanh.
- Hoàn thiện và thực hiện các quy định, quy trình về quản lý phần vốn đã và sẽ góp tại các dự án/ doanh nghiệp nhằm đảm bảo an toàn và hiệu quả trong hoạt động đầu tư của Công ty.
- Có chính sách dự phòng tài chính nhằm ứng phó các nguy cơ rủi ro và đảm bảo nguồn tài chính phù hợp với lộ trình phát triển của Công ty.
- Xử lý quyết liệt và dứt điểm các nợ xấu còn tồn đọng.
- Hoàn thiện đề án chiến lược SXKD của Công ty đến năm 2020 nhằm định hướng và phát triển Công ty bền vững.

Đây là những công tác trọng tâm nhằm tiếp tục giữ vững và nâng cao vị thế cạnh tranh của Petechim trong giai đoạn phát triển và hội nhập.

II. Kế hoạch hành động:

1. Hoạt động kinh doanh

- Hoạt động SXKD năm 2018 của Petechim sẽ tập trung vào 4 nhóm hoạt động chính, như sau:

- Nhóm 1: Tập trung quản lý và hoàn thành tốt nhất các HĐ/DA đang thực hiện đảm bảo chất lượng, tiến độ, hiệu quả và làm xong đến đâu nghiệm thu thanh quyết toán dứt điểm đến đó nhằm tạo doanh thu, lợi nhuận và uy tín cho Petechim; Quyết liệt trong tham gia đấu thầu, duy trì thị trường truyền thống trong ngành Dầu khí (cung cấp ống thép cho các công trình dầu khí, thiết bị địa vật lý giếng khoan, thiết bị cho phòng thí nghiệm, thiết bị cho các nhà máy điện, thiết bị cho hệ thống tồn trữ, pha chế, phân phối và bán lẻ xăng dầu, hóa phẩm và chất xúc tác phục vụ công nghiệp dầu khí từ thượng nguồn đến hạ nguồn, giải pháp và sản phẩm ứng dụng công nghệ thông tin vào các lĩnh vực trong ngành dầu khí) và thị trường của nhóm các công ty của Sovico Holdings để tạo nguồn thu, lợi nhuận; Xử lý quyết liệt và dứt điểm các tồn đọng, nợ xấu và hàng tồn kho; Đối với các hợp đồng mới cần xem xét và đánh giá hiệu quả kinh doanh, rủi ro (nếu có) trước khi ký kết.
- Nhóm 2: Xúc tiến và ký kết các hợp đồng/thỏa thuận hợp tác với các đối tác/khách hàng chiến lược như GE, Honeywell, Technip, Vietsovpetro, Rosneft, Total Từng bước đạt được mục tiêu trở thành đối tác, đại lý, nhà phân phối cho các thương hiệu lớn với đầu ra là các hợp đồng cung cấp các thiết bị, dịch vụ trong nước cho các chủ đầu tư dầu khí như Vietsovpetro, PVEP, các JOC, POC, Nhà máy lọc dầu Dung Quất, các nhà máy điện thuộc PVN, Vietgazprom, Zarubezhneft, Soco, Rosneft, Lukoil, Gazprom Murphy, Perenco, ExxonMobil ... để xây dựng được các hoạt động lâu dài, cốt lõi, đồng thời nâng cao vị thế và năng lực cạnh tranh của Petechim nhằm có thể thực hiện được các định hướng ở nhóm 1.
- Nhóm 3: Mở rộng đầu tư vào lĩnh vực tài chính thông qua kênh chứng khoán đối với các cổ phiếu tốt, có khả năng sinh lời cao như cổ phiếu của Vietjet,... Thành lập tổ chuyên gia thu thập và phân tích thông tin thị trường/doanh nghiệp để đánh giá và lựa chọn kênh đầu tư, xác định suất đầu tư thích hợp nhằm tạo nguồn thu từ lợi nhuận ổn định cho Công ty.

- Nhóm 4: Tăng cường củng cố quan hệ với các cổ đông lớn như PVN/PVOil, Sovico Holdings/Vietjet,... và xây dựng chiến lược kinh doanh theo định hướng phát triển của ngành Dầu khí, của Tập đoàn Sovico Holdings.
- Định kỳ hoặc đột xuất tổ chức các cuộc họp HĐQT để chỉ đạo kịp thời các mặt hoạt động kinh doanh.
- Thực hiện công tác kiểm tra hoạt động kinh doanh để kịp thời chấn chỉnh các thiếu sót và tồn tại.
- Đứng trước dự báo tình hình kinh tế xã hội năm 2018 và thực trạng của Petechim, HĐQT đã xem xét và thống nhất xây dựng các chỉ tiêu kinh tế dự kiến cơ bản của Công ty Petechim năm 2018 như sau:

Riêng Công ty Petechim

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018 dự kiến
1	Doanh thu	300.000.000.000
2	Tổng chi phí chưa bao gồm chi phí lương	283.375.000.000
3	Tổng quỹ lương	12.500.000.000
4	Lợi nhuận đầu tư chứng khoán	9.000.000.000
5	Lợi nhuận trước thuế TNDN	13.125.000.000
6	Thuế TNDN (20%)	2.625.000.000
7	Lợi nhuận sau thuế TNDN	10.500.000.000
8	Tỷ lệ chia cổ tức (Dự kiến)	4%
9	Nộp ngân sách Nhà nước	15.000.000.000
10	Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động	10.000.000

Hợp nhất Công ty con

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018 dự kiến
1	Tổng doanh thu	973.000.000.000
2	Tổng chi phí	963.875.000.000
3	Lợi nhuận đầu tư chứng khoán	9.000.000.000
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	18.125.000.000
5	Thuế TNDN (20%)	3.625.000.000
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	14.500.000.000
7	Lãi thuộc về các cổ đông của công ty mẹ	11.106.600.000

2. Hoạt động đầu tư

- Đảm bảo nguồn vốn, tín dụng đáp ứng nhu cầu cho hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty;
- Quản lý tốt dòng tiền của Công ty, tăng cường hiệu quả sử dụng nguồn vốn, tối đa hóa lợi nhuận của nguồn vốn;
- Quản lý tốt việc đầu tư góp vốn vào các doanh nghiệp/ dự án và có phương án thoái vốn an toàn trong trường hợp cần thiết;
- Tăng cường quản lý và phát triển các hoạt động SXKD tại các công ty con: Công ty CP Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC), Công ty CP Thương mại Năng lượng xanh (GEC);
- Tiếp tục tìm kiếm, nghiên cứu các cơ hội đầu tư góp vốn vào các doanh nghiệp dầu khí trong và ngoài nước khi có cơ hội.
- Bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ thực hiện công tác quản lý đầu tư nhằm quản lý các danh mục đầu tư hiệu quả và đáp ứng được các mục tiêu của Công ty đề ra khi tham gia góp vốn đầu tư vào các dự án/ doanh nghiệp.

3. Kế hoạch thu hồi công nợ, xử lý hàng tồn kho

HĐQT tiếp tục theo dõi sát sao và đôn đốc quyết liệt Ban điều hành Công ty xử lý các công nợ và hàng tồn kho. Trong trường hợp cần thiết, Công ty sẽ tiến hành các thủ tục pháp lý để thu hồi phần vốn tồn đọng và các chi phí tài chính (nếu có) tại các công ty nêu tại Mục 4 Phần I của Báo cáo nhằm giảm thiểu thiệt hại tài chính của Công ty.

4. Công tác cổ phần, cổ phiếu:

- Đề xuất tỷ lệ chi trả cổ tức niên độ tài chính 2018 dự kiến: 4%
- Tiếp tục lưu ký chứng khoán cho các cổ đông Công ty tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Đồng thời, xem xét việc đăng ký giao dịch cổ phiếu tại sàn giao dịch chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom), tiến tới đưa cổ phiếu của Petechim lên sàn giao dịch chứng khoán vào thời điểm thích hợp nhằm nâng cao vị thế của Petechim, thu hút vốn đầu tư từ kênh chứng khoán.

PHẦN III: LỜI KẾT

Kính thưa các quý vị cổ đông, trên đây là báo cáo hoạt động năm 2017 và kế hoạch hoạt động của HĐQT trong năm 2018.

Thay mặt HĐQT công ty, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc về sự đóng góp nhiệt tình và hiệu quả của các quý cổ đông, sự quan tâm giúp đỡ của các cổ đông lớn: Tổng công ty Dầu Việt Nam và Tập đoàn Sovico Holdings, sự tin cậy ủng hộ của các đối tác, các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Đặc biệt xin trân trọng cảm ơn những nỗ lực lớn lao của CBNV Công ty đã góp phần quan trọng vào kết quả của Công ty Petechim trong năm 2017 vừa qua. Chúng tôi cam kết sẽ tiếp tục nỗ lực hết mình vì sự phát triển bền vững của Petechim.

Cuối cùng, thay mặt HĐQT, tôi xin trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm và đồng thuận của quý vị cổ đông. Kính chúc quý vị cổ đông sức khỏe, hạnh phúc và thịnh vượng.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT (để biết, phối hợp);
- Lưu VT, HĐQT, NXTC (03).

Cán bộ soạn thảo và kiểm tra:

- Nguyễn Xuân Trúc Chi
- Lê Thị Hào
- Nguyễn Ngọc Anh
- Đỗ Thị Bích Hà
- Trần Đức Chính

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Hùng

PHỤ LỤC SỐ 01

(Đính kèm Báo cáo số 29/B...//TMDK-HĐQT, ngày 09/4/2018)

STT	Biên bản họp	Số Nghị quyết/ Quyết định	Nội dung	Kết quả thực hiện
1	BBH số 01/BB-TMDK ngày 06/01/2017	NQ số 01A/NQ-TMDK, ngày 06/01/2017	Phương thức thanh toán với Công ty Ngọc Minh về các HĐ cung cấp VTTB cho các dự án của PVPower	Đang thực hiện
2	BBH số 02/BB-TMDK ngày 20/02/2017	NQ số 06/NQ-TMDK ngày 20/02/2017	Chấp thuận việc cho thuê một phần văn phòng thuộc sở hữu của Công ty Petechim tại tầng 11, tòa nhà Petroland, Q7	Hoàn tất ký HĐ cho thuê vp với Công ty Lotte
3		Quy chế số 04/QC-PH-TMDK ngày 28/02/2017	Quy chế phối hợp giữa Đảng ủy, HĐQT và TGD Công ty Petechim	Đang thực hiện
4	BBH số 05/BB-TMDK ngày 07/3/2017		Không trích lập dự phòng cho khoản công nợ 10.140.886.339 VNĐ của Công ty TNHH Hưng Yên vào Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016 của Petechim.	Đã thực hiện
5	BBH số 06/BB-TMDK ngày 11/3/2017		<ul style="list-style-type: none"> - Tổng kết tình hình hoạt động SXKD năm 2016 và kế hoạch hoạt động SXKD năm 2017; - Tình hình xử lý công nợ tồn đọng và hàng tồn kho; - Kế hoạch hoạt động SXKD năm 2017 của Petechim trong bối cảnh tình hình thị trường và PVN hiện tại; - Kiện toàn bộ máy tổ chức: xem xét đơn xin nghỉ việc của ông Trần Văn Mạnh; - Hủy bỏ đăng ký giao dịch cổ phiếu tại sàn Upcom; - Kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2017. 	Đã hoàn thành
6	BBH số 07/BB-TMDK ngày 29/3/2017	NQ số 13/NQ-TMDK ngày 29/3/2017	Thông qua các nội dung biểu quyết tại ĐHCĐ thường niên năm 2017 của PVOil Sài Gòn.	Đã hoàn thành
7	BBH số 09/BB-TMDK ngày		1. Thông qua việc điều chỉnh kế hoạch hoạt động SXKD năm 2017;	

STT	Biên bản họp	Số Nghị quyết/ Quyết định	Nội dung	Kết quả thực hiện
	01/4/2017		<p>2. Phương án xử lý công nợ tồn đọng và hàng tồn kho (GEC, GEEL, I6 hàng ống chống);</p> <p>3. Kế hoạch hoạt động SXKD năm 2017 của Petechim trong bối cảnh tình hình thị trường và PVN hiện tại;</p> <p>4. Kế hoạch tổ chức ĐHQĐ thường niên năm 2017.</p>	
8	BBH số 10/BB-TMDK ngày 10/4/2017	NQ số 15/NQ-TMDK ngày 10/3/2017	<p>Thông qua các nội dung biểu quyết tại ĐHQĐ thường niên năm 2017 của PVOil Miền Trung.</p>	Đã hoàn thành
9	BBH số 15/BB-TMDK ngày 14/4/2017	<p>QĐ số 21/QĐ-TMDK ngày 14/4/2017</p> <p>QĐ số 22/QĐ-TMDK ngày 14/4/2017</p> <p>QĐ số 23/QĐ-TMDK ngày 14/4/2017</p> <p>QĐ số 24/QĐ-TMDK ngày 14/4/2017</p>	<p>Thay đổi phần vốn của Petechim cho NPD tại:</p> <p>- PAIC: Chấm dứt HĐ đại diện của ô. Phạm Việt Thăng kể từ 07/5/2017. Ô. Hoàng Dương đại diện 1.137.176 cp (26,85%); Ô. Nguyễn Quang Trung đại diện 1.058.824 cp (25%)</p> <p>- GEC: Chấm dứt HĐ đại diện của ô. Trần Văn Mạnh kể từ 14/4/2017 thay Bà Đỗ Thị Bích Hà làm đại diện 5.600 cp (28%)</p> <p>- PV Oil Sài Gòn: Chấm dứt HĐ đại diện của ô. Trần Văn Mạnh kể từ 14/4/2017, thay Ô. Trần Mạnh Hùng làm đại diện 1.100.000 cp (5,5%)</p>	Đã hoàn thành
10	BBH số 16/BB-TMDK ngày 20/4/2017	NQ số 25/NQ-TMDK ngày 20/4/2017	<p>Phê duyệt v/v xin cấp hạn mức tín dụng 200 tỷ VNĐ giao dịch tại MBBank – CN An Phú</p>	Đang thực hiện
11		QĐ số 30/QĐ-TMDK ngày 19/5/2017	<p>Cử ông Hoàng Dương – TGD đi công tác tại Nga tham dự hội nghị “Các giải pháp hữu hiệu để tăng sản lượng Dầu khí, tối ưu hóa chi phí vận hành và sửa chữa giếng khoan” do hãng Promperforator đài thọ.</p>	Đã hoàn thành
12	BBH số 18/BB-TMDK ngày 22/5/2017	NQ số 31/NQ-TMDK ngày 22/5/2017	<p>Chấp thuận việc không kháng cáo và thực hiện theo bản án phúc thẩm ngày 09/5/2017 của TAND tỉnh Lâm Đồng về vụ án tranh chấp HĐ kinh doanh với</p>	Đã hoàn thành

STT	Biên bản họp	Số Nghị quyết/ Quyết định	Nội dung	Kết quả thực hiện
			Cty TNHH Hưng Yên với số tiền tòa tuyên là 13.191.194.939 VND.	
13		QĐ số 36/QĐ-TMDK ngày 17/7/2017	Cử ông Hoàng Dương – TGD đi công tác tại Trung Quốc làm việc với Công ty Penglai Shuicheng Cast Basalt Pipe & Valve Co., Ltd vv cung cấp ống cast basalt và VTTB cho dự án NMNĐ Thái Bình 2.	Đã hoàn thành
14	BBH số 28/BB-TMDK ngày 04/8/2017	NQ số 39/NQ-TMDK ngày 04/8/2017	Phê duyệt v/v xin tái cấp hạn mức tín dụng 50 tỷ VND giao dịch tại PVComBank – CN HCM	Đang thực hiện
15	BBH số 29/BB-TMDK ngày 04/8/2017	QĐ số 39/QĐ-TMDK ngày 04/8/2017 cho ô. Hiếu QĐ số 40/QĐ-TMDK ngày 04/8/2017 cho ô. Chính	<ul style="list-style-type: none"> - Sơ kết tình hình hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm 2017 và kế hoạch hoạt động SXKD 6 tháng cuối năm; - Chủ trương đối với các công ty con và các doanh nghiệp có vốn góp của Petechim; - Phương án xử lý công nợ, tồn kho và sử dụng/ xử lý tài sản cố định của Công ty; - Các vấn đề chung khác; - Công tác nhân sự: Miễn nhiệm ông Trần Trung Chí Hiếu và bổ nhiệm ông Trần Đức Chính làm Thành viên HĐQT Petechim kể từ ngày 04/8/2017. 	Đã hoàn thành
16	BBH số 33/BB-TMDK ngày 13/9/2017	NQ số 44/NQ-TMDK ngày 13/9/2017	Phê duyệt v/v xin tái cấp hạn mức tín dụng 50 tỷ VND giao dịch tại HDBank – Trung tâm kinh doanh.	Đang thực hiện
17	BBH số 35/BB-TMDK ngày 11/10/2017		Rà soát tình hình hoạt động SXKD 9 tháng đầu năm và các phương án khắc phục các khó khăn, hạn chế, kế hoạch hành động 3 tháng cuối năm 2017, chuẩn bị cho năm 2018.	Đã hoàn thành
18	BBH số 38B/BB-TMDK ngày 15/11/2017	NQ số 50B/NQ-TMDK ngày 15/11/2017	Phê duyệt phương án thanh lý tài sản phòng máy chủ theo phương án giới hạn khách hàng.	Đã hoàn thành
19		QĐ số 52/QĐ-TMDK ngày 22/12/2017	Cử ông Hoàng Dương – TGD đi công tác tại Trung Quốc đàm phán với hãng Tianjin Yuan tai Derun Pipe Manufacturing cho NMNĐ Sông Hậu I	Đã hoàn thành

BÁO CÁO VÀ TỜ TRÌNH VỀ CÁC NỘI DUNG TÀI CHÍNH

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Hội đồng quản trị Công ty CP Thương mại Dầu khí (PETECHIM JSC) trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 các nội dung tài chính như sau:

1. Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ tài chính 2017.
2. Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ niên độ 2017
3. Báo cáo việc trích lập các quỹ và đề xuất phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2017
4. Đề xuất tỷ lệ trích lập các quỹ niên độ tài chính 2018.
5. Đề xuất chi trả thù lao HĐQT 2018

1. Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ tài chính 2017.

Hội đồng quản trị xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông tóm tắt về báo cáo tài chính hợp nhất niên độ tài chính 2017 như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất niên độ tài chính năm 2017 (tóm tắt):

Khoản mục	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 31/12/2016
TÀI SẢN		
Tài sản ngắn hạn	297.641.291.996	365.838.612.490
Tiền	28.154.267.096	25.255.994.924
Các khoản khoản tương đương tiền	50.049.818.521	47.522.146.110
Các khoản phải thu tài chính ngắn hạn	36.900.000.000	100.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	36.900.000.000	100.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		
Các khoản phải thu ngắn hạn	119.458.759.833	110.767.996.742
Phải thu của khách hàng	91.260.540.116	78.195.990.132
Trả trước cho người bán	28.284.615.898	29.926.042.342
Các khoản phải thu khác	3.000.498.164	5.532.954.823
Dự phòng giảm giá phải thu khó đòi	(3.086.894.345)	(2.886.990.555)
Hàng tồn kho	60.979.755.082	72.651.011.851
Tài sản ngắn hạn khác	2.098.691.464	7.681.462.863
Tài sản dài hạn	128.708.613.276	133.991.677.055
Tài sản cố định	59.174.959.787	61.921.356.029
Tài sản dở dang dài hạn	3.099.145.211	4.648.717.816
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	26.861.042.903	27.626.200.312
Tài sản dài hạn khác	4.969.281.856	5.175.732.844
Lợi thế thương mại	2.690.699.534	3.127.707.189
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	426.349.905.272	497.870.289.545
NGUỒN VỐN		
Nợ phải trả	151.879.605.775	221.754.440.778

Khoản mục	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 31/12/2016
Nợ ngắn hạn	119.031.204.475	185.041.521.678
Nợ dài hạn	32.848.401.300	36.712.919.100
Vốn chủ sở hữu	274.470.299.497	276.115.848.767
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	35.702.112.056	35.328.811.660
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	6.564.634.363	8.933.818.936
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	32.200.553.078	31.853.218.171
TỔNG CÔNG NGUỒN VỐN	426.349.905.272	497.870.289.545

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất niên độ tài chính năm 2017:

Chi tiêu	Năm 2017	Năm 2016	Tỷ lệ tăng giảm(%)
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	792.474.781.956	718.192.281.924	(33,32)
2. Giá vốn hàng bán	747.203.186.237	672.098.603.975	(32,70)
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	45.271.595.719	46.093.677.949	(41,25)
4. Doanh thu hoạt động tài chính	5.058.581.877	7.359.075.038	117,83
5. Chi phí tài chính	7.307.469.227	6.149.593.246	(59,50)
6. Chi phí bán hàng	7.177.306.297	14.452.470.975	(40,28)
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29.703.880.821	30.004.795.128	9,59
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.641.145.107	2.845.893.638	(81,13)
9. Thu nhập khác	4.540.631.734	3.172.537.690	(5,05)
10. Chi phí khác	1.710.373.920	56.787.890	(96,36)
11. Lợi nhuận khác	2.830.257.814	3.115.749.800	74,85
12. Phần lãi từ công ty liên kết	(765.157.409)	838.881.585	(33,24)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.706.245.512	6.800.525.023	(62,46)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.236.632.768	2.221.001.181	(41,62)
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.639.979.303	4.674.803.965	(67,34)
16. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	2.607.816.946	4.201.830.355	178,63
17. Lãi thuộc về các cổ đông của công ty mẹ	(967.837.643)	472.973.610	(96,31)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(58)	21	(96,48)

Một số chỉ số tài chính:

	ĐVT	Niên độ 2017	Niên độ 2016
I. Tỷ số thanh toán			
1. Khả năng thanh toán hiện thời	Lần	2,50	1,98
2. Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,97	1,53
II. Tỷ số hoạt động			
1. Vòng quay khoản phải thu	Vòng	6,88	5,76
2. Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,86	1,44
3. Kỳ thu tiền trung bình	Ngày	53,02	63,36
III. Tỷ số sinh lời			
1. Tỷ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	0,60	1,69
2. Tỷ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (ROS)	%	0,21	0,65

	ĐVT	Niên độ 2017	Niên độ 2016
3. Tỷ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	%	0.38	0,94
IV. Tỷ số nợ			
1. Tỷ số nợ/Tổng tài sản	%	35,62	44,54
2. Tỷ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	54,62	80,31

2. Báo cáo tài chính riêng niên độ tài chính 2017:

Bảng cân đối kế toán niên độ tài chính 2017 (tóm tắt)

Khoản mục	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 31/12/2016
TÀI SẢN		
Tài sản ngắn hạn	208.528.154.607	307.672.234.684
Tiền	17.432.643.490	17.231.995.242
Các khoản khoản tương đương tiền	43.649.818.521	20.622.146.110
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	17.000.000.000	100.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	17.000.000.000	100.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		
Các khoản phải thu ngắn hạn	101.090.765.335	137.166.690.284
Phải thu của khách hàng	72.384.637.504	109.354.619.737
Trả trước cho người bán	27.907.318.268	27.322.488.992
Các khoản phải thu khác	2.021.293.775	1.512.161.977
Dự phòng giảm giá phải thu khó đòi	(1.222.484.212)	(1.022.580.422)
Hàng tồn kho	29.230.767.316	29.744.126.329
Tài sản ngắn hạn khác	124.159.945	2.907.276.719
Tài sản dài hạn	134.306.763.174	134.958.385.923
Tài sản cố định	42.219.582.380	43.698.059.638
Bất động sản đầu tư	33.786.580.157	34.479.638.213
Tài sản dở dang dài hạn		
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	57.176.828.266	55.987.056.654
Đầu tư vào công ty con	31.486.687.800	31.486.687.800
Đầu tư vào công ty liên kết	2.500.000.000	2.500.000.000
Đầu tư dài hạn khác	24.000.000.000	24.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(809.859.534)	(1.999.631.146)
Tài sản dài hạn khác	1.072.409.371	780.631.418
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	342.834.917.781	442.630.620.607
NGUỒN VỐN		
Nợ phải trả	106.931.480.663	206.364.373.934
Nợ ngắn hạn	74.083.079.363	169.651.454.834
Nợ dài hạn	32.848.401.300	36.712.919.100
Vốn chủ sở hữu	235.903.437.118	236.266.246.673
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	35.005.342.627	34.986.403.149
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	898.094.491	1.279.843.524
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	342.834.917.781	442.630.620.607

Báo cáo tóm tắt kết quả hoạt động kinh doanh niên độ tài chính năm 2017:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016	Tỷ lệ tăng(%)
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	249.962.992.505	589.131.606.587	(57,57)
2. Giá vốn hàng bán	230.772.210.773	569.270.183.519	(59,46)
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.190.781.732	19.861.423.068	(3,38)
4. Doanh thu hoạt động tài chính	5.166.153.671	9.736.045.280	(46,94)
5. Chi phí tài chính	6.068.289.408	5.406.547.952	12,24
6. Chi phí bán hàng	8.849.529.220	12.614.401.926	(29,85)
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.680.083.656	14.064.054.025	(2,73)
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(4.240.966.881)	(2.487.535.555)	70,94
9. Thu nhập khác	4.518.186.279	3.074.305.715	46,97
10. Chi phí khác	77.474.830	49.375.384	56,91
11. Lợi nhuận khác	4.440.711.449	3.024.930.331	46,80
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	199.744.568	537.394.776	(62,83)
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	369.257.065	-	100,00
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	96.134.185	537.394.776	(82,11)

3. Báo cáo việc trích lập các quỹ và đề xuất phân phối lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế năm 2017 của Công ty là 96.134.185 đồng. HĐQT đề xuất đưa vào lợi nhuận chưa phân phối để các năm sau sẽ sử dụng.

4. Đề xuất tỷ lệ trích lập các quỹ niên độ tài chính 2018

Căn cứ kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018, HĐQT đề xuất tỷ lệ trích lập các quỹ niên độ tài chính năm 2018 như sau:

STT	Nội dung	Diễn giải	Giá trị (đồng)
I	Lợi nhuận sau thuế	LNST	10.500.000.000
II	Trích thưởng Ban điều hành nếu vượt kế hoạch LNST	Tối đa 5% phần vượt kế hoạch LNST (nhưng không vượt quá 250 triệu đồng)	0
III	Lợi nhuận sau thuế trước khi trích lập quỹ(III=I-II)		10.500.000.000
IV	Trích lập các quỹ	15% LNST	1.575.000.000
-	<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	<i>10% LNST</i>	<i>1.050.000.000</i>
-	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Không quá 5% LNST</i>	<i>525.000.000</i>
V	Lợi nhuận sau thuế TNDN sau khi đã trích các quỹ (III-IV)		8.925.000.000
VI	Lợi nhuận dự kiến lũy kế đến hết năm 2018		9.823.094.491
VII	Lợi nhuận dự kiến chi trả cổ tức		8.000.000.000
VIII	Tỷ lệ cổ tức dự kiến		4%
IX	Lợi nhuận giữ lại sau khi chi trả cổ tức		1.823.094.491

5. Đề xuất chi trả thù lao HĐQT, BKS, Thư ký HĐQT:

HQĐT đề xuất mức chi trả thù lao năm 2018 như mức đang chi trả năm 2017 là cụ thể:

STT	Chức vụ	Mức thù lao (VNĐ/năm)
1	Chủ tịch HĐQT (5.000.000/tháng x 1 người x 12 tháng)	60.000.000
2	Thành viên HĐQT (3.000.000/tháng x 5 người x 12 tháng)	180.000.000
3	Trưởng BKS (3.000.000/tháng x 1 người x 12 tháng)	36.000.000

STT	Chức vụ	Mức thù lao (VNĐ/năm)
4	Kiểm soát viên (2.000.000/ tháng x 2 người x 12 tháng)	48.000.000
5	Thư ký (2.000.000/tháng x 1 người x 12 tháng)	24.000.000
	Tổng cộng	348.000.000

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT Petechim (để biết, phối hợp);
- Lưu VT, P. TCKT, PTHY (03).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Hùng



Số: 313 /TMDK-KHĐT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO TỔNG KẾT
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017
VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Công ty CP Thương mại Dầu khí (Petechem JSC) kính báo cáo ĐHĐCĐ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 như sau:

PHẦN 1 - TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2017

I. Tình hình chung

▪ Thuận lợi:

- Công ty Petechem là đơn vị kế thừa và phát triển thương hiệu Petechem với lịch sử hình thành và phát triển hơn 35 năm (1981-2017), là nhà cung cấp dịch vụ và thương mại có uy tín trong ngành Dầu khí trong suốt những năm qua.
- Hồ sơ năng lực và hồ sơ kinh nghiệm của Petechem trong các năm qua với số lượng hợp đồng lớn, quy mô dự án/hợp đồng có giá trị cao, sản phẩm đa dạng đã tạo được niềm tin cho chủ đầu tư khi tham gia đấu thầu và thực hiện hợp đồng.
- Tình hình tài chính đảm bảo, báo cáo tài chính được kiểm toán độc lập xác nhận minh bạch, trung thực, hợp lý, tạo tiền đề vững chắc cho hoạt động đấu thầu của công ty.
- Nhân sự cấp cao của Petechem là những người có nhiều kinh nghiệm trong hoạt động thương mại và có mối quan hệ sâu rộng với các đối tác trong, ngoài nước, với Tập đoàn Dầu khí và các đơn vị thành viên.
- Công ty Petechem nhận được sự hỗ trợ nhiều mặt từ các đơn vị trong ngành như Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL), nhóm cổ đông chiến lược Sovico Holdings, các đối tác truyền thống trong ngành như Vietsovpetro, PVEP... cũng như các nhà thầu dầu khí trong và ngoài nước.
- Hiện nay Petechem đang tiếp tục duy trì và phát triển thị trường truyền thống của ngành dầu khí, đồng thời bước đầu mở rộng sang các lĩnh vực kinh doanh mới như thực hiện các hợp đồng mua sắm vật tư, thiết bị trong ngành điện.

▪ Khó khăn:

- Năm 2017 vẫn là năm mà Petechem phải đương đầu với những khó khăn của ngành dầu khí, giá dầu thế giới đã được cải thiện song vẫn ở mức thấp. Các khách hàng truyền thống của công ty trong lĩnh vực khoan và khai thác dầu khí đã cắt giảm tối đa

quy mô đầu tư, mua sắm trong khi hoạt động kinh doanh chủ yếu của Petechim hoàn toàn phụ thuộc vào các khách hàng này (VSP, PVEP, JOC, ...).

- Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Petechim là hoạt động thương mại và dịch vụ cho các công ty trong ngành dầu khí, trong vài năm trở lại đây chủ yếu đơn thuần hoạt động thương mại, không có hoạt động cốt lõi/đặc thù, năng lực cạnh tranh hạn chế, trong khi đó phạm vi hoạt động truyền thống này ngày càng bị thu hẹp dần. Mức độ cạnh tranh càng trở nên khốc liệt hơn khi các công ty cùng lĩnh vực kinh doanh đều gặp tình trạng ít đơn hàng, biên lợi nhuận giảm tối đa hoặc hòa vốn để được tham gia hợp đồng nhằm duy trì đội ngũ, kinh nghiệm và lưu chuyển dòng tiền.

- Một vài hoạt động kinh doanh triển khai theo hình thức dự án gặp vướng mắc, tồn đọng nhất định trong giai đoạn vừa qua gây ảnh hưởng đến uy tín làm vị thế của Công ty bị giảm sút.

- Chất lượng nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu công việc. Đặc biệt xảy ra tình trạng chảy máu chất xám trong giai đoạn 2015-2017 đối với một số cán bộ có năng lực, kinh nghiệm và thâm niên công tác tại Petechim.

- Công ty hầu như không có tài sản, nhà xưởng, trang thiết bị máy móc,... nên không thể chủ động trong việc triển khai các dự án EPC vừa và nhỏ.

- Báo cáo tài chính một số tháng ghi nhận kinh doanh lỗ, lợi nhuận âm khiến uy tín của công ty đối với các ngân hàng giảm sút, dẫn đến khó khăn trong việc xin tái cấp hạn mức tín dụng cũng như các hoạt động bảo lãnh, giải ngân cho Petechim trong thời gian tới.

II. Tình hình hoạt động SXKD năm 2017 của Công ty Petechim

1. Các hoạt động trọng tâm thực hiện trong năm 2017

- Thực hiện 78 hợp đồng đã ký, triển khai các dự án nguồn từ năm 2016 và thực hiện ký mới 42 hợp đồng đầu ra, trong đó có 12 hợp đồng không qua đấu thầu là các hợp đồng cung cấp naphtha cho GEC.

- Tham gia đấu thầu trên 90 dự án mới, trong đó trúng 30 gói thầu đã và triển khai ký 30 hợp đồng.

- Theo dõi chặt chẽ tình hình và chính sách tài khóa, tiền tệ nhằm giảm thiểu rủi ro, đảm bảo an toàn tài chính cho hoạt động của Công ty.

- Xử lý các tồn đọng và các công nợ quá hạn khó đòi.

- Thực hiện cắt giảm tối đa các khoản chi phí, thu hẹp việc sử dụng cơ sở vật chất và trụ sở làm việc. Cho Công ty TNHH Truyền Số Liệu Lotte Việt Nam và CP Công Nghệ Cao Lotte - HPT Việt Nam thuê một phần diện tích tại VP toà nhà Petroland.

- Xây dựng chiến lược phát triển Petechim đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025.

2. Kết quả hoạt động SXKD năm 2017 của Công ty Petechim

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	% so với KH năm 2017	% so với cùng kỳ năm ngoái
1	Doanh thu BH&CCDV	840.000	249.962,99	29,76%	42,43%
2	Giá vốn hàng bán về BH&CCDV	789.182	230.772,21	29,24%	40,54%
3	Lợi nhuận gộp về BH&CCDV (3=1-2)	50.818	19.190,78	37,76%	96,62%
4	Tổng chi phí	35.068	22.529,61	64,25%	84,45%
5	Lợi nhuận kinh doanh (5=3-4)	15.750	- 3.338,83	- 21,20%	48,98%
6	Lợi nhuận tài chính	3.000	- 902,14	- 30,07%	- 20,84%
7	Lợi nhuận khác	0	4.440,71	-	146,80%
8	Lợi nhuận trước thuế (8=5+6+7)	18.750	199,74	1,07%	37,17%
9	Lợi nhuận sau thuế	15.000	96,13	0,64%	17,89%

(Số liệu tính đến hết 31/12/20167 theo BCTC riêng đã kiểm toán 2017)

➤ Đánh giá kết quả đã thực hiện:

Trong năm 2017, hoạt động kinh doanh của Công ty đạt kết quả rất thấp do những nguyên nhân cơ bản sau:

- Khách quan: Trong bối thị trường dịch vụ thương mại trong ngành dầu khí và ngoài ngành ngày càng cạnh tranh gay gắt việc triển khai các hợp đồng lớn không thực hiện được theo kế hoạch đã đề ra tại ĐHĐCĐ thường niên Petechim năm 2017 do các nhà đầu tư dừng hoặc giãn tiến độ dự án (khiến Petechim không còn nhiều cơ hội kinh doanh).

- Chủ quan: Petechim còn nhiều hạn chế về năng lực cạnh tranh so với các đối thủ trong và ngoài ngành dẫn đến xác suất đấu thầu thành công thấp. Dù đã thực hiện các biện pháp cắt giảm nhưng chi phí vẫn còn ở mức cao, giá chào thầu thường cao nên chủ yếu thua thầu về thương mại, công nợ và hàng tồn kho hầu như chưa giải quyết được dẫn đến phát sinh chi phí tài chính và bị chiếm dụng vốn. Hoạt động kinh doanh chủ yếu là hoạt động thương mại, trong khi vẫn giới hạn trong phạm vi hẹp với những hợp đồng/khách hàng truyền thống, chưa đa dạng hoá và phát triển thêm được lĩnh vực mới. Việc bám sát các khách hàng và các cơ hội (VSP, PVEP POC, các JOCs...), tận dụng các đối tác (đặc biệt, GE, GE Baker Huges...) để hiện thực hóa các cơ hội chưa đạt yêu cầu, chưa quyết liệt, chủ động cả trong các lĩnh vực truyền thống lẫn mở rộng các hoạt động ra ngoài ngành Dầu khí.

Do đó, mặc dù đã rất nỗ lực phấn đấu nhưng năm 2017 Công ty vẫn không hoàn thành được kế hoạch đã đề ra, tổng doanh thu cả năm đạt được 249,96 tỷ đồng, tương đương 29,76% kế hoạch năm và bằng 42,43% so với năm 2016.

Lợi nhuận trước thuế của công ty đạt 0,10 tỷ đồng, trong đó:

- + Khoản lỗ 3,6 tỷ khi xử lý lô ống casing tồn kho làm giảm lợi nhuận thu được của công ty.
- + Trích lập chi phí dự phòng tài chính 1,22 tỷ đồng cho các khoản công nợ phải thu khó đòi.
- + Lợi nhuận âm 0,9 tỷ đồng từ hoạt động tài chính, bao gồm lãi trả chậm sản phẩm phòng cho PVOIL là 2,10 tỷ đồng và chi phí dự phòng tài chính dài hạn là 0,81 tỷ đồng.

3. Các hoạt động cụ thể năm 2017 của Công ty Petechim

3.1 Hoạt động thương mại dịch vụ

Hoạt động thương mại: Doanh thu đạt 156,75 tỷ đồng, bằng 28% so với năm 2016 (568,20 tỷ đồng) và lợi nhuận gộp đạt 11,75 tỷ đồng, bằng 57% so với năm 2016 (20,62 tỷ đồng).

Hoạt động dịch vụ: Doanh thu năm đạt 90,70 tỷ đồng, bằng 438% so với năm 2016 (20,71 tỷ đồng) và lợi nhuận gộp đạt 5,63 tỷ đồng bằng 256% so với năm 2016 (2,20 tỷ đồng).

3.2 Công tác xử lý nợ xấu

Tổng số công nợ tồn đọng của Công ty đến thời điểm báo cáo là 21,55 tỷ đồng, bao gồm:

- Công ty TNHH Hưng Yên: 10,14 tỷ đồng.
- Doanh nghiệp Tư nhân Minh Tiến: 0,56 tỷ đồng.
- Công ty CP Thương Mại Năng Lượng Xanh (GEC): 5,83 tỷ đồng.
- Công ty CP Công Nghiệp Năng Lượng Xanh: 5,02 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, một số khoản công nợ quá hạn của các hợp đồng vừa thực hiện phát sinh trong năm 2016 ~ 2017 đang được Công ty đánh giá lại và đưa vào mục nợ khó đòi với tổng nợ là 29,86 tỷ đồng, bao gồm:

- HĐ cung cấp thép hình Sông Hậu 1 với PVCMS: 1,33 tỷ đồng.
- HĐ cung cấp thép ống cường độ cao với PVCMS: 4,39 tỷ đồng.
- HĐ cung cấp thép ống cường độ cao với PV Shipyard: 8,00 tỷ đồng.
- HĐ cung cấp casing cho PVD TM: 16,14 tỷ đồng.

Mặc dù, Ban điều hành Công ty đã quan tâm xúc tiến công tác thu hồi công nợ trên nhưng đến thời điểm hiện tại, việc xử lý được triển khai chậm, chưa quyết liệt. Các tồn đọng về cơ bản vẫn chưa được giải quyết, hoặc xử lý chưa dứt điểm.

Việc chậm xử lý nợ xấu ảnh hưởng lớn đến dòng tiền của Petechim, đặc biệt ảnh hưởng tới Báo cáo Tài chính 2017 và cần phải xử lý quyết liệt để có vốn cho SXKD trong 2018.

3.3 Hoạt động đầu tư

▪ Công tác đầu tư góp vốn: Công ty Petechim đã đầu tư góp vốn vào 06 doanh nghiệp với tổng số tiền đầu tư là 57,99 tỷ đồng, bao gồm:

- 02 công ty con:

- Công ty CP Thương Mại Năng Lượng Xanh (GEC).
- Công ty CP CNTT, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC).

- 04 công ty liên kết:

- Công ty CP Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ (PV Oil Phú Mỹ).
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PV Oil Sài Gòn).
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Miền Trung (PV Oil Miền Trung).
- Công ty CP Hậu cần Dầu khí (PVLSC) – HĐQT đã có nghị quyết về thoái vốn khỏi Công ty này, song đến nay vẫn chưa được thực hiện.

Sau khi Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL) IPO thành công và niêm yết trên thị trường chứng khoán thì Petechim sẽ nhanh chóng tìm cơ hội thoái vốn khỏi các doanh nghiệp không nắm cổ phần chi phối theo lộ trình được HĐQT phê duyệt.

▪ Công tác đầu tư XDCB và mua sắm TSCĐ:

- Trong năm 2017 Công ty không thực hiện việc đầu tư XDCB và mua sắm TSCĐ.

- Tình hình sử dụng TSCĐ của Công ty đến thời điểm hiện tại như sau:

+ Năm 2011, Petechim nhận chuyển nhượng CHXD Cà Mau từ DNTN Nga Khoa – Cà Mau trị giá 2,5 tỷ đồng đưa vào sử dụng nhằm đảm bảo đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu theo quy định, làm cơ sở ký kết các hợp đồng cung cấp nhiên liệu cho các nhà thầu dầu khí trong những năm qua. Hiện nay Petechim đang tìm kiếm khách hàng mua và tiến hành các thủ tục bán CHXD này để đầu tư CHXD khác.

+ Năm 2012, Petechim nhận chuyển nhượng toàn bộ tầng 11 Petroland (1.234 m²) từ PVOIL với tổng giá trị HĐ là 50,239 tỷ đồng, thanh toán trả chậm theo lãi suất huy động (thả nổi) kỳ hạn 06 tháng trả sau của Vietcombank, thời hạn trả 15 năm (từ 15/10/2014 đến 15/10/2029). Chi phí lãi trả chậm bình quân là hơn 2,2 tỷ đồng. Hiện tại Petechim đang sử dụng làm trụ sở văn phòng công ty và tiến hành cho Công ty LOTTE thuê 421,88 m² làm văn phòng công ty với giá đã bao gồm VAT 10% là 115 triệu đồng/tháng.

+ Năm 2014, Petechim nhận chuyển nhượng 02 căn biệt thự Kim Long, Nhà Bè, TP.HCM từ Công ty CP Thương mại và Đại lý Dầu tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trị giá 34,65 tỷ đồng. Ngày 09/01/2018, Petechim đã bán 02 căn biệt thự Kim Long cho công ty CP SX TM DV Tân Thế Kỷ Miền Nam với giá 37 tỷ đồng (đã gồm thuế VAT).

3.4 Công tác nhân sự

- Số lao động đầu kỳ: 52 người

- Số lao động tăng/giảm trong kỳ: tăng 6 người, giảm 4 người (*Tuyển mới, chuyển công tác*)

- Số lao động cuối kỳ: 54 người

- Công tác đào tạo: Thực hiện chủ trương tiết giảm chi phí, Công ty cũng cắt giảm chi phí đào tạo và chỉ tập trung đào tạo nội bộ, tham gia các khóa đào tạo bắt buộc.

- Ghi nhận: Chất lượng đội ngũ nhân sự hiện tại của Công ty hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu công việc của 1 Công ty làm Dịch vụ & Thương mại do tình trạng trì trệ, thụ động chờ việc, thiếu động lực, chưa máu lửa và quyết liệt trong bám đuổi cơ hội/công việc và thực hiện HĐ/DA.

3.5 Công tác cổ đông

- Số lượng cổ đông đến thời điểm báo cáo: 2.819 cổ đông.

- Công ty Petechim đã hoàn thành việc lưu ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam vào ngày 31/08/2016.

- Tính đến hết ngày 13/03/2018, Công ty Petechim đã thực hiện việc chi trả cổ tức như sau:

Năm	Tổng giá trị cổ tức (VNĐ)	Số cổ tức đã trả (VNĐ)	Tỷ lệ đã trả	Số cổ tức chưa trả (VNĐ)	Tỷ lệ chưa trả
2012	24.000.000.000	22.921.392.000	95,51%	1.078.608.000	4,49%
2013	21.000.000.000	19.935.258.000	94,93%	1.064.742.000	5,07%
2014	16.000.000.000	15.093.784.000	94,34%	906.216.000	5,66%
2015	7.000.000.000	6.447.525.000	92,11%	552.419.000	7,89%

3.6 Hoạt động an sinh xã hội, hoạt động của các tổ chức đoàn thể

Ban lãnh đạo Công ty Petechim luôn hết sức quan tâm và phối hợp với BCH Công đoàn và BCH Đoàn thanh niên Công ty thực hiện các hoạt động an sinh xã hội và hoạt động của các tổ chức đoàn thể như tổ chức Đại hội đoàn Công ty, hoạt động chăm lo đời sống của CBNV, Ngày Quốc tế phụ nữ, tham gia hội thao của Công ty PVEP khu vực phía Nam và các chương trình tập thể khác.

III. Kết quả hoạt động SXKD năm 2017 của các đơn vị thành viên

1. Hoạt động tại Công ty CP Thương mại Năng lượng xanh (GEC)

Kết quả hoạt động SXKD năm 2017 của Công ty GEC được thể hiện như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	% so với KH năm 2017	% so với cùng kỳ năm ngoái
1	Doanh thu	450.000,00	560,214.64	124,49%	137,46%
2	Giá vốn	435.500,00	551,908.26	126,73%	138,78%
3	Lợi nhuận gộp	14.500,00	8,306.39	57,29%	84,22%
4	Chi phí	4.000,00	3.430,12	85,74%	96,85%
5	LNTT	10.500,00	4,887.76	46,55%	76,96%
6	LNST	8.400,00	3,850.90	45,86%	75,82%

Doanh thu năm 2017 ước đạt 560,21 tỷ đồng, bằng 124% so với kế hoạch năm 2017 và bằng 137% so với cùng kỳ năm 2016 (407,59 tỷ đồng). Lợi nhuận trước thuế đạt 4,89 tỷ đồng, bằng 47% so với kế hoạch năm 2017 và bằng 77% so với cùng kỳ năm 2016 (6,35 tỷ đồng).

Doanh thu năm 2017 tăng trưởng khá tốt. Tuy nhiên, lợi nhuận thu lại chưa cao, do những nguyên nhân sau:

- Sự tăng giá của nguyên liệu đầu vào: Nguyên liệu N,N-dimethylaniline (MFA) là nguyên liệu chính để pha chế phụ gia CN120. Do biến động của thị trường, năm 2017 giá mua MFA tăng mạnh.

- Sự gia tăng của tỷ giá ngoại tệ USD: Năm 2017 tỷ giá trung bình là 22.750 - 22.770 VNĐ/USD, có thời điểm tỷ giá tăng vọt lên đến 22.830 VNĐ/USD so với mức trung bình 22.330 - 22.400 VNĐ/USD cùng kỳ năm 2016.

2. Hoạt động tại Công ty Cổ phần CNTT, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC)

Kết quả hoạt động SXKD năm 2017 của Công ty PAIC được thể hiện như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	% so với KH năm 2017	% so với cùng kỳ năm ngoái
1	Tổng doanh thu	100.000	76.312,74	76,31%	94,04%
2	Giá vốn	70.500	59.000,26	83,69%	106,94%
3	Lợi nhuận gộp	29.500	17.312,48	58,69%	80,74%
4	Chi phí	25.500	14.984,83	58,41%	69,89%
5	LNTT	4.000	2.327,65	58,19%	51,25%
6	LNST	2.900	1.497,15	51,63%	41,68%

Doanh thu năm 2017 đạt 76,31 tỷ đồng, bằng 76% so với kế hoạch năm 2017 và bằng 94% so với cùng kỳ năm 2016 (81,15 tỷ đồng). Lợi nhuận trước thuế đạt 2,33 tỷ đồng, bằng 58% so với kế hoạch năm 2017 và bằng 51% so với cùng kỳ năm 2016 (4,54 tỷ đồng). (Mức lợi nhuận này đã trích 1,5 tỷ đồng để bù lỗ cho khoản chi phí còn lại của dự án Pin mặt trời là 4,6 tỷ đồng đang được theo dõi là khoản chi phí XDCB dở dang chưa đưa vào quyết toán mà PAIC sẽ dùng LNST từ năm 2017 đến năm 2019 để bù đắp).

Mặc dù với sự cố gắng, nỗ lực của tập thể Lãnh đạo và toàn thể CBCNV Công ty nhưng kết quả doanh thu, lợi nhuận năm 2017 của Công ty không đạt kế hoạch do những nguyên nhân chính sau:

- Việc thay đổi nhân sự quản lý, xáo trộn nhân sự của chi nhánh Hồ Chí Minh ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của chi nhánh nói riêng và của Công ty nói chung.

- Năng lực hiện tại của PAIC mới chỉ đáp ứng được các dự án có quy mô vừa và nhỏ; năng lực cạnh tranh vẫn còn ở mức thấp.

- Tiềm lực về cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu để cạnh tranh với các công ty khác trong cùng lĩnh vực.
- Ít có các dự án, hợp đồng mang tính dài hơi, gói đầu, chưa có chủ trương, định hướng sản phẩm dịch vụ có ưu thế cụ thể để tiếp cận thị trường và đánh giá được khả năng cung cấp.
- Một số hợp đồng, dự án không đạt tiến độ như dự kiến. Một số dự án lớn có sự thay đổi về quan điểm, cách thức thực hiện nên PAIC không còn cơ hội tiếp cận tham gia.

IV. Kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2017

1. Về chỉ tiêu kinh doanh hợp nhất năm 2017

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	% so với KH năm 2017	% so với cùng kỳ năm ngoái
1	Doanh thu BH&CCDV	1.300.000	792.474,78	60,96%	110,34%
2	Giá vốn hàng bán về BH&CCDV	1.206.000	747.203,19	61,96%	111,17%
3	Lợi nhuận gộp về BH&CCDV (3=1-2)	94.000	45.271,59	48,16%	98,22%
4	Lợi nhuận tài chính	3.000	- 2.248,89	-74,96%	-185,94%
5	Tổng chi phí	67.250	41.381,56	61,53%	93,08%
6	Lợi nhuận khác	-	2.830,26	-	90,84%
7	Phần (lỗ)/lãi trong công ty liên kết	-	- 765,16	-	-
8	LNTT (8=3+4-5+6+7)	29.750	3.706,25	12,46%	54,50%
9	LNST	23.800	1.639,98	6,89%	35,08%

(Số liệu tính đến hết 31/12/2017 theo BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2017)

2. Đánh giá kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2017

Hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2017 của Công ty không hoàn thành kế hoạch do Đại hội Cổ đông đã phê duyệt. Cụ thể: Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ hợp nhất cả năm 2017 đạt được 792,47 tỷ đồng, tương đương 61% kế hoạch năm và bằng 110% so với năm 2016. Lợi nhuận trước thuế đạt 3,71 tỷ đồng, tương đương 12% kế hoạch năm 2017, bằng 54% so với năm 2016.

PHẦN 2 – KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2018

I. Kế hoạch các chỉ số tài chính chủ yếu

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch riêng			Kế hoạch hợp nhất
		Công ty mẹ	GEC	PAIC	
1	Doanh thu BH&CCDV	300.000	600.000	85.000	973.000
2	Giá vốn BH&CCDV	267.500	589.800	57.200	903.000
3	Lợi nhuận gộp BH&CCDV	32.500	10.200	27.800	70.000
4	Lợi nhuận đầu tư cổ phiếu	9.000	-	-	9.000
5	Tổng chi phí	28.375	4.000	25.000	60.875
6	Lợi nhuận trước thuế	13.125	6.200	2.800	18.125
7	Lợi nhuận sau thuế	10.500	4.960	2.000	14.500

(Chi tiết tại Phụ lục “Bảng kê chi tiết kế hoạch kinh doanh năm 2018” đính kèm)

II. Kế hoạch hoạt động SXKD trong năm 2018

1. Từ kết quả kinh doanh không khả quan năm 2017 và các năm 2015-2016 vừa, công ty cần định hướng lại chiến lược kinh doanh và đổi mới phương thức hoạt động trên cơ sở nghiên cứu, đánh giá thị trường và bám sát theo phương hướng phát triển của Ngành Dầu khí và các cổ đông chính(Sovico Holdings và PVOIL).

2. Trong năm 2018, hoạt động của Petechim sẽ được triển khai theo 4 nhóm như sau:

+ Nhóm 1: Tập trung hoàn thành tốt nhất các HĐ/DA đang thực hiện đảm bảo chất lượng, tiến độ, hiệu quả và làm xong đến đâu nghiệm thu thanh quyết toán dứt điểm đến đó nhằm tạo doanh thu, lợi nhuận và uy tín cho Petechim; Quyết liệt trong tham gia đấu thầu, duy trì thị trường truyền thống trong ngành Dầu khí và thị trường của nhóm các công ty của Sovico Holdings để tạo nguồn thu, lợi nhuận. Đối với các hợp đồng mới cần xem xét và đánh giá hiệu quả kinh doanh, rủi ro (nếu có) trước khi ký kết.

+ Nhóm 2: Xúc tiến và ký kết các hợp đồng/thoả thuận hợp tác với các đối tác/khách hàng chiến lược như GE, Honeywell, Technip, Vietsovpetro, Rosneft, Total, Từng bước đạt được mục tiêu trở thành đối tác, đại lý, nhà phân phối cho các thương hiệu lớn để xây dựng được các hoạt động lâu dài/cốt lõi, đồng thời nâng cao vị thế của Petechim để có thể thực hiện được các định hướng ở nhóm 1 nói ở trên.

+ Nhóm 3: Mở rộng đầu tư vào lĩnh vực tài chính thông qua kênh chứng khoán đối với các cổ phiếu tốt, có khả năng sinh lời cao như cổ phiếu của Vietjet,... Thành lập tổ chuyên gia thu thập và phân tích thông tin thị trường/doanh nghiệp để đánh giá và lựa chọn kênh đầu tư, xác định suất đầu tư thích hợp nhằm tạo nguồn thu từ lợi nhuận ổn định cho Công ty.

+ Nhóm 4: Tăng cường củng cố quan hệ với các cổ đông lớn như PVN/PVOil, Sovico Holdings/Vietjet,... và xây dựng chiến lược kinh doanh theo định hướng phát triển của ngành dầu khí, của tập đoàn Sovico Holdings.

3. Tận dụng triệt để sự hỗ trợ của các chủ sở hữu (SOVICO Holdings và PVOIL) và các kinh nghiệm sẵn có của Petechim để nắm bắt cơ hội giành được các hợp đồng có

hiệu quả tốt, vừa mang lại doanh thu, lợi nhuận cho công ty, vừa duy trì quan hệ đối tác/khách hàng

4. Tiếp tục hoàn thiện công tác quản lý và tổ chức của Công ty, đảm bảo cơ cấu tổ chức gọn nhẹ, củng cố xây dựng đội ngũ nhân sự có chất lượng và nhiệt huyết, đáp ứng được yêu cầu kinh doanh trong thời kỳ mới.
5. Xử lý quyết liệt và dứt điểm các khoản nợ xấu tồn đọng, hàng tồn kho.
6. Rà soát chi phí một cách hợp lý nhất để góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

III. Các giải pháp thực hiện

▪ Về công tác SXKD

- Tập trung hoàn thành tốt các dự án/ hợp đồng đang triển khai như các hợp đồng cung cấp vật tư cho PVPower, NME Cà Mau 1&2, NME Nhơn Trạch 2; dự án Nghi Sơn giai đoạn 1&2, cung cấp hóa chất cho Công ty Dịch vụ Khí; cung cấp thiết bị, vật tư, linh kiện cho VSP... đảm bảo chất lượng, tiến độ và hiệu quả.
- Tập trung vào các dự án mới có tiềm năng như Block B, Cá Voi Xanh (upstream) và các nhà máy lọc hoá dầu (downstream) của các chủ đầu tư lớn, có thực lực và uy tín trong ngành dầu khí như Vietsovpetro, PVGas, Cuulong JOC, HLHV JOC, BSR, NSR, LSP, ...
- Tập trung và nỗ lực tối đa trong công tác nghiệm thu, thanh quyết toán và thu hồi công nợ của các hợp đồng/ dự án đã và đang triển khai nhằm sớm thu hồi vốn phục vụ SXKD, nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Xác định lĩnh vực chủ yếu mà từng phòng ban có thể mạnh về năng lực, nguồn lực, kết hợp với tính khả thi của các cơ hội trên thị trường để tập trung công tác marketing, xúc tiến thương mại.
- Quản lý các nhà cung cấp, nhà thầu phụ một cách chặt chẽ, hạn chế tối đa các rủi ro có thể xảy ra.
- Giám sát chặt chẽ chi phí đảm bảo hiệu quả của dự án.
- Có biện pháp xem xét đánh giá tình hình tài chính của khách hàng; yêu cầu các phương thức bảo lãnh tài chính nhằm hạn chế nợ xấu.

▪ Về công tác đấu thầu và phát triển thị trường

- Xây dựng các nguồn lực đủ năng lực nhằm tạo lợi thế cạnh tranh cho công ty.
- Tăng cường công tác đấu thầu, tìm kiếm thêm công việc mới và mở rộng thị trường đúng định hướng của HĐQT để tạo nguồn doanh thu và lợi nhuận cho Công ty và đảm bảo đủ công ăn việc làm cho người lao động.
- Duy trì và củng cố các thị trường truyền thống, giữ vững và phát triển thị phần trong lĩnh vực thương mại dịch vụ dầu khí. Tăng cường quan hệ đối tác và xây dựng niềm tin với các khách hàng truyền thống như VSP, PVOIL, PVGAS, PVEP POC, JOC, BSR... cũng như các Công ty thành viên của Sovico Holdings.

▪ Về công tác quản lý

- Tiếp tục hoàn thiện/tái cấu trúc bộ máy quản lý và tổ chức của Công ty, đảm bảo cơ cấu tổ chức gọn nhẹ, đáp ứng được yêu cầu kinh doanh.
- Đề cao trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu của công ty và các phòng/ban/dự án. Yêu cầu tất cả các cấp từ lãnh đạo công ty đến các phòng/ban chủ động hơn

nữa, quyết liệt bám đuổi các cơ hội trong tìm kiếm hợp đồng/dự án, đồng thời tăng cường quản trị nội bộ, tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả SXKD.

- Hoàn thiện các quy chế, quy định về quản lý nội bộ phù hợp với mô hình là Công ty tư nhân với yêu cầu quan trọng nhất là phải hoạt động lành mạnh, hiệu quả, mang lại lợi nhuận cho các cổ đông và quyền lợi cho người lao động.

- Củng cố chất lượng đội ngũ nhân sự, giữ và thu hút được nhân sự tốt bổ sung cho khối kinh doanh-dịch vụ. Ban hành lại quy chế lương/thưởng gắn với hiệu quả/kết quả SXKD của từng bộ phận/công ty nhằm xây dựng môi trường lao động lành mạnh, đoàn kết, tâm huyết, tạo cơ hội cho mọi cán bộ nhân viên có thu nhập tốt hơn và cơ hội cho phát triển nhiều hơn.

- Triệt để thực hiện tiết giảm tối đa chi phí quản lý để nâng cao hiệu quả SXKD.

- Duy trì có hiệu lực và hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015; Áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp (Theo OHSAS 18001:2007) và Hệ thống quản lý môi trường (Theo ISO 14001:2004) trong toàn Công ty.

- Giữ gìn và phát triển bản sắc văn hóa doanh nghiệp – văn hóa Petechim.

▪ Về công tác tài chính

- Nghiên cứu các phương án để duy trì hạn mức tín dụng tại các ngân hàng trong tình trạng báo cáo tài chính không được tốt và tình hình hoạt động kinh doanh đi xuống nhằm phục vụ cho hoạt động bảo lãnh, giải ngân và mở L/C cho Công ty.

- Thường xuyên rà soát, phân tích và đánh giá đúng thực trạng, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo cơ sở cho việc phân bổ nguồn vốn một cách linh hoạt, hiệu quả và kịp thời, đảm bảo khả năng trả nợ và thanh toán đúng hạn cho các hợp đồng.

- Có chính sách dự phòng rủi ro tài chính nhằm ứng phó với các nguy cơ rủi ro trong từng thời điểm.

- Mở rộng sang kênh đầu tư tài chính vào các cổ phiếu tốt, ổn định và có khả năng sinh lời cao để tạo thêm nguồn thu cho Công ty.

▪ Về công tác đầu tư

- Đầu tư về nguồn lực con người: Sử dụng và bố trí cán bộ phù hợp với chuyên môn được đào tạo và quy hoạch phát triển. Có chính sách đãi ngộ hợp lý đối với cán bộ có trình độ chuyên môn cao, giảm thiểu nguy cơ chảy máu chất xám. Tạo được cơ chế để thu hút, lựa chọn và sử dụng nhân sự ưu tú, đồng thời phải gắn quyền lợi với trách nhiệm cá nhân.

- Tăng cường quan hệ hợp tác với các đối tác chiến lược để tranh thủ tiềm năng và thế mạnh của các bên trong các dự án đầu tư trọng điểm.

- Tăng cường chất lượng công tác đánh giá, quyết định đầu tư, quản lý đầu tư: Hoàn thiện và thực hiện tốt các quy định, quy trình về quản lý đầu tư và phân vốn góp tại các dự án/ doanh nghiệp khác; Định kỳ/đợt xuất rà soát danh mục đầu tư để có các giải pháp kịp thời (đầu tư tiếp/thoái vốn/dùng giãn) nhằm đảm bảo an toàn và hiệu quả trong hoạt động đầu tư của Công ty.

- Giải quyết dứt điểm tất cả các tồn đọng công nợ, tồn kho trong thời gian sớm nhất để thu hồi vốn cho Công ty, đồng thời giảm thiểu tối đa việc tạo ra nợ xấu, tồn kho mới để bảo toàn nguồn vốn.

- Thực hiện thoái vốn khỏi các doanh nghiệp đang khó khăn, thua lỗ một cách hợp lý nhằm thu hồi vốn, đặc biệt là Công ty CP Hậu cần Dầu khí (PVLSC) để tránh các hậu quả xấu có thể ảnh hưởng đến uy tín của Petechim.

PHẦN IV - KIẾN NGHỊ

I. Kiến nghị với Tổng công ty Dầu Việt Nam (PV OIL)

- Hỗ trợ Petechim giải quyết dứt điểm Dự án Chính trang Cửa hàng xăng dầu PVOIL trong Quý 2 năm 2018.
- Hỗ trợ Petechim trong việc chuyển nhượng phần vốn góp của Petechim tại PV OIL Phú Mỹ, PV OIL Sài Gòn, PV OIL Miền Trung đồng thời với lộ trình thoái vốn của Tổng công ty.
- Tiếp tục hỗ trợ Petechim trong các hoạt động cung cấp các loại hình dịch vụ và thương mại cho Tổng công ty và các đơn vị trong ngành, đặc biệt là các dự án mà PV OIL là chủ đầu tư.

II. Kiến nghị với Hội đồng quản trị Công ty

- Chỉ đạo Ban điều hành Công ty Petechim nghiên cứu các cơ hội đầu tư tiềm năng trong lĩnh vực dầu khí.

III. Kiến nghị với nhóm cổ đông chiến lược Sovico Holdings

- Bảo lãnh cho Petechim trước ngân hàng HDBank trong bối cảnh báo cáo tài chính của Petechim không được tốt nhằm duy trì hạn mức tín dụng (200 tỷ VNĐ) như các năm trước phục vụ cho các nhu cầu giải ngân, mở bảo lãnh, mở L/C.
- Tạo điều kiện thuận lợi và ưu tiên cho Petechim tham gia ở mức tối đa vào hoạt động cung ứng dịch vụ và thương mại cho các đơn vị trong Tập đoàn như HD Bank, Vietjet Air...
- Tạo điều kiện thuận lợi và ưu tiên cho Petechim tham gia cung cấp các dịch vụ cho công tác tìm kiếm thăm dò các lô dầu khí như lô 125-126, 16.1/15 (có sự tham gia góp vốn của Sovico).
- Hỗ trợ Petechim tiếp tục làm việc với GE Oil & Gas Hồ Chí Minh và Honeywell để làm đại lý triển khai các dự án dầu khí của họ tại Việt Nam.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Người ĐDPVG (để biết, phối hợp);
- Lưu VT, KHĐT, NQT (03).



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

12/12/2017 - 13:00:00

12/12/2017 - 13:00:00

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 25



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Hùng	Chủ tịch
Ông Hoàng Dương	Thành viên
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên
Ông Trần Văn Mạnh	Thành viên
Ông Nguyễn Lê Minh	Thành viên
Ông Trần Đức Chính	Thành viên (bổ nhiệm ngày 04 tháng 8 năm 2017)
Ông Trần Trung Chí Hiếu	Thành viên (miễn nhiệm ngày 04 tháng 8 năm 2017)

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Dương	Tổng Giám đốc
Ông Trần Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đỗ Thị Bích Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Trung Chí Hiếu	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 04 tháng 8 năm 2017)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

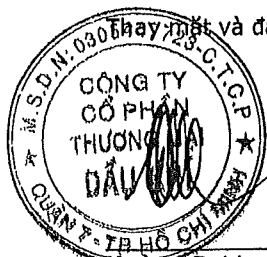
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Chữ ký và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hoàng Dương
Tổng Giám đốc
Ngày 09 tháng 3 năm 2018

Số: 340 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 09 tháng 3 năm 2018, từ trang 4 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 10 trong phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, giá trị hàng ký gửi của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí tại kho Công ty TNHH Cần ống Khoan Dầu khí Việt Nam được ghi nhận với số tiền là 19.777.118.126 đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp và cũng không thực hiện được các thủ tục thay thế để xác minh tính hiện hữu và giá trị có thể thu hồi của hàng đang ký gửi tại Công ty TNHH Cần ống Khoan Dầu khí Việt Nam. Do đó, chúng tôi không thể xác định những điều chỉnh tương ứng có cần thiết hay không.

Khoản mục đầu tư tài chính dài hạn được trình bày trên Bảng cân đối kế toán riêng là 57.176.828.266 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 55.987.056.654 đồng). Công ty chưa trích lập đầy đủ dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn theo quy định của Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Các tài liệu tại Công ty cho thấy, nếu dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được trích lập đầy đủ thì chỉ tiêu "Đầu tư tài chính dài hạn" trên Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ giảm 2.105.231.123 đồng. Theo đó, chỉ tiêu "Chi phí tài chính" và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ tăng/giảm lần lượt với số tiền là 2.105.231.123 đồng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

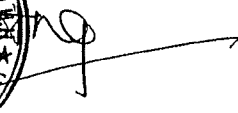
Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

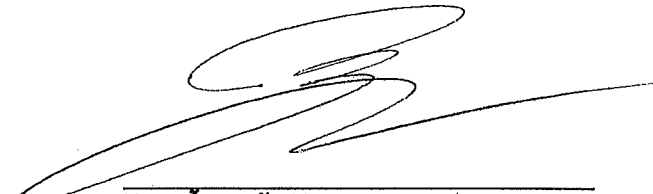
Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 7 trong phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, trong đó mô tả vụ kiện mà Công ty đang kiện Công ty TNHH Hưng Yên và khả năng thu hồi liên quan đến khoản nợ phải thu từ Công ty TNHH Hưng Yên.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.




Nguyễn Quang Trung
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0733-2018-001-1
**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH
DELOITTE VIỆT NAM**
Ngày 09 tháng 3 năm 2018
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



Nguyễn Tuấn Ngọc
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2110-2018-001-1

002
ANH
TY
THU
TT
NAM
HOC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		208.528.154.607	307.672.234.684
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	61.082.462.011	37.854.141.352
1. Tiền	111		17.432.643.490	17.231.995.242
2. Các khoản tương đương tiền	112		43.649.818.521	20.622.146.110
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		17.000.000.000	100.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	17.000.000.000	100.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		101.090.765.335	137.166.690.284
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	72.384.637.504	109.354.619.737
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	27.907.318.268	27.322.488.992
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.021.293.775	1.512.161.977
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.222.484.212)	(1.022.580.422)
IV. Hàng tồn kho	140		29.230.767.316	29.744.126.329
1. Hàng tồn kho	141	10	29.230.767.316	29.744.126.329
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		124.159.945	2.907.276.719
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		10.612.881	83.336.196
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	2.341.136.394
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	113.547.064	482.804.129
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		134.306.763.174	134.958.385.923
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		51.363.000	13.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	51.363.000	13.000.000
II. Tài sản cố định	220		42.219.582.380	43.698.059.638
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	40.096.732.371	41.561.243.177
- Nguyên giá	222		50.329.988.662	61.226.605.781
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.233.256.291)	(19.665.362.604)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	2.122.850.009	2.136.816.461
- Nguyên giá	228		2.334.472.660	2.334.472.660
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(211.622.651)	(197.656.199)
III. Bất động sản đầu tư	230	13	33.786.580.157	34.479.638.213
- Nguyên giá	231		34.652.902.727	34.652.902.727
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(866.322.570)	(173.264.514)
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	57.176.828.266	55.987.056.654
1. Đầu tư vào công ty con	251		31.486.687.800	31.486.687.800
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		2.500.000.000	2.500.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		24.000.000.000	24.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(809.859.534)	(1.999.631.146)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.072.409.371	780.631.418
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		806.762.689	780.631.418
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		265.646.682	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		342.834.917.781	442.630.620.607

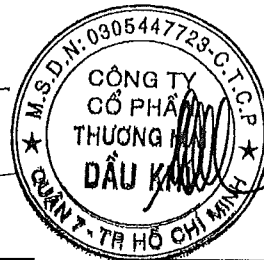
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		106.931.480.663	206.364.373.934
I. Nợ ngắn hạn	310		74.083.079.363	169.651.454.834
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	25.148.442.579	26.650.958.510
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		9.850.101.000	847.057.950
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	1.538.787.463	313.889.676
4. Phải trả người lao động	314		728.450.145	603.853.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	6.603.378.080	3.246.932.912
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	8.398.950.636	6.816.307.932
7. Vay ngắn hạn	320	19	21.590.431.443	130.490.611.800
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		224.538.017	681.843.054
II. Nợ dài hạn	330		32.848.401.300	36.712.919.100
1. Phải trả người bán dài hạn	331	20	32.848.401.300	36.712.919.100
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		235.903.437.118	236.266.246.673
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	235.903.437.118	236.266.246.673
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		35.005.342.627	34.986.403.149
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		898.094.491	1.279.843.524
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lấy kế	421a		801.960.306	742.448.748
đến cuối năm trước				
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		96.134.185	537.394.776
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		342.834.917.781	442.630.620.607

Phạm Thị Hồng Yến
Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Hoàng Dương
Tổng Giám đốc
Ngày 09 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		249.962.992.505	589.131.606.587
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	23	249.962.992.505	589.131.606.587
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	230.772.210.773	569.270.183.519
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		19.190.781.732	19.861.423.068
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	5.166.153.671	9.736.045.280
6. Chi phí tài chính	22	27	6.068.289.408	5.406.547.952
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.007.241.296	3.491.070.600
7. Chi phí bán hàng	25	29	8.849.529.220	12.614.401.926
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	13.680.083.656	14.064.054.025
9. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(4.240.966.881)	(2.487.535.555)
10. Thu nhập khác	31	28	4.518.186.279	3.074.305.715
11. Chi phí khác	32		77.474.830	49.375.384
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		4.440.711.449	3.024.930.331
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		199.744.568	537.394.776
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	369.257.065	-
15. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	30	(265.646.682)	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		96.134.185	537.394.776



Phạm Thị Hồng Yến
 Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Anh
 Kế toán trưởng

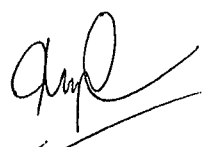



Hồng Dương
 Tổng Giám đốc
 Ngày 09 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	199.744.568	537.394.776
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	2.171.535.314	5.146.178.080
- Các khoản dự phòng	03	(989.867.822)	(2.180.328.137)
- Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	93.479.450	(306.852.660)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(9.397.715.394)	(9.593.845.480)
- Chi phí lãi vay	06	5.007.241.296	3.491.070.600
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(2.915.582.588)	(2.906.382.821)
- Thay đổi các khoản phải thu	09	40.814.458.237	(773.438.561)
- Thay đổi hàng tồn kho	10	513.359.013	42.150.092.125
- Thay đổi các khoản phải trả	11	11.783.456.195	(27.411.455.225)
- Thay đổi chi phí trả trước	12	46.592.044	294.250.155
- Tiền lãi vay đã trả	14	(5.399.129.731)	(3.286.165.332)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(778.705.772)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	44.843.153.170	7.288.194.569
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	-	(186.672.727)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	3.237.669.752
3. Tiền chi đầu tư ngắn hạn	23	(38.000.000.000)	(100.000.000.000)
4. Tiền thu hồi từ đầu tư ngắn hạn	24	121.000.000.000	-
5. Tiền thu từ lãi tiền gửi và cổ tức được chia	27	4.626.083.903	6.286.564.943
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	87.626.083.903	(90.662.438.032)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	172.710.204.367	282.645.827.446
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(281.610.384.724)	(234.628.817.112)
3. Cổ tức đã trả	36	(339.018.250)	(11.862.493.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(109.239.198.607)	36.154.517.234
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	23.230.038.466	(47.219.726.229)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	37.854.141.352	85.028.735.444
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.717.807)	45.132.137
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	61.082.462.011	37.854.141.352


Phạm Thị Hồng Yến
Người lập biểu


Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Hoàng Dương
Tổng Giám đốc
Ngày 09 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0305447723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và thay đổi lần thứ 13 ngày 12 tháng 5 năm 2015. Giấy chứng nhận này thay thế cho Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103008984 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2008.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 50 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 53 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện dịch vụ hàng hải, đại lý vận tải biển và dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, cung cấp vật tư thiết bị cho các công trình dầu khí, kho xăng dầu, cung cấp hóa chất phục vụ cho thăm dò và khai thác dầu khí.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con/công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty con				
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	51.00	51.00	Kinh doanh chất, phụ gia xăng dầu
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	Quận Đống Đa, Hà Nội	51.85	51.85	Công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, năng lượng sạch
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí Petechim	Tỉnh Thanh Hóa	25.00	25.00	Dịch vụ hậu cần dầu khí

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và kết quả hoạt động kinh doanh riêng cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Vì thế, Công ty không thực hiện hợp nhất khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 3 dưới đây.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, và các khoản đầu tư tài chính (không bao gồm khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết).

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

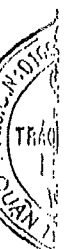
Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.



Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và các chi phí có liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	50
Phương tiện vận tải	04 - 06
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Tài sản cố định khác	04

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và giá trị phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất là 50 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ba năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 50 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước chi phí bảo trì văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí bảo trì văn phòng thể hiện số tiền đã được trả trước. Chi phí bảo trì trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng văn phòng. Chi phí trả trước khác bao gồm giá trị các thiết bị văn phòng đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí trả trước này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ một đến ba năm.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

177
10-002
HÀNH
TY
NHỮNG
ITTE
NAM
HỒ CH

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	192.711.902	393.652.095
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.239.931.588	16.838.343.147
Các khoản tương đương tiền	43.649.818.521	20.622.146.110
	61.082.462.011	37.854.141.352

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn từ một đến ba tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 4,3% - 5,5% một năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 4,3%-5,5% một năm).

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn sáu tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất là 6,45% một năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 6% - 6,2% một năm).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu khách hàng là bên thứ ba		
Công ty TNHH Cần ống Khoan Dầu khí Việt Nam	1.666.569.544	52.395.750
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	15.828.553.723	7.089.585.096
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	10.524.551.432	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	8.000.606.630	-
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Hanh Xương	1.918.548.950	34.822.914.742
Liên Doanh Vletsovetro	894.869.317	8.233.851.817
Các khoản phải thu khách hàng khác	10.938.140.115	3.353.338.591
b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	16.466.736.451	5.534.775.419
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	6.146.061.342	49.907.876.025
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	-	359.882.297
	72.384.637.504	109.354.619.737

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật và Thương mại Ngọc Minh	5.403.706.531	9.899.312.315
Công ty TNHH Hưng Yên (*)	10.140.886.339	10.140.886.339
Công ty Cổ phần Công nghiệp Năng lượng xanh	5.015.000.000	5.015.000.000
Công ty cổ phần Cơ - Điện - Môi trường LILAMA	3.981.910.000	-
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Thảo Long	2.494.052.902	-
Các khoản ứng trước khác	871.762.496	2.267.290.338
	27.907.318.268	27.322.488.992

(*) Đây là khoản ứng trước còn lại của Công ty liên quan đến việc kinh doanh cà phê theo hợp đồng 206/HYPETE.DV/11-2012.HĐHT ngày 12 tháng 11 năm 2012. Công ty đã tiến hành khởi kiện Công ty TNHH Hưng Yên tại Tòa án Nhân dân tỉnh Lâm Đồng để đòi lại khoản tiền này và Tòa án đã ra quyết định buộc Công ty TNHH Hưng Yên phải thanh toán cho Công ty số tiền này theo Bản án số 02/2017/KDTM-PT ngày 09 tháng 5 năm 2017. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đánh giá khoản công nợ này có khả năng thu hồi toàn bộ và không trích lập dự phòng cho khoản này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu về lãi tiền gửi	64.188.720	1.274.561.977
Tạm ứng cho nhân viên	30.000.000	-
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị	217.827.579	237.600.000
Cổ tức phải thu	1.709.277.476	-
	2.021.293.775	1.512.161.977
b. Dài hạn		
Các khoản ký quỹ	51.363.000	13.000.000
	51.363.000	13.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
- Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Hạnh Xương	1.918.548.950	1.700.796.545	-	-
- Liên doanh Vietsovpetro	894.869.317	364.890.156	8.233.851.817	7.847.286.678
- Doanh nghiệp Tư nhân Cà phê Minh Tiến	562.006.000	168.601.800	562.006.000	168.601.800
- Công ty Cổ phần Thương mại và Đại lý Dầu tinh Bà Rịa - Vũng Tàu	-	-	271.736.190	81.520.857
- Công ty TNHH Cần ống Khoan Dầu khí Việt Nam	1.666.569.544	1.615.117.270	52.395.750	-
- Swlber Offshore Construction Pte Ltd	99.653.908	69.757.736	-	-
	5.141.647.719	3.919.163.507	9.119.989.757	8.097.409.335

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.547.972.397	5.061.331.410
- Thiết kế di dời trung tâm dữ liệu cho HD Bank	1.379.184.584	1.770.585.625
- Bảo hành bảo trì thiết bị HB	497.917.605	1.089.771.460
- Dự án kho xăng dầu Nghi Sơn	1.428.030.000	-
- Các hợp đồng khác	1.242.840.208	2.200.974.325
Hàng hóa (*)	24.682.794.919	24.682.794.919
	29.230.767.316	29.744.126.329

(*) Hàng hóa tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm số hàng hóa đang ký gửi tại Công ty Cổ phần TNHH Cần Ống Khoan Dầu Khí Việt Nam với số tiền là 19.777.118.126 đồng.

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	46.621.913.606	1.692.280.850	12.856.496.577	55.914.748	61.226.605.781
Thanh lý	-	-	(10.896.617.119)	-	(10.896.617.119)
Số dư cuối năm	<u>46.621.913.606</u>	<u>1.692.280.850</u>	<u>1.959.879.458</u>	<u>55.914.748</u>	<u>50.329.988.662</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	8.672.590.003	268.743.134	10.668.114.719	55.914.748	19.665.362.604
Khấu hao trong năm	1.190.096.714	61.169.462	213.244.630	-	1.464.510.806
Thanh lý	-	-	(10.896.617.119)	-	(10.896.617.119)
Số dư cuối năm	<u>9.862.686.717</u>	<u>329.912.596</u>	<u>(15.257.770)</u>	<u>55.914.748</u>	<u>10.233.256.291</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	<u>37.949.323.603</u>	<u>1.423.537.716</u>	<u>2.188.381.858</u>	<u>-</u>	<u>41.561.243.177</u>
Tại ngày cuối năm	<u>36.759.226.889</u>	<u>1.362.368.254</u>	<u>1.975.137.228</u>	<u>-</u>	<u>40.096.732.371</u>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 4.631.016.188 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 12.615.729.263 đồng).

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm và cuối năm	<u>2.180.000.000</u>	<u>154.472.660</u>	<u>2.334.472.660</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	43.183.539	154.472.660	197.656.199
Khấu hao trong năm	<u>13.966.452</u>	-	<u>13.966.452</u>
Số dư cuối năm	<u>57.149.991</u>	<u>154.472.660</u>	<u>211.622.651</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	<u>2.136.816.461</u>	-	<u>2.136.816.461</u>
Tại ngày cuối năm	<u>2.122.850.009</u>	-	<u>2.122.850.009</u>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 154.472.650 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 154.472.650 đồng).

13. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa và quyền sử dụng đất VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm và cuối năm	<u>34.652.902.727</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	173.264.514
Trích khấu hao trong năm	<u>693.058.056</u>
Số dư cuối năm	<u>866.322.570</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	<u>34.479.638.213</u>
Tại ngày cuối năm	<u>33.786.580.157</u>

Bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là giá trị hal căn biệt thự thuộc Khu biệt thự Kim Long, Khu dân cư Phú Long, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty mua từ Công ty Cổ phần địa ốc Phú Long và đang dùng để cho thuê.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - "Bất động sản đầu tư", giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính riêng. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.



14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải thu/nộp trong năm VND	Số phải thu/nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
a, Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	482.804.129	-	369.257.065	113.547.064
	482.804.129	-	369.257.065	113.547.064
b, Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	-	12.266.573.774	10.977.945.275	1.288.628.499
Thuế nhập khẩu	-	1.374.863.249	1.374.863.249	-
Thuế thu nhập cá nhân	313.889.676	377.337.528	441.068.240	250.158.964
Thuế nhà thầu, thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	313.889.676	14.021.774.551	12.796.876.764	1.538.787.463

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con				
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	9.526.687.800	-	9.526.687.800	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	21.960.000.000	-	21.960.000.000	-
	31.486.687.800	-	31.486.687.800	-
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí Petechim (*)	2.500.000.000	(809.859.534)	2.500.000.000	(1.999.631.146)
	2.500.000.000	(809.859.534)	2.500.000.000	(1.999.631.146)

(*) Công ty chưa trích lập đủ dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn theo Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam. Nếu dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được trích lập thì khoản Đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ giảm 841.741.319 đồng.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác ()**

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	11.000.000.000	-	11.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
	24.000.000.000	-	24.000.000.000	-

(**) Thông tin chi tiết về các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Tên đơn vị	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	5,50	5,50	Kinh doanh các sản phẩm khí và dầu mỏ
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	2,00	2,00	Kinh doanh các sản phẩm xăng dầu, khí, dầu mỏ và các thiết bị liên quan
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	Tỉnh Quảng Ngãi	2,14	2,14	Kinh doanh các sản phẩm xăng dầu, khí, dầu mỏ và các thiết bị liên quan

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Phải trả người bán là bên thứ ba	14.904.735.436	14.904.735.436	21.782.569.167	21.782.569.167
- Trím Systems Pte Ltd.	1.900.725.174	1.900.725.174	1.906.576.131	1.906.576.131
- Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Kiến Hoa	2.229.925.909	2.229.925.909	2.229.925.909	2.229.925.909
- Phải trả các khách hàng khác	10.774.084.353	10.774.084.353	17.646.067.127	17.646.067.127
b. Phải trả người bán là các bên liên quan	10.243.707.143	10.243.707.143	4.868.389.343	4.868.389.343
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam	9.192.387.643	9.192.387.643	3.817.069.843	3.817.069.843
- Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	1.051.319.500	1.051.319.500	1.051.319.500	1.051.319.500
	25.148.442.579	25.148.442.579	26.650.958.510	26.650.958.510

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí lãi vay	23.144.799	415.033.234
Chi phí dự án nâng cấp đồng bộ cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam	-	379.211.884
Chi phí cung cấp hệ thống pha chế E5- E10	379.836.480	379.836.480
Chi phí dự án trang trí cửa hàng xăng dầu	610.797.991	610.797.991
Chi phí vận hành nhà máy điện Cà Mau	1.023.854.342	1.241.120.269
Dự án nhà máy Nhơn Trạch 2	504.805.412	-
Dự án hóa dầu Bình Sơn	3.029.292.044	-
Dự án Nghi Sơn	823.428.000	-
Chi phí phải trả khác	208.219.012	220.933.054
	6.603.378.080	3.246.932.912

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ tức phải trả	5.262.645.300	5.601.663.550
Lãi trả chậm phải trả	1.439.914.294	-
Kinh phí công đoàn	795.340.481	636.611.191
Bảo hiểm thất nghiệp	34.733.089	21.892.076
Bảo hiểm y tế xã hội	556.226.664	231.934.283
Phải trả khác	310.090.808	324.206.832
	8.398.950.636	6.816.307.932

19. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	39.191.710.200	39.191.710.200	136.371.165.226	(153.972.443.983)	21.590.431.443	21.590.431.443
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	91.298.901.600	91.298.901.600	36.339.039.141	(127.637.940.741)	-	-
	130.490.611.800	130.490.611.800	172.710.204.367	(281.610.384.724)	21.590.431.443	21.590.431.443

Khoản vay từ Ngân hàng thương mại cổ Phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 236/2016/2588907/HĐTD ngày 20 tháng 12 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 đồng. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi suất 5,7% - 8,3%/năm. Lãi suất cho mỗi lần rút vốn đối sẽ được trả định kỳ vào ngày 25 của tháng.

20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>32.848.401.300</u>	<u>36.712.919.100</u>
	32.848.401.300	36.712.919.100

Tại ngày 15 tháng 10 năm 2012, Công ty đã ký hợp đồng số 378/PVOIL.TCKT.PETECHIM/06-12/B với Tổng Công ty Dầu Việt Nam về việc chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất là toàn bộ tầng 11, tòa nhà Petroland, 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty. Tổng giá trị hợp đồng là 50.238.731.400 đồng bao gồm tiền sử dụng đất, 2% phí bảo trì tòa nhà và thuế giá trị gia tăng. Khoản nợ này sẽ được trả chậm trong vòng 15 năm (sau 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng các bên sẽ xem xét lại thời hạn trả chậm). Nợ gốc sẽ được trả theo số tiền cố định bình quân mỗi nửa năm tính trên số năm của hợp đồng và thanh toán lãi trả chậm mỗi nửa năm. Lãi trả chậm được tính dựa trên số dư nợ gốc giảm dần theo năm thanh toán với lãi suất huy động năm hạn 6 tháng trả sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại ngày cuối cùng của năm tính lãi. Giá gốc để tính lãi trả chậm bằng 95% giá trị hợp đồng, 5% còn lại sẽ được gộp vào tính lãi khi Tổng Công ty Dầu Việt Nam thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng và Đô thị Dầu khí. Để hỗ trợ cho Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng tài sản, Tổng Công ty Dầu Việt Nam chưa thu khoản nợ gốc trong 2 năm đầu kể từ ngày ký hợp đồng.

Các khoản nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	7.681.587.643	3.817.069.843
Trong năm thứ hai	3.864.517.800	3.864.517.800
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	11.593.553.400	11.593.553.400
Sau năm năm	<u>17.390.330.100</u>	<u>21.254.847.900</u>
	40.529.988.943	40.529.988.943
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng	<u>7.681.587.643</u>	<u>3.817.069.843</u>
Số phải trả sau 12 tháng	32.848.401.300	36.712.919.100

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn cổ phần đã phát hành

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phần được phép phát hành	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	200.000.000.000	200.000.000.000
Đã được phát hành và góp vốn đủ:		
Số lượng cổ phần đã được phát hành và góp vốn đủ	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	200.000.000.000	200.000.000.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông sáng lập và cổ đông lớn tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	58.000.000.000	29,0	58.000.000.000	29,0
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Trảng An	46.200.000.000	23,1	46.200.000.000	23,1
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia	29.800.000.000	14,9	29.800.000.000	14,9
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	22.000.000.000	11,0	22.000.000.000	11,0
Các cổ đông khác	44.000.000.000	22,0	44.000.000.000	22,0
	200.000.000.000	100	200.000.000.000	100

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	34.881.416.421	8.453.422.204	243.334.838.625
Lợi nhuận trong năm	-	-	537.394.776	537.394.776
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	104.986.728	(104.986.728)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(104.986.728)	(104.986.728)
Trích bổ sung thù lao Hội đồng quản trị	-	-	(177.000.000)	(177.000.000)
Trích thù lao Hội đồng quản trị	-	-	(324.000.000)	(324.000.000)
Công bố chia cổ tức	-	-	(7.000.000.000)	(7.000.000.000)
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	34.986.403.149	1.279.843.524	236.266.246.673
Lợi nhuận trong năm	-	-	96.134.185	96.134.185
Phân phối lợi nhuận (*)	-	18.939.478	(477.883.218)	(458.943.740)
Số dư tại cuối năm nay	200.000.000.000	35.005.342.627	898.094.491	235.903.437.118

(*) Trong năm, Công ty đã trích bổ sung quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị từ lợi nhuận năm 2016 với số tiền lần lượt là 18.939.478 đồng, 110.943.740 đồng và 348.000.000 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 14/NQ-TMDK ngày 12 tháng 4 năm 2017.

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:	Đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đô la Mỹ	USD	148.389	172.007
- Euro	EUR	3.232	3.232

23. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng	247.554.902.279	587.531.092.564
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.453.370	1.600.514.023
Doanh thu cho thuê nhà	2.404.636.856	-
	249.962.992.505	589.131.606.587

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	230.067.822.767	568.908.878.481
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	361.305.038
Giá vốn cho thuê nhà	704.388.006	-
	230.772.210.773	569.270.183.519

25. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí mua hàng hóa	230.122.416.509	566.221.907.400
Chi phí nhân công	10.755.823.200	12.572.708.375
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.171.535.314	5.146.178.080
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.692.756.218	5.383.639.735
Chi phí khác	6.559.292.408	6.624.205.880
	253.301.823.649	595.948.639.470

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	3.230.872.690	3.611.651.610
Lãi chênh lệch tỷ giá	41.165.549	2.427.497.082
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.894.115.432	3.696.896.588
	5.166.153.671	9.736.045.280

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	5.007.241.296	3.491.070.600
Lãi trả chậm	2.120.656.794	2.309.191.621
Lỗ chênh lệch tỷ giá	130.162.930	339.012.129
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư	(1.189.771.612)	(732.726.398)
	6.068.289.408	5.406.547.952

28. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền thu từ bồi thường hợp đồng	381.439.687	141.542.398
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.136.363.636	2.285.297.282
Tất toán công nợ phải trả	1.833.877.525	-
Các khoản khác	166.505.431	647.466.035
	4.518.186.279	3.074.305.715

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	6.657.694.900	7.355.631.797
Chi phí đồ dùng văn phòng	54.627.108	118.519.758
Chi phí khấu hao	1.467.113.942	1.975.482.203
Chi phí dự phòng	199.903.790	-
Thuế, phí và lệ phí	5.135.580	14.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.184.395.798	2.693.144.475
Chi phí khác	3.111.212.628	1.907.275.792
	13.680.083.656	14.064.054.025

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	369.257.065	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	369.257.065	-

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	199.744.568	537.394.776
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	1.958.304.152	3.744.229.338
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	3.604.844.909	111.088.125
Thu nhập/(lỗ) tính thuế	1.846.285.325	(3.095.746.437)
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	369.257.065	-
	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Chênh lệch tạm thời	(265.646.682)	-
Tổng thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(265.646.682)	

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% (2016: 20%) trên thu nhập tính thuế.

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản vay	21.590.431.443	130.490.611.800
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	61.082.462.011	37.854.141.352
Nợ thuần	-	92.636.470.448
Vốn chủ sở hữu	235.903.437.118	236.266.246.673
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	0.39

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 3.



Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và tương đương tiền	61.082.462.011	37.854.141.352
Phải thu khách hàng và phải thu khác	73.234.810.067	109.857.201.292
Các khoản đầu tư tài chính	41.000.000.000	124.000.000.000
	175.317.272.078	271.711.342.644
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	21.590.431.443	130.490.611.800
Phải trả người bán và phải trả khác	64.699.403.473	68.965.541.160
Chi phí phải trả	6.603.378.080	3.246.932.912
	92.893.212.996	202.703.085.872

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ ("USD")	3.349.010.082	3.908.005.175	2.084.919.174	4.442.612.916
Bảng Anh ("GBP")	-	-	124.459.931	1.463.748.000
Euro ("EUR")	2.026.350	77.155.293	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Tỷ lệ được áp dụng để tính độ nhạy đối với ngoại tệ được Ban Giám đốc xác định là 3%. Khi đó, Ban Giám đốc nhận thấy sự chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ ảnh hưởng đến các khoản mục tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ còn tồn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017. Nếu tỷ giá USD tăng/giảm 3% so với Đồng Việt Nam thì lợi nhuận kế toán trước thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và năm 2016 sẽ tăng/(giảm) một khoản tiền tương ứng lần lượt là 37.922.727 đồng và (16.038.232) đồng. Dựa trên sự phân tích tương tự cho EUR và GBP, thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt kỳ kế toán, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 100 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ giảm/tăng 215.904.314 đồng (Năm 2016: 1.304.906.118 đồng).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty có khoản rủi ro tín dụng từ một số khoản phải thu khách hàng đã được Công ty trích lập dự phòng và ứng trước cho Công ty TNHH Hưng Yên.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cố đồng cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Số cuối năm	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương	61.082.462.011	-	-	61.082.462.011
Phải thu khách hàng và phải thu khác	73.183.447.067	51.363.000	-	73.234.810.067
Các khoản đầu tư tài chính	17.000.000.000	24.000.000.000	-	41.000.000.000
	151.265.909.078	24.051.363.000	-	175.317.272.078

Các khoản vay	21.590.431.443	-	-	21.590.431.443
Phải trả khách hàng và phải trả khác	31.851.002.173	15.458.071.200	17.390.330.100	64.699.403.473
Chi phí phải trả	6.603.378.080	-	-	6.603.378.080
	60.044.811.696	15.458.071.200	17.390.330.100	92.893.212.996

Chênh lệch thanh khoản thuần	91.221.097.382	8.593.291.800	(17.390.330.100)	82.424.059.082
-------------------------------------	-----------------------	----------------------	-------------------------	-----------------------

Số đầu năm	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương	37.854.141.352	-	-	37.854.141.352
Phải thu khách hàng và phải thu khác	109.844.201.292	13.000.000	-	109.857.201.292
Các khoản đầu tư tài chính	100.000.000.000	24.000.000.000	-	124.000.000.000
	247.698.342.644	24.013.000.000	-	271.711.342.644

Các khoản vay	130.490.611.800	-	-	130.490.611.800
Phải trả khách hàng và phải trả khác	32.252.622.060	15.458.071.200	21.254.847.900	68.965.541.160
Chi phí phải trả	3.246.932.912	-	-	3.246.932.912
	165.990.166.772	15.458.071.200	21.254.847.900	202.703.085.872

Chênh lệch thanh khoản thuần	81.708.175.872	8.554.928.800	(21.254.847.900)	69.008.256.772
-------------------------------------	-----------------------	----------------------	-------------------------	-----------------------

Ban Giám đốc đánh giá mức rủi ro thanh khoản ở mức thấp và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

500
 NHÀ
 NG T
 HỀNH
 OIT
 NA
 HỒ

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Cổ đông
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	Công ty con
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	Công ty con
Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí Petechim	Công ty liên kết

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	15.730.050,812	684.395,401
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	111.951,454	1.061.793,392
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	<u>92.206.882,221</u>	<u>357.481,411,630</u>
Mua hàng		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>811.254,545</u>	<u>746.145,455</u>
Công bố trả cổ tức		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	-	<u>2.030.000,000</u>
Lãi trả chậm		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>2.120.656,794</u>	<u>2.309.191,621</u>
Cổ tức nhận được		
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	100.728,825	-
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	<u>1.793.386,607</u>	<u>3.516.896,588</u>

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	<u>1.176.000,000</u>	<u>1.800.000,000</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm kế toán:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	16,466,736,451	5,534,775,419
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	6,146,061,342	49,907,876,025
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	-	<u>359,882,297</u>
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	<u>1,709,277,476</u>	-
Phải trả người bán ngắn hạn		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	9,192,387,643	3,817,069,843
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	<u>1,051,319,500</u>	<u>1,051,319,500</u>
Phải trả người bán dài hạn		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>32,848,401,300</u>	<u>36,712,919,100</u>

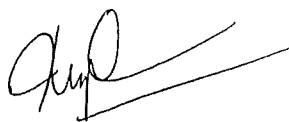
33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phí tiền tệ

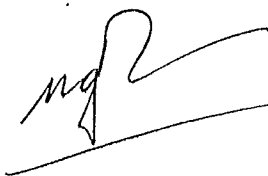
Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm số tiền 23.144.799 đồng (2016: 415.033.234 đồng), là số lãi vay phát sinh trong năm nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền thu từ lãi tiền gửi và cổ tức được chia trong năm không bao gồm số tiền là 1.773.466.196 đồng (2016: 1.274.561.977 đồng), là số lãi tiền gửi phát sinh trong năm mà chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định trong năm không bao gồm số tiền là 2.136.363.636 (2016: 0 đồng), là số lãi từ thanh lý tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.



Phạm Thị Hồng Yến
Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Hoàng Dương
Tổng Giám đốc
Ngày 09 tháng 3 năm 2018

C P
H A

C P
H A

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ
Tòa nhà Petroland, 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi chung là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Hùng	Chủ tịch
Ông Hoàng Dương	Thành viên
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên
Ông Trần Văn Mạnh	Thành viên
Ông Nguyễn Lê Minh	Thành viên
Ông Trần Trung Chí Hiếu	Thành viên (miễn nhiệm ngày 04 tháng 8 năm 2017)
Ông Trần Đức Chính	Thành viên (bổ nhiệm ngày 04 tháng 8 năm 2017)

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Dương	Tổng Giám đốc
Ông Trần Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Trung Chí Hiếu	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 04 tháng 8 năm 2017)
Bà Đỗ Thị Bích Hà	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hoàng Dương
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2018

Số: 414 /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi chung là "Công ty"), được lập ngày 19 tháng 3 năm 2018, từ trang 4 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại thuyết minh số 06 và 08 của Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chưa trích lập đầy đủ Dự phòng nợ phải thu khó đòi cho khoản công nợ phải thu từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã quá hạn thanh toán, lần lượt với số tiền là 1.646.068.395 đồng và 790.746.600 đồng. Các tài liệu tại Công ty cho thấy, nếu Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập thì chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn của khách hàng" và "Phải thu ngắn hạn khác" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ giảm lần lượt với số tiền là 790.746.600 đồng và 1.646.068.395 đồng. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 chỉ tiêu "Chi phí quản lý" và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" sẽ tăng/giảm với số tiền là 2.436.814.995 đồng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Như trình bày trong Thuyết minh số 10 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị hàng ký gửi của Công ty tại kho Công ty TNHH Cần ống Khoan Dầu khí Việt Nam được ghi nhận với số tiền là 19.777.118.126 đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp và cũng không thực hiện được các thủ tục thay thế để xác minh tính hiện hữu và giá trị có thể thu hồi của hàng đang ký gửi tại Công ty TNHH Cần ống Khoan Dầu khí Việt Nam. Do đó, chúng tôi không thể xác định những điều chỉnh tương ứng có cần thiết hay không.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty chưa ghi nhận chi phí phát sinh liên quan dự án sản xuất thử nghiệm Pin mặt trời bằng công nghệ hoá hơi dưới áp lực không khí ("Dự án") không được phê duyệt quyết toán và do đó chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ với số tiền 4.648.715.211 đồng đang được trình bày ở khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang". Như trình bày tại thuyết minh 14 của Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, chi phí liên quan đến Dự án này được trình bày vào khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" trên Bảng Cân đối Kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 với số tiền là 3.099.145.211 đồng. Nếu ghi nhận phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được phê duyệt quyết toán cần được ghi nhận vào khoản mục "Chi phí khác" trong năm 2015. Theo đó, khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" và khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" trên Bảng Cân đối Kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ giảm với số tiền là 3.099.145.211 đồng. Đồng thời khoản mục "Chi phí khác" trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017 giảm với số tiền là 1.549.570.000 đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 07 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó mô tả vụ kiện mà Công ty đang kiện Công ty TNHH Hưng Yên liên quan đến khoản nợ phải thu từ Công ty TNHH Hưng Yên.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Nguyễn Quang Trung
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0733-2018-001-1
**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE
VIỆT NAM**
Ngày 19 tháng 3 năm 2018
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Tuấn Ngọc
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2110-2018-001-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		297.641.291.996	363.878.612.490
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	78.204.085.617	72.778.141.034
1. Tiền	111		28.154.267.096	25.255.994.924
2. Các khoản tương đương tiền	112		50.049.818.521	47.522.146.110
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		36.900.000.000	100.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	36.900.000.000	100.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		119.458.759.833	110.767.996.742
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	91.260.540.116	78.195.990.132
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	28.284.615.898	29.926.042.342
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	3.000.498.164	5.532.954.823
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(3.086.894.345)	(2.886.990.555)
IV. Hàng tồn kho	140	10	60.979.755.082	72.651.011.851
1. Hàng tồn kho	141		60.979.755.082	72.651.011.851
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.098.691.464	7.681.462.863
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		330.501.264	618.252.304
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.654.643.136	5.880.406.430
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	113.547.064	482.804.129
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	700.000.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		128.708.613.276	133.991.677.055
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		817.603.360	140.031.841
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	817.603.360	140.031.841
II. Tài sản cố định	220		59.174.959.789	61.921.356.029
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	49.545.951.730	52.278.381.518
- Nguyên giá	222		73.426.160.687	84.461.451.995
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.880.208.957)	(32.183.070.477)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	9.629.008.059	9.642.974.511
- Nguyên giá	228		10.119.293.710	10.417.216.795
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(490.285.651)	(774.242.284)
III. Bất động sản đầu tư	230	13	33.786.580.157	34.479.638.213
- Nguyên giá	231		34.652.902.727	34.652.902.727
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(866.322.570)	(173.264.514)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	14	3.099.145.211	4.648.717.816
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.099.145.211	4.648.717.816
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	26.861.042.903	27.626.200.312
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252		2.861.042.903	3.626.200.312
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		24.000.000.000	24.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.969.281.856	5.175.732.844
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.012.935.640	1.952.745.532
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		265.646.682	95.280.123
3. Lợi thế thương mại	269	16	2.690.699.534	3.127.707.189
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		426.349.905.272	497.870.289.545

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

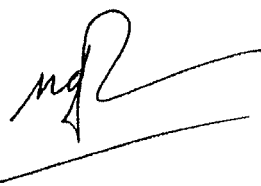
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		151.879.605.775	221.754.440.778
I. Nợ ngắn hạn	310		119.031.204.475	185.041.521.678
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	61.178.269.637	34.117.909.430
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10.849.515.360	4.313.659.550
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	2.576.701.026	1.400.983.267
4. Phải trả người lao động	314		2.202.356.039	1.854.065.452
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	7.484.778.080	4.175.918.312
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	670.738.084
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	10.686.094.534	7.100.878.961
8. Vay ngắn hạn	320	21	23.590.431.443	130.490.611.800
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		463.058.356	916.756.822
II. Nợ dài hạn	330		32.848.401.300	36.712.919.100
1. Phải trả người bán dài hạn	331	22	32.848.401.300	36.712.919.100
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		274.470.299.497	276.115.848.767
I. Vốn chủ sở hữu	410		274.470.299.497	276.115.848.767
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	23	200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	23	35.705.112.056	35.328.811.660
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	23	6.564.634.363	8.933.818.936
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		7.092.545.228	8.898.400.374
- (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(527.910.865)	35.418.562
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	24	32.200.553.078	31.853.218.171
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		426.349.905.272	497.870.289.545



Phạm Thị Hồng Yến
Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Hoàng Dương
Tổng Giám đốc
Ngày 19 tháng 3 năm 2018

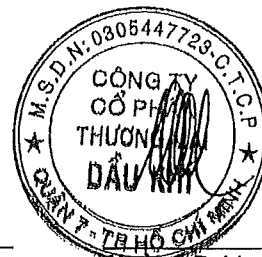
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		792.474.781.956	718.192.281.924
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	27	792.474.781.956	718.192.281.924
3. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	28	747.203.186.237	672.098.603.975
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		45.271.595.719	46.093.677.949
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	5.058.581.877	7.359.075.038
6. Chi phí tài chính	22	31	7.307.469.227	6.149.593.246
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.177.306.297	3.501.389.496
7. Chi phí bán hàng	25	32	11.677.682.441	14.452.470.975
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	29.703.880.821	30.004.795.128
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		1.641.145.107	2.845.893.638
10. Thu nhập khác	31		4.540.631.734	3.172.537.690
11. Chi phí khác	32		1.710.373.920	56.787.890
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.830.257.814	3.115.749.800
13. Phần (lỗ)/lãi trong công ty liên kết	45	15	(765.157.409)	838.881.585
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		3.706.245.512	6.800.525.023
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	2.236.632.768	2.221.001.181
16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(170.366.559)	(95.280.123)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.639.979.303	4.674.803.965
Phân bổ cho:				
- Cổ đông không kiểm soát	61	24	2.607.816.946	4.201.830.355
- Cổ đông của Công ty mẹ	62		(967.837.643)	472.973.610
18. (Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	(58)	21

Phạm Thị Hồng Yến
Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng




Hoàng Dương
Tổng Giám đốc
Ngày 19 tháng 3 năm 2018

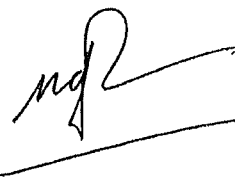
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

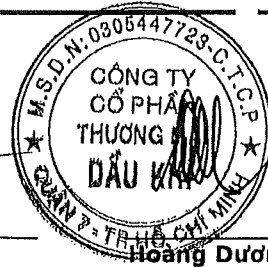
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.706.245.512	6.800.525.023
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	3.511.404.296	6.831.759.913
- Các khoản dự phòng	03	199.903.790	(2.208.375.156)
- Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	93.479.450	(306.852.660)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(5.604.207.359)	(7.215.107.213)
- Chi phí lãi vay, lãi trả chậm	06	7.177.306.297	3.501.389.496
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	9.084.131.986	7.403.339.403
- Thay đổi các khoản phải thu	09	(5.816.344.952)	33.359.312.628
- Thay đổi hàng tồn kho	10	11.671.256.769	22.984.737.028
- Thay đổi các khoản phải trả	11	36.159.370.506	(36.423.993.623)
- Thay đổi chi phí trả trước	12	664.568.587	224.389.743
- Tiền lãi vay đã trả	14	(6.129.280.438)	(4.117.874.425)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.498.062.463)	(3.011.430.192)
- Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	125.179.425
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(976.957.333)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	43.158.682.662	20.543.659.987
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(71.950.000)	(864.909.091)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	3.542.215.208
3. Tiền chi đầu tư ngắn hạn	23	(38.000.000.000)	(100.000.000.000)
4. Tiền thu hồi từ đầu tư ngắn hạn	24	101.100.000.000	-
5. Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia	27	6.560.939.068	3.703.457.070
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	69.588.989.068	(93.619.236.813)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	178.710.204.367	282.645.827.446
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(285.610.384.724)	(234.628.817.112)
3. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(419.828.983)	(11.862.493.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(107.320.009.340)	36.154.517.234
Lưu chuyển tiền thuần trong năm(50=20+30+40)	50	5.427.662.390	(36.921.059.592)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	72.778.141.034	109.654.068.489
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.717.807)	45.132.137
Tiền và tương đương tiền cuối năm(70=50+60+61)	70	78.204.085.617	72.778.141.034



Phạm Thị Hồng Yến
Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Hoàng Dương
Tổng Giám đốc
Ngày 19 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG

Công ty mẹ

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty mẹ") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305447723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và thay đổi lần thứ 13 ngày 12 tháng 5 năm 2016. Giấy chứng nhận này thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008984 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2008.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 50 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 53 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty mẹ là thực hiện dịch vụ hàng hải, đại lý vận tải biển và dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, cung cấp vật tư thiết bị cho các công trình dầu khí, kho xăng dầu, cung cấp hóa chất phục vụ cho thăm dò và khai thác dầu khí. Mua bán thiết bị vật tư, phụ tùng, hóa chất ngành dầu khí, ngành xây dựng, ngành giáo thông vận tải, nông lâm ngư nghiệp. Mua bán trang thiết bị phòng cháy chữa cháy, trang thiết bị bảo vệ môi trường.

Công ty con

Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh (gọi tắt là "Công ty GEC") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500867357 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 28 tháng 4 năm 2008 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Tổng số nhân viên của Công ty GEC tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 14 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 16 người). Hoạt động chính của Công ty GEC là mua bán các sản phẩm phụ gia dầu mỡ, phối trộn các sản phẩm xăng, dầu mỡ, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thay thế xăng pha cồn Etanol, diesel sinh học. Công ty GEC có trụ sở chính tại Ô 1, Ấp Bắc, Xã Hòa Long, Thị xã Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tỷ lệ phần sở hữu cũng như tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ của Công ty mẹ tại Công ty GEC là 51%.

Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (gọi tắt là "Công ty PAIC") được thành lập tại Hà Nội với vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103349508 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 02 năm 2009 là 42.352.900.000 đồng. Tổng số nhân viên của Công ty PAIC tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 89 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 90 người). Hoạt động chính của công ty này là cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, năng lượng sạch. Công ty PAIC có trụ sở chính ở tầng 17, tòa nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tỷ lệ phần sở hữu cũng như tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ của Công ty mẹ tại PAIC là 51,85%.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chỉ tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty mẹ vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty mẹ tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty mẹ tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty mẹ thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty mẹ, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty mẹ vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty mẹ trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và các chi phí có liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải	04 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Tài sản cố định khác	04

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, giá trị phần mềm máy tính và giấy phép sản xuất và ứng dụng đại trà phụ gia CN120 được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất là 50 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm. Giấy phép sản xuất và ứng dụng đại trà phụ gia CN120 không trích khấu hao vì không có thời hạn.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 50 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất nắm mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước chi phí bảo trì văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí bảo trì văn phòng thể hiện số tiền đã được trả trước. Chi phí bảo trì trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng văn phòng.

Chi phí trả trước khác bao gồm giá trị các thiết bị văn phòng đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí trả trước này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ một đến ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm hoạt động.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	444.252.118	833.520.064
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	27.710.014.978	24.422.474.860
Các khoản tương đương tiền	50.049.818.521	47.522.146.110
	78.204.085.617	72.778.141.034

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn từ một đến ba tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 4,3% - 5,5% một năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 4,3% - 5,5% một năm). Trong đó, khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty PAIC với số tiền là 6 tỷ đồng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội được sử dụng để thế chấp, bảo lãnh cho việc thực hiện các hợp đồng mua hàng hóa.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn bốn tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất là 5,5% một năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 6%-6,2% một năm).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu khách hàng là bên thứ ba		
- Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Hanh Xương	1.918.548.950	34.822.914.742
- Liên Doanh Vietsovpetro	894.869.317	8.233.851.817
- Công ty TNHH Cần ống Khoan Dầu khí Việt Nam	1.666.569.544	52.395.750
- Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	8.000.606.630	-
- Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	15.828.553.723	-
- Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	10.524.551.432	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex (*)	790.746.600	840.746.600
- Các khoản phải thu các khách hàng khác	35.169.357.469	28.711.305.804
b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam	16.466.736.451	5.534.775.419
	91.260.540.116	78.195.990.132

(*) Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinacomex theo Hợp đồng cung cấp hệ thống điện nhẹ cho khách sạn Lam Kinh tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2017 lần lượt là 840.746.600 đồng và 790.746.600 đồng đã quá hạn thanh toán.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Thương mại Ngọc Minh	5.403.706.531	9.899.312.315
Công ty TNHH Hưng Yên (*)	10.140.886.339	10.140.886.339
Công ty Cổ phần Công nghiệp Năng lượng xanh	5.015.000.000	5.015.000.000
Các khoản ứng trước khác	7.725.023.028	4.870.843.688
	28.284.615.898	29.926.042.342

(*) Đây là khoản ứng trước còn lại của Công ty liên quan đến việc kinh doanh cà phê theo hợp đồng 206/HY-PETE.DV/11-2012.HĐHT ngày 12 tháng 11 năm 2012. Công ty đã tiến hành khởi kiện Công ty TNHH Hưng Yên tại Tòa án Nhân dân Tỉnh Lâm Đồng để đòi lại khoản tiền này và Tòa án đã ra quyết định buộc Công ty TNHH Hưng Yên phải thanh toán cho Công ty số tiền này theo Bản án số 02/2017/KDTM-PT ngày 09 tháng 5 năm 2017. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đánh giá khoản công nợ này có khả năng thu hồi toàn bộ và không trích lập dự phòng cho khoản này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Tạm ứng cho nhân viên	494.517.565	937.909.300
Các khoản ký quỹ	900.000	1.100.139.648
Phải thu về lãi tiền gửi	64.188.720	1.607.711.460
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị	217.827.579	237.600.000
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (*)	1.646.068.395	1.646.068.395
Phải thu khác	576.995.905	3.526.020
	3.000.498.164	5.532.954.823
b. Dài hạn		
Các khoản ký quỹ	817.603.360	140.031.841
	817.603.360	140.031.841

(*) Số dư phải thu của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 thể hiện số tiền còn phải thu liên quan đến dự án Pin mặt trời theo Quyết định số 1459/QĐ-DKVN ngày 11 tháng 3 năm 2015 là 1.646.068.395 đồng, đã quá hạn thanh toán.

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Hanh Xương	1.918.548.950	1.700.796.545	-	-
Liên Doanh Vletsovetro	5.597.545.317	5.067.566.156	8.233.851.817	7.847.286.678
Doanh nghiệp Tư nhân Cà phê Minh Tiến	562.006.000	168.601.800	562.006.000	168.601.800
Công ty TNHH Cần ăng Khoan Dầu khí Việt Nam	1.666.569.544	1.615.117.270	52.395.750	-
Swiber Offshore Construction Pte Ltd	99.653.908	69.757.736	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Đại lý Dầu Tĩnh Bà Rịa - Vũng Tàu	-	-	271.736.190	81.520.857
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	1.864.410.133	-	1.864.410.133	-
	11.708.733.852	8.621.839.507	10.984.399.890	8.097.409.335

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nguyên vật liệu	31.591.959.531	42.801.606.703
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, trong đó:	4.705.000.632	5.166.610.229
- Thiết kế di dời trung tâm dữ liệu cho HD Bank	1.379.184.584	1.770.585.625
- Bảo hành, bảo trì thiết bị HB	497.917.605	1.089.771.460
- Hợp đồng nâng cấp đồng bộ PVOIL	-	676.458.789
- Dự án kho xăng dầu Nghi Sơn	1.428.030.000	-
- Các hợp đồng khác	1.399.868.443	1.629.794.355
Hàng hóa (*)	24.682.794.919	24.682.794.919
	60.979.755.082	72.651.011.851

(*) Hàng hóa tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm số hàng hóa đang ký gửi tại Công ty Cổ phần TNHH Cần ăng Khoan Dầu Khí Việt Nam với số tiền 19.777.118.126 đồng.

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	60.685.518.072	6.606.306.458	4.140.316.784	12.973.395.933	55.914.748	84.461.451.995
Tăng trong năm	-	71.950.000	-	-	-	71.950.000
Phân loại lại theo TT.45	-	(210.624.189)	-	-	-	(210.624.189)
Thanh lý	-	-	-	(10.896.617.119)	-	(10.896.617.119)
Số dư cuối năm	60.685.518.072	6.467.632.269	4.140.316.784	2.076.778.814	55.914.748	73.426.160.687
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	9.385.477.810	6.504.308.677	3.477.217.939	12.760.151.303	55.914.748	32.183.070.477
Khấu hao trong năm	2.207.997.722	95.889.186	287.248.250	213.244.630	-	2.804.379.788
Phân loại lại theo TT.45	-	(210.624.189)	-	-	-	(210.624.189)
Thanh lý	-	-	-	(10.896.617.119)	-	(10.896.617.119)
Số dư cuối năm	11.593.475.532	6.389.573.674	3.764.466.189	2.076.778.814	55.914.748	23.880.208.957
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	51.300.040.262	101.997.781	663.098.845	213.244.630	-	52.278.381.518
Tại ngày cuối năm	49.092.042.540	78.058.595	375.850.595	-	-	49.545.951.730

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 23.039.590.940 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 19.183.193.014 đồng).

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	2.180.000.000	731.058.745	7.506.158.050	10.417.216.795
Thanh lý trong năm	-	(297.923.085)	-	(297.923.085)
Số dư cuối năm	<u>2.180.000.000</u>	<u>433.135.660</u>	<u>7.506.158.050</u>	<u>10.119.293.710</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	43.183.539	731.058.745	-	774.242.284
Khấu hao trong năm	13.966.452	-	-	13.966.452
Thanh lý trong năm	-	(297.923.085)	-	(297.923.085)
Số dư cuối năm	<u>57.149.991</u>	<u>433.135.660</u>	<u>-</u>	<u>490.285.651</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	<u>2.136.816.461</u>	<u>-</u>	<u>7.506.158.050</u>	<u>9.642.974.511</u>
Tại ngày cuối năm	<u>2.122.850.009</u>	<u>-</u>	<u>7.506.158.050</u>	<u>9.629.008.059</u>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 433.135.660 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 731.058.745 đồng).

13. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa và quyền sử dụng đất VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	<u>34.652.902.727</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	173.264.514
Khấu hao trong năm	693.058.056
Số dư cuối năm	<u>866.322.570</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	<u>34.479.638.213</u>
Tại ngày cuối năm	<u>33.786.580.157</u>

Bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là hai căn biệt thự thuộc Khu biệt thự Kim Long, Khu dân cư Phú Long, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty mẹ mua từ Công ty Cổ phần địa ốc Phú Long và đang dùng để cho thuê.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - "Bất động sản đầu tư", giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án sản xuất thử nghiệm pin mặt trời (*)	<u>3.099.145.211</u>	<u>4.648.717.816</u>

(*) Thể hiện các chi phí phát sinh liên quan đến dự án sản xuất thử nghiệm Pin mặt trời bằng công nghệ hoá hơi dưới áp lực không khí ("Dự án") tại Công ty PAIC theo Hợp đồng hợp tác giữa Công ty PAIC với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("Tập đoàn") số 7454/HĐ-DKVN ngày 20 tháng 8 năm 2010. Theo đó, Tập đoàn góp vốn bằng tiền và Công ty PAIC góp vốn bằng nguồn nhân lực. Tổng chi phí phát sinh liên quan đến Dự án là 24.631.310.413 đồng. Ngày 20 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn đã có Biên bản số 9871/BB-DKVN về việc phê duyệt Dự án với kết quả Dự án không đạt. Giá trị quyết toán được Tập đoàn phê duyệt tại Quyết định số 1459/QĐ-DKVN ngày 11 tháng 3 năm 2015 là 19.466.068.395 đồng. Giá trị chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được duyệt quyết toán là 5.165.242.018 đồng. Ngày 03 tháng 12 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty PAIC ban hành Quyết định số 404/QĐ-HĐQT thông qua hướng xử lý với phần phát sinh vượt giá trị được quyết toán. Theo đó, (i) Ông Nguyễn Việt Hùng (nguyên Giám đốc Công ty PAIC) chịu trách nhiệm thanh toán 10% phần chi phí không được phê duyệt quyết toán với số tiền là 516.524.202 đồng; (ii) 90% phần chi phí không được phê duyệt quyết toán với số tiền là 4.648.717.816 đồng thuộc trách nhiệm chung của Công ty PAIC. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty PAIC vẫn đang theo dõi công nợ của ông Nguyễn Việt Hùng và phần giá trị còn lại của dự án trên khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" với số tiền là 3.099.145.211 đồng.

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết thể hiện số vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí Petechim. Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí Petechim được thành lập tại Khu kinh tế Nghi Sơn - Thanh Hóa với vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 262031000068 do Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn - Thanh Hóa cấp ngày 22 tháng 9 năm 2009 là 30 tỷ đồng. Tổng số vốn cam kết góp của Công ty mẹ là 7,5 tỷ đồng, tương ứng với 25% tổng vốn điều lệ. Hoạt động chính của công ty này là cung cấp dịch vụ hậu cần cho Khu kinh tế Nghi Sơn - Thanh Hóa.

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết của Công ty mẹ được trình bày như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đầu tư vào các công ty liên kết	2.500.000.000	2.500.000.000
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	361.042.903	1.126.200.312
	2.861.042.903	3.626.200.312
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng tài sản	20.305.475.324	35.314.052.413
Tổng công nợ	11.813.712.662	20.439.710.114
Tài sản thuần	8.491.762.662	14.874.342.299
Phần tài sản thuần của Công ty mẹ trong công ty liên kết	2.861.042.903	3.626.200.312
	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu	67.899.584.683	89.943.170.120
(Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế	(3.060.629.636)	3.355.526.341
(Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	(765.157.409)	838.881.585

17/12/2017
 Nguyễn Việt Hùng
 Giám đốc Công ty PAIC

HOOD P
 CH/ C
 RACHU
 DE
 VN
 17/12

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	11.000.000.000	11.000.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	3.000.000.000	3.000.000.000
	24.000.000.000	24.000.000.000

Thông tin chi tiết về các công ty trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	5,5	5,5	Kinh doanh các sản phẩm khí và dầu mỏ
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	2,0	2,0	Kinh doanh các sản phẩm xăng dầu, khí, dầu mỏ và các thiết bị liên quan
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	Tỉnh Quảng Ngãi	2,14	2,14	Kinh doanh các sản phẩm xăng dầu, khí, dầu mỏ và các thiết bị liên quan

16. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	4.370.076.549
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	1.242.369.360
Khấu hao trong năm	437.007.655
Số dư cuối năm	1.679.377.015
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	3.127.707.189
Tại ngày cuối năm	2.690.699.534

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Phải trả bên thứ ba	51.985.881.994	51.985.881.994	30.300.839.587	30.300.839.587
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Trần Nguyễn	8.757.180.690	8.757.180.690	66.000.000	66.000.000
- Trilm Systems Pte Ltd.	1.900.725.174	1.900.725.174	1.906.576.131	1.906.576.131
- Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Kiến Hoa	2.229.925.909	2.229.925.909	-	-
- Phải trả các khách hàng khác	39.098.050.221	39.098.050.221	28.328.263.456	28.328.263.456
b. Phải trả các bên liên quan	9.192.387.643	9.192.387.643	3.817.069.843	3.817.069.843
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam	9.192.387.643	9.192.387.643	3.817.069.843	3.817.069.843
	61.178.269.637	61.178.269.637	34.117.909.430	34.117.909.430

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp/ thu trong năm VND	Số đã thực nộp/ bù trừ trong năm VND	Số cuối năm VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	482.804.129	-	369.257.065	113.547.064
	482.804.129	-	369.257.065	113.547.064
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	347.360.852	71.164.650.152	70.203.676.683	1.308.334.321
Thuế nhập khẩu	-	1.374.863.249	1.374.863.249	-
Thuế thu nhập cá nhân	440.951.891	621.719.092	776.288.042	286.382.941
Thuế thu nhập doanh nghiệp	612.670.524	1.867.375.703	1.498.062.463	981.983.764
Thuế nhà thầu, thuế khác	-	10.000.000	10.000.000	-
	1.400.983.267	75.038.608.196	73.862.890.437	2.576.701.026

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí lãi vay	23.144.799	415.033.234
Chi phí dự án nâng cấp đồng bộ cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam	-	379.211.884
Chi phí cung cấp hệ thống pha chế E5- E10	379.836.480	379.836.480
Chi phí dự án trang trí cửa hàng xăng dầu	610.797.991	610.797.991
Chi phí vận hành nhà máy điện Cà Mau	1.023.854.342	1.241.120.269
Dự án hóa dầu Bình Sơn	3.029.292.044	-
Chi phí phải trả khác	2.417.852.424	1.149.918.454
	7.484.778.080	4.175.918.312

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ tức phải trả	6.904.892.288	5.601.663.550
Lãi trả chậm phải trả	1.439.914.294	-
Kinh phí công đoàn	795.340.481	636.611.191
Bảo hiểm thất nghiệp	34.733.089	21.892.076
Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm xã hội	556.226.664	231.934.283
Phải trả khác	954.987.718	608.777.861
	10.686.094.534	7.100.878.961

21. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	39.191.710.200	39.191.710.200	136.371.165.226	(153.972.443.983)	21.590.431.443	21.590.431.443
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	91.298.901.600	91.298.901.600	36.339.039.141	(127.637.940.741)	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội (SHB)	-	-	6.000.000.000	(4.000.000.000)	2.000.000.000	2.000.000.000
	130.490.611.800	130.490.611.800	178.710.204.367	(285.610.384.724)	23.590.431.443	23.590.431.443

Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 319/2015/2588907/HĐTD ngày 30 tháng 11 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 đồng. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi suất 5,7%/năm. Lãi suất cho mỗi lần rút vốn đối sẽ được trả định năm vào ngày 25 của mỗi tháng.

Khoản vay từ Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) theo Hợp đồng hạn mức tín dụng ký ngày 20 tháng 7 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 129.600.000.000 đồng. Khoản vay này chịu lãi suất từ 4,4% tới 5% một năm. Lãi suất cho mỗi lần rút vốn đối với khoản vay có thời hạn 3 tháng sẽ được trả vào ngày cuối cùng của mỗi năm trả lãi. Khoản vay này được đảm bảo bằng tổng giá trị số dư phải thu trị giá 131.700.000.000 đồng (số dư quy đổi tương đương 6,1 triệu đô la Mỹ) theo chứng thư thế chấp số VNM 111024/MR. Các khoản vay này đã được Công ty tất toán trong năm 2017.

Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 0020/2017/HĐTDNH-PN/SHB.110205 ngày 25 tháng 10 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 4.000.000.000.000 đồng. Khoản vay này được bảo đảm bằng các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) với tổng giá trị là 6.400.000.000 đồng và chịu lãi suất 7,1%/năm.

22. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	32.848.401.300	36.712.919.100
	32.848.401.300	36.712.919.100

Tại ngày 15 tháng 10 năm 2012, Công ty mẹ đã ký hợp đồng số 378/PVOIL.TCKT.PETECHIM/06-12/B với Tổng Công ty Dầu Việt Nam về việc chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất là toàn bộ tầng 11 - Tòa nhà Petroland, 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty mẹ. Tổng giá trị hợp đồng là 50.238.731.400 đồng bao gồm tiền sử dụng đất, 2% phí bảo trì tòa nhà và thuế giá trị gia tăng. Khoản nợ này sẽ được trả chậm trong vòng 15 năm (sau 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng các bên sẽ xem xét lại thời hạn trả chậm). Nợ gốc sẽ được trả theo số tiền cố định bình quân mỗi nửa năm tính trên số năm của hợp đồng và thanh toán lãi trả chậm mỗi nửa năm. Lãi trả chậm được tính dựa trên số dư nợ gốc giảm dần theo năm thanh toán với lãi suất huy động năm hạn 6 tháng trả sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại ngày cuối cùng của năm tính lãi. Giá gốc để tính lãi trả chậm bằng 95% giá trị hợp đồng, 5% còn lại sẽ được gộp vào tính lãi khi Tổng Công ty Dầu Việt Nam thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng và Đô thị Dầu khí. Để hỗ trợ cho Công ty mẹ hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng tài sản, Tổng Công ty Dầu Việt Nam chưa thu khoản nợ gốc trong 2 năm đầu kể từ ngày ký hợp đồng.

Khoản phải trả dài hạn này được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	7.681.587.643	3.864.517.800
Trong năm thứ hai	3.864.517.800	3.864.517.800
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	11.593.553.400	11.593.553.400
Sau năm năm	17.390.330.100	21.254.847.900
	40.529.988.943	40.577.436.900
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng	7.681.587.643	3.864.517.800
Số phải trả sau 12 tháng	32.848.401.300	36.712.919.100

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn cổ phần đã phát hành

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phần được phép phát hành	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	<u>200.000.000.000</u>	<u>200.000.000.000</u>

Đã được phát hành và góp vốn đủ:

Số lượng cổ phần đã được phát hành và góp vốn đủ	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	<u>200.000.000.000</u>	<u>200.000.000.000</u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông sáng lập và cổ đông lớn tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	58.000.000.000	29,0	58.000.000.000	29,0
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Trảng An	46.200.000.000	23,1	46.200.000.000	23,1
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia	29.800.000.000	14,9	29.800.000.000	14,9
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	22.000.000.000	11,0	22.000.000.000	11,0
Các cổ đông khác	44.000.000.000	22,0	44.000.000.000	22,0
	<u>200.000.000.000</u>	<u>100</u>	<u>200.000.000.000</u>	<u>100</u>

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	35.138.945.817	16.450.327.842	251.589.273.659
Lợi nhuận trong năm	-	-	472.973.610	472.973.610
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	189.865.843	(189.865.843)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(247.689.205)	(247.689.205)
Trích thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	(177.000.000)	(177.000.000)
Công bố chia cổ tức	-	-	(7.374.927.468)	(7.374.927.468)
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	35.328.811.660	8.933.818.936	244.262.630.596
Lỗ trong năm	-	-	(967.837.643)	(967.837.643)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	376.300.396	(376.300.396)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(523.258.867)	(523.258.867)
Trích thù lao Hội đồng quản trị	-	-	(484.678.577)	(484.678.577)
Giảm khác	-	-	(17.109.090)	(17.109.090)
Số dư cuối năm nay	<u>200.000.000.000</u>	<u>35.705.112.056</u>	<u>6.564.634.363</u>	<u>242.269.746.419</u>

(*) Trong năm, Công ty đã trích bổ sung các quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi và chi trả thù lao Hội đồng Quản trị từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2016 và năm 2017 với số tiền lần lượt là 376.300.396 đồng, 523.258.868 đồng và 484.678.577 đồng.

24. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của các Công ty con là Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh và Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát cụ thể như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh		
Vốn cổ phần của công ty con (VND)	20.000.000.000	20.000.000.000
Trong đó:		
- <i>Vốn góp của Công ty mẹ</i>	<i>10.200.000.000</i>	<i>10.200.000.000</i>
- <i>Vốn góp của cổ đông không kiểm soát</i>	<i>9.800.000.000</i>	<i>9.800.000.000</i>
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát	49%	49%
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí		
Vốn cổ phần của công ty con (VND)	42.352.900.000	42.352.900.000
Trong đó:		
- <i>Vốn góp của Công ty mẹ</i>	<i>21.960.000.000</i>	<i>21.960.000.000</i>
- <i>Vốn góp của cổ đông không kiểm soát</i>	<i>20.392.900.000</i>	<i>20.392.900.000</i>
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát	48,15%	48,15%

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát đối với giá trị tài sản thuần:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vốn của cổ đông không kiểm soát	30.192.900.000	30.192.900.000
Quý đầu tư phát triển	1.006.415.215	663.068.452
Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	216.000.741	216.000.741
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	785.237.122	781.248.978
	32.200.553.078	31.853.218.171

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận trong năm	5.348.047.910	8.672.592.217
Lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh	2.607.816.946	4.201.830.355

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:	Đơn vị	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Đô la Mỹ	USD	148.389	172.007
- Euro	EUR	3.232	3.232

26. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động - Bộ phận kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác và bộ phận kinh doanh chất phụ gia xăng dầu. Công ty lập báo cáo bộ phận theo hai bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của hai bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác - kinh doanh mua bán vật tư thiết bị, hóa chất phục vụ thăm dò và khai thác dầu khí và các dịch vụ khác.

Bộ phận kinh doanh chất phụ gia xăng dầu - sản xuất và kinh doanh chất phụ gia xăng dầu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Số đầu năm	Kinh doanh hàng	Kinh doanh chất	Tổng
	<u>hóa và dịch vụ khác</u>	<u>phụ gia xăng dầu</u>	
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản			
Tài sản bộ phận	422.511.131.511	75.359.158.034	497.870.289.545
Tổng tài sản hợp nhất			497.870.289.545
Nợ phải trả			
Nợ phải trả bộ phận	168.147.585.314	53.606.855.464	221.754.440.778
Tổng nợ phải trả hợp nhất			221.754.440.778
Số cuối năm	Kinh doanh hàng	Kinh doanh chất	Tổng
	<u>hóa và dịch vụ khác</u>	<u>phụ gia xăng dầu</u>	
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản			
Tài sản bộ phận	369.865.964.796	56.483.940.476	426.349.905.272
Tổng tài sản hợp nhất			426.349.905.272
Nợ phải trả			
Nợ phải trả bộ phận	116.767.762.218	35.111.843.557	151.879.605.775
Tổng nợ phải trả hợp nhất			151.879.605.775

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Năm nay	Kinh doanh hàng	Kinh doanh chất	Tổng
	<u>hóa và dịch vụ</u>	<u>phụ gia xăng dầu</u>	
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	232.260.138.502	560.214.643.454	792.474.781.956
Giá vốn	195.294.928.294	551.908.257.943	747.203.186.237
Kết quả hoạt động kinh doanh	36.965.210.208	8.306.385.511	45.271.595.719
Chi phí bán hàng			(11.677.682.441)
Chi phí quản lý doanh nghiệp			(29.703.880.821)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh			3.890.032.457
Doanh thu hoạt động tài chính			5.058.581.877
Chi phí tài chính			(7.307.469.227)
Lãi khác			2.830.257.814
Lỗ trong công ty liên kết			(765.157.409)
Lãi kế toán trước thuế			3.706.245.512
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			(2.236.632.768)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			170.366.559
Lãi trong năm			1.639.979.303
Thông tin khác			
Khấu hao			3.511.404.296

1-0a
ÁNH
TY
KHU
TT
NAM
HOC

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Năm trước	Kinh doanh hàng	Kinh doanh chất	Tổng
	hóa và dịch vụ khác	phụ gia xăng dầu	
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	669.174.137.433	49.018.144.491	718.192.281.924
Giá vốn	632.466.801.592	39.631.802.383	672.098.603.975
Kết quả hoạt động kinh doanh	36.707.335.841	9.386.342.108	46.093.677.949
Chi phí bán hàng			(14.452.470.975)
Chi phí quản lý doanh nghiệp			(30.004.795.128)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh			1.636.411.846
Doanh thu hoạt động tài chính			7.359.075.038
Chi phí tài chính			(6.149.593.246)
Lợi nhuận khác			3.115.749.800
Lãi trong công ty liên kết			838.881.585
Lợi nhuận kế toán trước thuế			6.800.525.023
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			(2.221.001.181)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			95.280.123
Lãi trong năm			4.674.803.965
Thông tin khác			
Khấu hao			6.831.759.913

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty có trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh và chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận theo khu vực địa lý trong báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

27. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán chất phụ gia xăng dầu	560.214.643.454	49.018.144.491
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	232.260.138.502	669.174.137.433
	792.474.781.956	718.192.281.924

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn chất phụ gia xăng dầu đã bán	551.908.257.943	39.631.802.383
Giá vốn hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp	195.294.928.294	632.466.801.592
	747.203.186.237	672.098.603.975

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí mua hàng hóa	736.491.924.687	530.235.713.607
Chi phí nhân công	27.857.843.355	29.821.547.682
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.511.404.296	6.831.759.913
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.956.075.915	24.284.612.359
Chi phí khác	7.767.501.246	125.382.236.517
	788.584.749.499	716.555.870.078

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	4.916.687.503	4.751.577.956
Cổ tức, lợi nhuận được chia	100.728.825	180.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	41.165.549	2.120.644.422
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	306.852.660
	5.058.581.877	7.359.075.038

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	5.056.649.503	3.501.389.496
Lãi trả chậm	2.120.656.794	2.309.191.621
Lỗ chênh lệch tỷ giá	130.162.930	339.012.129
	7.307.469.227	6.149.593.246

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	14.420.014.601	15.524.511.634
Chi phí đồ dùng văn phòng	239.012.624	299.876.255
Chi phí khấu hao	2.130.200.385	2.547.345.611
Chi phí dự phòng phải thu	199.903.790	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.453.231.167	7.649.160.576
Chi phí khác	5.261.518.254	3.983.901.052
	29.703.880.821	30.004.795.128
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	5.016.492.496	5.975.944.334
Chi phí khấu hao	37.707.318	15.102.726
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.746.443.936	2.951.440.714
Chi phí bằng tiền khác	2.877.038.691	5.509.983.201
	11.677.682.441	14.452.470.975

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.706.245.512	6.800.525.023
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	6.876.678.463	5.370.695.216
Cộng: Các khoản lỗ không tính thuế	-	306.313.481
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	600.239.864	1.066.214.335
Thu nhập tính thuế năm hiện hành	11.183.163.839	11.105.005.904
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.236.632.768	2.221.001.181

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế (năm 2016: 20%).

34. (LỖ)/LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được tính trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trong năm	1.639.979.303	4.674.803.965
Phân bổ cho:		
- Cổ đông không kiểm soát	2.607.816.946	4.201.830.355
- Cổ đông của Công ty mẹ	(967.837.643)	472.973.610
Trừ: trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	192.616.349	47.297.361
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.160.453.992)	425.676.249
Số cổ phần bình quân gia quyền để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.000.000	20.000.000
(LỖ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(58)	21

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 21 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm hoạt động như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản vay	23.590.431.443	130.490.611.800
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	78.204.085.617	72.778.141.034
Nợ thuần	-	57.712.470.766
Vốn chủ sở hữu	274.470.299.497	276.115.848.767
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	0.21

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và tương đương tiền	78.204.085.617	72.778.141.034
Phải thu khách hàng và phải thu khác	91.279.402.151	79.806.476.941
Các khoản đầu tư tài chính	60.900.000.000	124.000.000.000
	230.383.487.768	276.584.617.975
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	23.590.431.443	130.490.611.800
Phải trả người bán và phải trả khác	103.326.465.237	77.041.269.941
Chi phí phải trả	7.484.778.080	4.175.918.312
	134.401.674.760	211.707.800.053

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đô la Mỹ ("USD")	3.482.361.824	3.908.005.175	2.084.919.174	4.442.612.916
Bảng Anh ("GBP")	-	-	124.459.931	-
Euro ("EUR")	87.253.740	77.155.293	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ, Euro và Bảng Anh.

Tỷ lệ được áp dụng để tính độ nhạy đối với ngoại tệ được Ban Giám đốc xác định là 3%. Khi đó, Ban Giám đốc nhận thấy sự chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ ảnh hưởng đến các khoản mục tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ còn tồn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017. Nếu tỷ giá USD tăng/giảm 3% so với đồng Việt Nam thì lợi nhuận sau thuế trong năm sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng là 41.923.280 đồng (năm 2016: giảm/tăng 16.038.232 đồng).

Dựa trên sự phân tích tương tự cho EUR và GBP, thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 100 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ giảm/tăng 235.904.314 đồng (Năm 2016: giảm/tăng 1.304.906.118 đồng).



1500
 H. H. H.
 NG T
 HIEMI
 OIT
 T N/
 P. H. C.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có khoản rủi ro tín dụng từ một số khoản phải thu khách hàng đã được Công ty trích lập dự phòng và khoản ứng trước cho Công ty TNHH Hưng Yên.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay, và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Số cuối năm	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	78.204.085,617	-	-	78.204.085,617
Phải thu khách hàng và phải thu khác	90.461.798,791	817.603,360	-	91.279.402,151
Các khoản đầu tư tài chính	36.900.000,000	24.000.000,000	-	60.900.000,000
	205.565.884,408	24.817.603,360	-	230.383.487,768
Các khoản vay	23.590,431,443	-	-	23.590,431,443
Phải trả người bán và phải trả khác	70.478,063,937	15.458,071,200	17.390,330,100	103.326,465,237
Chi phí phải trả	7.484,778,080	-	-	7.484,778,080
	101.553.273,460	15.458.071.200	17.390.330.100	134.401.674.760
Chênh lệch thanh khoản thuần	104.012.610.948	9.359.532.160	(17.390.330.100)	95.981.813.008
Số đầu năm	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	72.778,141,034	-	-	72.778,141,034
Phải thu khách hàng và phải thu khác	79,666,445,100	140,031,841	-	79,806,476,941
Các khoản đầu tư tài chính	100,000,000,000	24,000,000,000	-	124,000,000,000
	252.444.586.134	24.140.031.841	-	276.584.617.975
Các khoản vay	130,490,611,800	-	-	130,490,611,800
Phải trả người bán và phải trả khác	40,328,350,841	15,458,071,200	21,254,847,900	77,041,269,941
Chi phí phải trả	4,175,918,312	-	-	4,175,918,312
	174.994.880.953	15.458.071.200	21.254.847.900	211.707.800.053
Chênh lệch thanh khoản thuần	77.449.705.181	8.681.960.641	(21.254.847.900)	64.876.817.922

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Tổng Công ty Dầu Việt Nam
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Trảng An
Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí Petechim

Mối quan hệ

Cổ đông
Cổ đông
Công ty liên kết

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>15.730.050.812</u>	<u>684.395.401</u>
Mua hàng		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>811.254.545</u>	<u>746.145.455</u>
Công bố và trả cổ tức		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>-</u>	<u>2.030.000.000</u>
Lãi trả chậm		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>2.120.656.794</u>	<u>2.309.191.621</u>

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	<u>2.449.800.959</u>	<u>1.800.000.000</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>16.466.736.451</u>	<u>5.534.775.419</u>
Phải trả người bán ngắn hạn		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>9.192.387.643</u>	<u>3.817.069.843</u>
Phải trả người bán dài hạn		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>32.848.401.300</u>	<u>36.712.919.100</u>


37. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Thông tin bổ sung cho các khoản phí tiền tệ

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm số tiền 1.463.059.093 đồng (năm trước: 415.033.234 đồng), là số lãi vay phát sinh trong năm nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

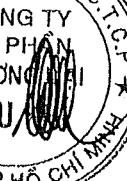
Tiền thu từ lãi tiền gửi và cổ tức được chia trong năm không bao gồm số tiền là 64.188.720 đồng (năm trước: 1.607.711.460 đồng), là số lãi tiền gửi phát sinh trong năm mà chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định trong năm không bao gồm số tiền là 2.136.363.636 (2016: 0 đồng), là số lãi từ thanh lý tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.


Phạm Thị Hồng Yến
Người lập biểu


Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng




Hoàng Dương
Tổng Giám đốc
Ngày 19 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Ban Kiểm soát Công ty CP Thương mại Dầu khí (BKS Petechim) xin báo cáo tình hình và kết quả hoạt động của BKS trong năm 2017 với các nội dung như sau:

1. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty Petechim

1.1. Hoạt động SXKD năm 2017:

Trong bối cảnh giá dầu đang phục hồi nhưng đang duy trì ở mức độ thấp, các hoạt động của ngành Dầu khí vẫn đang tạm ngừng hoặc giảm tiến độ dẫn đến thị trường truyền thống của Công ty Petechim tiếp tục bị thu hẹp, bên cạnh đó, sự cạnh tranh của các đối thủ trong và ngoài ngành dầu khí cũng là nguyên nhân khiến cho việc SXKD của Công ty không tốt trong năm 2017.

Năm 2017 được ghi nhận bằng việc mở rộng lĩnh vực thương mại sang thị trường Điện Dầu khí, xử lý nước thải nhiễm dầu tại Trung tâm phân phối khí Tiền Hải... cùng với việc duy trì mối quan hệ với các khách hàng truyền thống, tuy nhiên do lợi nhuận thấp, chi phí cao nên kết quả kinh doanh vẫn không đạt được chỉ tiêu như kế hoạch đã đề ra năm 2017.

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2017

(Đơn vị tính: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ Thực hiện/Kế hoạch
1	Doanh thu BH & CCDV	1.300.000	792.474,78	60,96%
2	Giá vốn về BH & CCDV	1.206.000	747.203,19	61,96%
3	Lợi nhuận gộp về BH & CCDV (3)=(2)-(1)	94.000	45.271,59	48,16%
4	Lợi nhuận tài chính	3.000	-2.248,89	-74,96%
5	Tổng chi phí	67.250	41.381,56	61,53%
	Lợi nhuận khác		2.830,26	
7	Phần (lỗ)/lãi trong công ty liên kết		-765,16	
	LNTT(8)=(3)+(4)-(5)+(6)+(7)	29.750	3.706,25	12,46%
5	LNST	23.800	1.639,98	6,89%
6	Tỷ suất LNST/ vốn ĐL (ROE)	11,9%	0,82%	

Kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty CP Petechim năm 2017

(Đơn vị tính: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ Thực hiện/Kế hoạch
1	Doanh thu BH & CCDV	840.000	249.962,99	29,76%
2	Giá vốn về BH & CCDV	789.182	230.772,21	29,24%
3	Lợi nhuận gộp về BH&CCDV (3)=(1)-(2)	50.818	19.190,78	29,24%
4	Tổng chi phí	35.068	22.529,61	64,25%
5	Lợi nhuận kinh doanh (5)=(3)-(4)	15.750	-3.338,83	-21,20%
6	Lợi nhuận tài chính	3.000	-902,14	-30,07%
	Lợi nhuận khác	0	4.440,71	
5	LNTT	18.750	199,74	1,07%
6	LNST	15.000	96,13	0,64%
7	Tỷ suất LNST/ vốn ĐL (ROE)	7,5%	0,048%	

1.2. Tình hình tài chính của Công ty Petechim (hợp nhất) năm 2017:

(Đơn vị tính: triệu đồng)

Khoản mục	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 31/12/2016
TÀI SẢN		
Tài sản ngắn hạn	297.641.291.996	363.878.612.490
Tiền	28.154.267.096	25.255.994.924
Các khoản khoản tương đương tiền	50.049.818.521	47.522.146.110
Các khoản phải thu tài chính ngắn hạn		
Đầu tư ngắn hạn	36.900.000.000	100.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	119.458.759.833	110.767.996.742
Phải thu của khách hàng	91.260.540.116	78.195.990.132
Trả trước cho người bán	28.284.615.898	29.926.042.342
Các khoản phải thu khác	3.000.498.164	5.532.954.823
Dự phòng giảm giá phải thu khó đòi	(3.086.894.345)	(2.886.990.555)
Hàng tồn kho	60.979.755.082	72.651.011.851
Tài sản ngắn hạn khác	2.098.691.464	7.681.462.863
Tài sản dài hạn	128.708.613.276	133.991.677.055
Các khoản phải thu dài hạn	817.603.360	140.031.841
Tài sản cố định	59.174.959.789	61.921.356.029
Bất động sản đầu tư	33.786.580.157	34.479.638.213
Tài sản dở dang dài hạn	3.099.145.211	4.648.717.816
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	26.861.042.903	27.626.200.312

Khoản mục	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 31/12/2016
Tài sản dài hạn khác	4.969.281.856	5.175.732.844
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	426.349.905.272	499.830.289.545
NGUỒN VỐN		
Nợ phải trả	151.879.605.775	221.754.440.778
Nợ ngắn hạn	119.031.204.475	185.041.521.678
Nợ dài hạn	32.848.401.300	36.712.919.100
Vốn chủ sở hữu	274.470.299.497	278.075.084.767
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	35.705.112.056	35.328.811.660
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(527.910.865)	8.933.818.936
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	32.200.553.078	33.813.218.171
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	426.349.905.272	499.830.289.545

2. Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám Đốc và các cán bộ quản lý khác

- Trong năm 2017, HĐQT đã ban hành quyết định số 39/QĐ-TMDK ngày 04/08/2017 về việc miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT Công ty Petechim của ông Trần Trung Chí Hiếu và ban hành quyết định số 40/QĐ-TMDK ngày 04/08/2017 về việc bổ nhiệm ông Trần Đức Chính – Tiến sỹ Địa vật lý thăm dò địa chất dầu khí là người đại diện 23,1% phần vốn của Công ty CP đầu tư & Xây dựng Trảng An tại Petechim giữ chức vụ thành viên HĐQT.
- Thực hiện Quyết định số 47/QĐ-TMDK ngày 26/10/2017 của HĐQT về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh, Công ty Petechim đã đăng ký bổ sung thêm mã ngành 4661 - Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm có liên quan thuộc.
- Trong quá trình rà soát các hoạt động kinh doanh của Công ty Petechim, BKS nhận thấy có một số vấn đề tồn đọng cần được xem xét và xử lý sớm, cụ thể như sau:
 - Việc thực hiện, triển khai các Hợp đồng chưa thực sự hiệu quả, các chi phí quản lý, chi phí bán hàng, giá đầu vào còn cao, dẫn đến lợi nhuận thấp.
 - Trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn và nhanh chóng thoái vốn khỏi các công ty góp vốn không nắm cổ phần chi phối đặc biệt là Công ty CP Hậu cần dầu khí do kết quả kinh doanh không khả quan, có khả năng mất vốn đã góp.
 - Về việc thu hồi công nợ: Trong năm 2017, đã thu hồi được công nợ của Công ty Tradoco. Cần theo dõi chặt chẽ việc thực hiện thu hồi công nợ của Công ty Hưng Yên nhằm thu hồi vốn tạm ứng kinh doanh cả phê 10,14 tỷ đồng và 3,14 tỷ tiền lãi, nợ quá hạn của Doanh nghiệp tư nhân Minh Tiến (nợ 560 triệu đồng); Công ty CP Thương mại Năng Lượng Xanh (nợ 5,83 tỷ đồng), Công ty CP Công nghiệp Năng lượng xanh (nợ 5,02 tỷ đồng) cần được giám sát chặt chẽ và có các biện pháp quyết liệt để thu hồi vốn, tránh thiệt hại cho công ty.

3. Các hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của BKS năm 2016

3.1 BKS đã tiến hành các hoạt động kiểm soát sau:

Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của BKS được quy định tại Điều 35 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP thương mại Dầu khí, BKS đã thực hiện các công việc chủ yếu sau:

- Kiểm tra, giám sát hàng quý tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trên cơ sở báo cáo thực hiện công tác sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty.
- Giám sát việc tuân thủ Nghị Quyết ĐHCĐ thường niên năm 2016 và việc tuân thủ Điều lệ công ty, Pháp luật Nhà nước và các Quy chế nội bộ công ty.
- Rà soát các quy định, quy chế nội bộ của công ty.
- Thẩm định các báo cáo tài chính hàng quý và cả năm, đảm bảo tính đúng đắn minh bạch trong các báo cáo. Phân tích, đánh giá tình hình tài chính, khả năng bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

Trong năm 2017, Ban kiểm soát đã có sự thay đổi về nhân sự:

Tại ĐHCĐ thường niên năm 2017, Đại hội đồng cổ đông đã đưa ra Nghị quyết số 14/NQ-TMDK ngày 12/04/2017 về việc bổ nhiệm bà Bùi Thị Thanh Huyền làm thành viên Ban Kiểm soát thay cho Bà Lê Thị Minh Trang chuyển công tác.

Công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời thực trạng, hiệu quả hoạt động của Công ty, để giúp phát hiện và khắc phục kịp thời những tồn tại trong hệ thống quản lý, điều hành hoạt động và hệ thống kiểm soát nội bộ. Định kỳ hàng quý, Ban Kiểm soát lập kế hoạch kiểm tra, giám sát, phân công trách nhiệm cho từng thành viên, thực hiện kiểm tra, giám sát theo kế hoạch đề ra và tổng kết lập Báo cáo, công việc cụ thể như sau:

- Trưởng Ban Kiểm soát – Ông Nguyễn Quang Trung

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản Trị, đề xuất những ý kiến đóng góp cho HĐQT và ban lãnh đạo Công ty
- Phân công nhiệm vụ, giám sát hoạt động của Kiểm soát viên.

- Kiểm soát viên (bao gồm Ông Huỳnh Minh Triết và bà Bùi Thị Thanh Huyền)

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2016, đồng thời giám sát việc chấp hành Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty, cũng như tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016.
- Thẩm định các báo cáo tài chính và lập báo cáo Ban kiểm soát hàng quý, cả năm.

3.2 Thù lao và chi phí hoạt động của BKS năm 2017:

Tổng mức thù lao chi trả cho HĐQT và BKS năm 2017 là 348.000.000 đồng, đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017 thông qua. Trong đó:

- Thù lao của Trưởng ban Kiểm soát: 3.000.000 VNĐ/người/ tháng
- Thù lao của Kiểm soát viên: 2.000.000 VNĐ/người/tháng

4. Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của Ban Kiểm soát

Chưa có

5. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cổ đông

- Nhìn chung năm 2017, BKS được cung cấp đầy đủ các thông tin về các quyết định của Hội đồng quản trị và phối hợp chặt chẽ với Ban Điều hành.

6. Kế hoạch hoạt động năm 2018 của BKS:

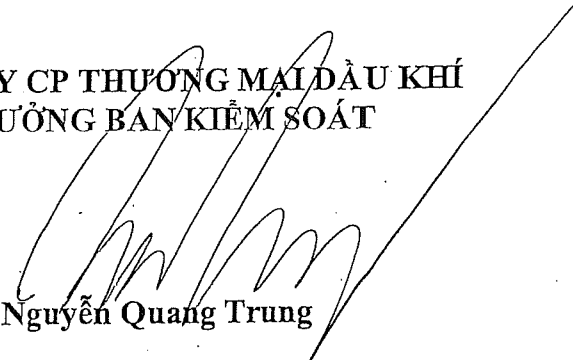
- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2018, đồng thời giám sát việc chấp hành Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty, cũng như tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.
- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng Quản trị xem xét và phê duyệt.
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban lãnh đạo công ty.
- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc.

7. Kiến nghị:

- Về quản lý công nợ: Ban điều hành cần phải tăng cường giám sát và có các biện pháp quyết liệt, kể cả tiến hành các thủ tục tố tụng... để thu hồi vốn, tránh thiệt hại cho công ty, đặc biệt đối với công nợ quá hạn với Công ty Hưng Yên, cần phối hợp chặt chẽ với luật sư để thực hiện các bước thi hành án, sớm thu hồi được công nợ.
- Về quản lý nhân sự: Ban điều hành cần nâng cao hiệu quả quản trị, đặc biệt là chất lượng nhân sự.
- Về hoạt động sản xuất kinh doanh: Ban điều hành cần rà soát tất cả các đối tác kinh doanh, các khoản công nợ quá hạn để tránh trường hợp khó đòi và giảm thiểu rủi ro, hạn chế các khoản ứng trước, trả trước cho nhà cung cấp. Bên cạnh đó, Ban điều hành cũng cần giám sát việc thực hiện các hợp đồng kinh doanh, rà soát, giảm thiểu các chi phí quản lý, chi phí thực hiện hợp đồng cũng như giảm giá vốn đầu vào... để giảm chi phí, tăng lợi nhuận cho công ty.
- Về hoạt động đầu tư: cần nhanh chóng triển khai thoái vốn đã góp ở các công ty có hoạt động kinh doanh thua lỗ theo nghị quyết của HĐQT.

Xin chân thành cảm ơn!

**CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**


Nguyễn Quang Trung

Số: 01/TTr-BKS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: lựa chọn công ty kiểm toán và mức phí
cho dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018

Kính gửi: - Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí
- Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí

Liên quan đến việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Petechim (BKS Petechim) xin báo cáo như sau:

Ngày 15/03/2018, BKS Petechim đã gửi thư đề nghị các công ty kiểm toán trong nhóm Big 4 (bao gồm: Công ty Deloitte Việt Nam; Công ty ERNTST & YOUNG; Công ty KPMG & Công ty PWC) chào giá dịch vụ soát xét báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017 và kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017. Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty Kiểm toán Deloitte Việt Nam (Deloitte VN) là đơn vị duy nhất chào giá cho dịch vụ nêu trên với mức giá là 200.000.000 đồng (đã bao gồm phụ phí, chưa bao gồm thuế VAT), bằng với mức phí năm 2015; 2016 & 2017 (theo thư chào giá số 91/VN1A-HC-CH ngày 20/03/2018 của Công ty Deloitte VN).

Trên cơ sở dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015; 2016 & 2017 do Deloitte VN thực hiện có chất lượng tốt và hoàn thành đúng tiến độ và Công ty Petechim có 2 công ty nắm cổ phần chi phối là công ty GEC và PAIC, BKS Petechim nhận thấy chào giá năm 2018 của Deloitte VN là hợp lý.

Vì vậy, BKS Petechim đề nghị lựa chọn Công ty Kiểm toán Deloitte Việt Nam là công ty kiểm toán cho Petechim năm 2018 với mức giá dịch vụ là 200.000.000 đồng (đã bao gồm phụ phí, chưa bao gồm thuế VAT).

BKS Petechim kính đề nghị Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty CP Petechim xem xét và phê duyệt đề xuất nêu trên để BKS Petechim có cơ sở triển khai việc kiểm toán theo đúng tiến độ yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Xin chân thành cảm ơn,

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Nơi nhận
- Như trên
- TGD (để ph)
- Lưu: VT, BKS-1b
Cán bộ soạn thảo
- Bùi Thị Thanh Huyền

Nguyễn Quang Trung



Số: 2933./TMDK-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: SỬ DỤNG QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỂ BÙ ĐÁP CÁC KHOẢN CÔNG NỢ
KHÔNG THU HỒI ĐƯỢC

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018**
Công ty CP Thương mại Dầu khí

I. **Khoản công nợ của Công ty TNHH Hưng Yên**

Căn cứ theo Bản án phúc thẩm số 02/2017/ KDTM-PT ngày 09/05/2017 của Tòa án Nhân dân tỉnh Lâm Đồng và Quyết định số 06/QĐCC-THA ngày 02/11/2017 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Lâm Hà về việc Cường chế kê biên, xử lý tài sản đối với Công ty TNHH Hưng Yên, Hội đồng quản trị xin báo cáo tình hình cưỡng chế thi hành án tại các tài sản của Công ty TNHH Hưng Yên như sau:

Theo Bản án phúc thẩm số 02/2017/ KDTM-PT ngày 09/05/2017 của TAND tỉnh Lâm Đồng, Công ty Hưng Yên phải thanh toán cho Công ty Petechim số tiền: **13.286.589.281 VNĐ** (trong đó: Số tiền gốc: **10.140.886.339 VNĐ** & tiền lãi: **3.145.702.942 VNĐ**). Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, Công ty Hưng Yên còn phải trả số tiền lãi tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Công ty Petechim đã phối hợp chặt chẽ cùng với Công ty luật Investconsult và bộ phận xử lý nợ của HDBank để thực hiện các bước thi hành án theo quy định của pháp luật. Theo thông báo về kết quả thẩm định giá tài sản của Hưng Yên ngày 13/12/2017, tổng giá trị tài sản của Hưng Yên sau khi được Công ty Thẩm Định Giá Đông Á (trụ sở tại Tp. HCM và Văn phòng chi nhánh tại Lâm Đồng) thẩm định có giá trị là **6.456.742.000 VNĐ**. Tổng giá trị này sẽ được phân chia cho tất cả các chủ nợ theo tỷ lệ số nợ của mỗi chủ nợ trên tổng số nợ của Hưng Yên (hơn 26 tỷ).

Ngày 14/03/2018, Chi cục thi hành án Lâm Hà đã tổ chức bán đấu giá các tài sản của Hưng Yên với giá trị tài sản là: **6.456.742.000 VNĐ** nhưng không có người tham gia đấu giá. Ngày 26/3/2018, chi cục thi hành án huyện Lâm Hà đã có quyết định số 15/QĐGG- CCTHA về việc giảm giá tài sản đấu giá lần 1 về mức **5.875.635.000 VNĐ** (giảm 9%) và sẽ tổ chức đấu giá lần 2 theo quy định của pháp luật.

II. Khoản công nợ của Doanh nghiệp Tư nhân Minh Tiến:

Ngày 10/07/2014, Công ty Petechim và Doanh nghiệp Tư nhân Cà phê Minh Tiến đã ký Hợp đồng kinh tế số 92B/TMDK-MT với tổng giá trị Hợp đồng là: **8.262.006.000 VNĐ** để mua bán cà phê. Đến thời điểm hiện tại, tổng số tiền DNTN Minh Tiến còn phải trả cho Công ty Petechim là: **562.006.000 VNĐ**. Công ty Petechim đã nhiều lần gửi Công văn yêu cầu DNTN Minh Tiến hoàn trả số tiền trên nhưng vẫn không nhận được bất kỳ phản hồi nào về việc này.

III. Khoản công nợ của Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng xanh (GEC) & Công ty Cổ phần Công nghiệp Năng lượng xanh (GEEI)

Theo nội dung Biên bản họp 03 bên giữa Công ty Petechim, Công ty GEEI và Công ty GEC ngày 08/05/2017, Công ty Petechim đồng ý giảm trừ giá trị hàng hóa cho Hợp đồng số 136B/PETE.DV-GEC/2014” ký ngày 24/12/2014 về việc Cung cấp chất xúc tác XT cho phụ gia CN120” với giá trị giảm trừ cho Công ty GEC là **3.806.501.222 VNĐ**, số tiền còn lại Công ty GEC phải thanh toán cho Công ty Petechim là: **2.020.000.000 VNĐ**. Đồng thời, Công ty Petechim cũng yêu cầu Công ty GEEI phải hoàn trả 100% giá trị tạm ứng của Công ty Petechim cho Hợp đồng số 26/Petechim-GEEI/12-14 ký ngày 09/09/2014 về việc Cung cấp thiết bị thi công lắp đặt hệ thống công nghệ tăng hiệu quả sản xuất của Phụ gia CN120”, tương ứng với số tiền **5.015.000.000 VNĐ**

Với tình hình như trên, nhận định về việc thu hồi công nợ từ hai đơn vị kinh doanh cà phê sẽ rất khó khăn, khả năng thu hồi không cao. Bên cạnh đó, kế hoạch kinh doanh các năm sau của Petechim chưa có dấu hiệu khả quan, lợi nhuận đạt ở mức thấp. Đồng thời, cũng để hỗ trợ Công ty GEC – công ty con của Petechim giảm bớt thiệt hại do việc giảm phẩm chất của lô hàng tồn kho quá thời hạn. Hội đồng quản trị xin đề xuất sử dụng **Quỹ đầu tư phát triển và dự phòng tài chính** của Công ty đã được trích lập qua các năm hiện nay là **35.705.112.056 VNĐ**, hiện vẫn chưa có kế hoạch sử dụng, để bù đắp thiệt hại đối với các khoản công nợ khó thu hồi ở trên với tổng giá trị là **14.509.393.561 VNĐ** (10.140.886.339 VNĐ (I) + 562.006.000 VNĐ (II) + 3.806.501.222 VNĐ (III)).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua để Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty có cơ sở thực hiện.

Trân trọng,

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT, NXTC (3b)



Số: 296/B/TMDK-HĐQT

Tp. HCM, ngày 09 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: Miễn nhiệm nhân sự trong HĐQT, BKS

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
Công ty CP Thương mại Dầu khí Petechim.

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Bổ sung, sửa đổi lần 8, Tháng 4/2016 đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016;
- Công văn số 50/CV-TA ngày 02/8/2017 của Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Tràng An gửi Hội đồng quản trị Công ty Petechim thông báo về việc ông **Trần Trung Chí Hiếu** thôi làm Người đại diện phần vốn của Tràng An tại Petechim và đề nghị Petechim tiến hành các thủ tục để ông Hiếu thôi tham gia HĐQT Công ty Petechim;
- Công văn số 1464/DVN-TCNS ngày 28/02/2018 của Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOil) gửi Hội đồng quản trị Công ty Petechim thông báo về việc ông **Trần Văn Mạnh** thôi làm Người đại diện phần vốn của PVOil tại Petechim để đến nhận công tác tại Công ty OBF và đề nghị Petechim tiến hành các thủ tục để ông Mạnh thôi tham gia HĐQT Công ty Petechim.
- Đơn xin miễn nhiệm chức vụ Kiểm soát viên Công ty CP Thương mại Dầu khí Petechim của bà **Bùi Thị Thanh Huyền**.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm chức vụ trong Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty Petechim của các nhân sự nêu trên để Hội đồng quản trị có cơ sở đề xuất bổ nhiệm các nhân sự bổ sung thay thế tương ứng theo đúng quy định.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT (để t/h);
- Ban GD C/ty (để t/h);
- Lưu: VT, HĐQT, NXTC (03b)



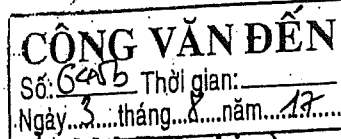
**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ
XÂY DỰNG TRẢNG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 50./CV-TA

V/v: Cử Ông Trần Đức Chính thay
Ông Trần Trung Chí Hiếu làm đại
diện phân vốn Công ty Trảng An tại
Petechim

TP Vinh, ngày 02 tháng 08 năm 2017.



Kính gửi: Công ty CP Thương mại Dầu khí (Petechim)

Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Trảng An tham gia đầu tư cổ phần của Công ty Thương mại Dầu khí phát hành theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 126/GCN-UBCK với số lượng 4.620.000 (Bốn triệu, sáu trăm hai mươi nghìn) cổ phiếu, tương ứng với mệnh giá là 46.200.000.000 (Bốn mươi sáu tỷ, hai trăm triệu) đồng.

Nay Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Trảng An cử Ông Trần Đức Chính (CMND số 027054000046 cấp ngày 07/07/2015 tại CA Hà Nội) thay Ông Trần Trung Chí Hiếu (CMND số 161355616 cấp ngày 20/06/2008 tại CA Nam Định) làm đại diện toàn bộ phần vốn của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Trảng An tại Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí.

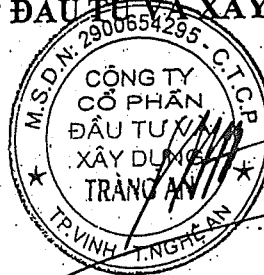
Bằng công văn này, Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Trảng An thông báo để Quý Công ty biết và tạo điều kiện để Ông Trần Đức Chính đại diện cho Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Trảng An thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Trân trọng!

Nơi nhận:

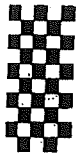
- Như kính gửi;
- Lưu VT-CT

CTCP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRẢNG AN



- K/c: - A. Thanh Hùng } (cố chốt)
- A. Dũng
- Ban T.C.Đ
- Các phòng ban

GIÁM ĐỐC
Dũng Văn Thìn



**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1464 /DVN-TCNS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 2 năm 2018

V/v ông Trần Văn Mạnh thôi làm
người đại diện PVOIL tại Petechim

CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 99 Thời gian: 16h 50
Ngày 28 tháng 2 năm 2018

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty Petechim

Căn cứ yêu cầu bố trí và điều động nhân sự làm Người đại diện Tổng công ty Dầu Việt Nam tại các doanh nghiệp khác có vốn góp của Tổng công ty và ý kiến của Hội đồng quản trị Công ty Petechim đồng ý với dự kiến của Tổng công ty về việc điều động ông Trần Văn Mạnh đến nhận nhiệm vụ mới theo yêu cầu công tác cán bộ của Tổng công ty;

Nay, thực hiện Nghị quyết của Ban TVĐU và HĐTV Tổng công ty Dầu Việt Nam, Tổng công ty thông báo đến Công ty Petechim việc ông Trần Văn Mạnh thôi làm Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Petechim để đến nhận công tác tại Công ty OBF.

Đề nghị Công ty Petechim tiến hành các thủ tục theo Quy định Pháp luật và Điều lệ Công ty để ông Trần Văn Mạnh thôi tham gia Hội đồng quản trị công ty Petechim.

Trân trọng thông báo.

- Nơi nhận:
- Như trên;
 - TVĐU (đ/b/c);
 - HĐTV (đ/b/c);
 - Lưu VT, TCNS, DTT 2b.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Cao Hoài Dương

K/C: - A. Hùng (đ/b/c)
 - A. Dương (đ/b/c)
 - Hội đồng QT
 - Ban T&Đ + P.KH&ĐT + TK KH&ĐT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-tự do-Hạnh phúc.

Tp.HCM, ngày 15 tháng 03 năm 2018

ĐƠN XIN MIỄN NHIỆM

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Thương mại Dầu khí
- Hội đồng quản trị Công ty CP Thương mại Dầu khí

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014.
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Petechim (Bổ sung, sửa đổi lần 08) ngày 12/04/2016;

Tôi tên là: **Bùi Thị Thanh Huyền**, Kiểm soát viên Công ty CP Thương mại Dầu khí (Petechim JSC) nhiệm kỳ 2015-2020.

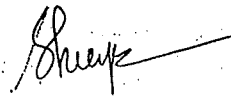
Hiện nay, vì lý do cá nhân tôi không tiếp tục làm việc tại Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí từ ngày 01/04/2018 nên tôi không thể tiếp tục đảm đương chức vụ Kiểm soát viên Công ty Petechim.

Tôi làm đơn này kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Thương mại Dầu khí Petechim xem xét và phê duyệt cho tôi thôi giữ chức vụ Kiểm soát viên Công ty Petechim kể từ ngày 01/04/2018 để HĐQT Công ty Petechim có cơ sở đề cử nhân sự thay thế theo đúng quy định.

Tôi xin chân thành cảm ơn sự tín nhiệm của Đại hội đồng cổ đông/ Hội đồng quản trị Công ty Petechim dành cho tôi trong suốt thời gian tôi tại nhiệm.

Trân trọng,

NGƯỜI VIẾT ĐƠN



BÙI THỊ THANH HUYỀN

Số ~~297b~~/TMDK-HĐQT

Tp. HCM, ngày 09 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: Giới thiệu, bổ nhiệm nhân sự vào HĐQT, BKS

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
Công ty CP Thương mại Dầu khí Petechim

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Bổ sung, sửa đổi lần 8, Tháng 04/2016 đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2016;
- Tình hình thực tế và nhu cầu công việc của Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc giới thiệu, bổ nhiệm nhân sự vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát như sau:

1. Giới thiệu bổ nhiệm nhân sự vào Hội đồng quản trị Công ty CP Thương mại Dầu khí

- Căn cứ công văn số 50/CV-TA ngày 02/8/2017 của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Trảng An, ngày 04/8/2017, HĐQT ra Quyết định số 40/QĐ-TMDK về việc bổ nhiệm ông **Trần Đức Chính**, Người đại diện 4.620.000 cổ phần của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Trảng An tại Petechim giữ chức Thành viên HĐQT Công ty CP Thương mại Dầu khí thay ông Trần Trung Chí Hiếu.
- Căn cứ đề nghị của PVOIL, Ông **Võ Khánh Hưng** Người đại diện của PVOIL tại Petechim giữ chức Thành viên HĐQT Công ty CP Thương mại Dầu khí thay ông Ông Trần Văn Mạnh.
- Ngày 07/4/2018, Hội đồng quản trị cũng đã tổ chức họp và thống nhất giới thiệu ông **Hoàng Dương** là Thành viên HĐQT làm nhiệm vụ thành viên chuyên trách trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 của Công ty xem xét thông qua.

- Sơ yếu lý lịch của ông Trần Đức Chính:

Họ tên: **TRẦN ĐỨC CHÍNH**

Sinh ngày: 24/12/1954

Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: Không

Số CMND: 027054000046 Ngày cấp: 07/07/2015 Nơi cấp: Hà Nội

Hộ khẩu thường trú: Số 9, 112/2 Hoàng Quốc Việt, Hà Nội

Chỗ ở hiện tại: Số 9, 112/2 Hoàng Quốc Việt, Hà Nội

Trình độ học vấn: Tiến sĩ Địa vật lý Thăm dò – Địa chất Dầu khí

Trình độ lý luận: Cao cấp lý luận chính trị tại Học viện Hồ Chí Minh

Tóm tắt quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Tên tổ chức
2004-2007	Trưởng Ban Tìm kiếm Thăm dò Dầu khí	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)
2007-2008	Trưởng Ban Quản lý các Hợp đồng Dầu khí (trong nước)	PVN
2008-2010	Chủ tịch Hội đồng thành viên	Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)
2010-2014	Phó Tổng giám đốc, Trưởng Ban Dự án Dầu khí ở nước ngoài	PVN
2015-2016	Chuyên gia cao cấp Hội đồng thành viên	PVN
Từ 10/2016 đến nay	Cố vấn cao cấp của Chủ tịch	SOVICO HOLDINGS

Căn cứ Khoản 5 – Điều 26 Điều lệ Công ty quy định, sau khi được ĐHĐCĐ thường niên Năm 2018 chấp thuận, việc bổ nhiệm ông Trần Đức Chính giữ chức vụ Thành viên HĐQT Công ty Petechim nhiệm kỳ 2015-2020 chính thức có hiệu lực vào ngày 04/8/2017.

- Sơ yếu lý lịch của ông Võ Khánh Hưng:

Họ tên: **VÕ KHÁNH HƯNG**

Sinh ngày: 28/9/1965

Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: Không

Số CMND: 023669971 Ngày cấp: 07/06/2013

Hộ khẩu thường trú: 60/41 B, Lý Chính Thắng, P. 8, Quận 3, Tp. HCM.

Chức vụ hiện tại Phó Tổng giám đốc PVOIL.

- Sơ yếu lý lịch của ông Hoàng Dương:

Họ tên: **HOÀNG DƯƠNG**

Sinh ngày: 19/8/1960

Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: Không

Số CMND: 001060010371 Ngày cấp: 31/10/2016 Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư

Hộ khẩu thường trú: 93 Đinh Tiên Hoàng, Phường 3, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM.

Chỗ ở hiện tại: 2/13B Cao Thắng, P5, Q3, TP.HCM

Trình độ học vấn: Thạc sĩ Cơ khí Đường ống bể chứa

Trình độ lý luận: Cao cấp chính trị

Tóm tắt quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Tên tổ chức
03/1983-05/1992	Nhân viên	Phòng Giá- Công ty Nhập khẩu Thiết bị & Kỹ thuật Dầu khí Petechim, Bộ Ngoại thương

Thời gian	Chức vụ	Tên tổ chức
06/1992- 02/1993	Nhân viên	Phòng Nhập thuộc Xí nghiệp Dịch vụ Dầu khí PSC, Tổng Cục Dầu khí Việt Nam.
03/1993- 03/1994	Phó phòng	Phòng Nhập 1 thuộc Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí PTSC
04/1994-2000	Phó phòng Nhập	Công ty Thương mại Dầu khí Petechim
2001-2007	Trưởng Phòng Kinh doanh Tổng hợp	Công ty Thương mại Dầu khí Petechim
2007-2008	Phó Tổng giám đốc	Tổng công ty Thương mại Dầu khí Petechim
06/2008- 06/2009	Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Dầu VN (PV Oil) kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Thương mại Dầu khí (Petechim JSC)	Tổng công ty Dầu Việt Nam (PV Oil) Công ty CP Thương mại Dầu khí (Petechim JSC)
07/2009- 07/2011	Ủy viên Hội đồng thành viên Tổng công ty Dầu VN (PV Oil) kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thương mại Dầu khí	Tổng công ty Dầu Việt Nam (PV Oil) Công ty CP Thương mại Dầu khí (Petechim JSC)
08/2011- 04/2015	Hàm Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Dầu VN (PV Oil) chuyên trách Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thương mại Dầu khí Petechim (JSC)	Tổng công ty Dầu Việt Nam (PV Oil) Công ty CP Thương mại Dầu khí (Petechim JSC)
04/2015-nay	Hàm Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Dầu VN (PV Oil) Tổng giám đốc Công ty CP Thương mại Dầu khí (Petechim JSC)	Tổng công ty Dầu Việt Nam (PV Oil) Công ty CP Thương mại Dầu khí (Petechim JSC)

2. Giới thiệu nhân sự vào Ban kiểm soát Công ty CP Thương mại Dầu khí

Căn cứ Đơn xin miễn nhiệm chức vụ Kiểm soát viên Công ty CP Thương mại Dầu khí ký ngày 15/3/2018 của bà Bùi Thị Thanh Huyền, HĐQT giới thiệu bà Lê Thu Hường thay cho bà Huyền ứng cử vào vị trí Kiểm soát viên để ĐHCĐ xem xét, biểu quyết.

- Sơ yếu lý lịch của bà Lê Thu Hường:

Họ tên: **LÊ THU HƯỜNG**

Sinh ngày: 08/03/1990

Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: Không

Số CMND: 186982460 Ngày cấp: 06/04/2016 Nơi cấp: CA Nghệ An

Hộ khẩu thường trú: Đội 5 – Hợp Thành – Yên Thành – Nghệ An

Chỗ ở hiện tại: P. 420 Chung cư An Hòa 3, KDC Nam Long, đường Trần Trọng Cung, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. HCM

Trình độ học vấn: Cử nhân Kế toán trường Đại học Thương mại (Hà Nội)

Trình độ lý luận: Sơ cấp

Tóm tắt quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Tên tổ chức
11/2012 - nay	Chuyên viên Phòng Dịch vụ	Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 xem xét, thông qua việc bổ nhiệm Thành viên HĐQT, giới thiệu nhân sự vào Ban kiểm soát nêu trên.

Trân trọng,

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT (để t/h);
- Ban TGD Cty (để t/h);
- Lưu: HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Hùng

Số: ~~3017~~/DVN-TCNS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2018

V/v Người đại diện PVOIL và
nhân sự của Petechim

Kính gửi: Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí - Petechim

Tổng công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên (PVOIL):

- Mã số doanh nghiệp: 0305795054
- Địa chỉ: Số 1-5 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM
- Tổng số cổ phần sở hữu tại Công ty CP Thương mại Dầu khí: 5.800.000 cổ phần (tương đương 29 % vốn điều lệ của Công ty)

Thông báo đến Công ty CP Thương mại Dầu khí - Petechim việc cử bổ sung Người đại diện theo ủy quyền của PV OIL tại Công ty như sau:

1. Về công tác cử Người đại diện:

- Ông **Trần Văn Mạnh** thôi làm Người đại diện theo ủy quyền của PVOIL tại Petechim.
- Điều chỉnh số cổ phần giao cho ông **Võ Khánh Hưng** đại diện quản lý tại Petechim từ 800.000 cổ phần (tương đương 4%) lên thành 2.800.000 cổ phần (tương đương 14%)

2. Về công tác nhân sự chủ chốt nhiệm kỳ 2018-2023 tại Petechim:

- Giới thiệu ông **Võ Khánh Hưng** tham gia HĐQT Petechim (giữ vị trí Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm) để thay thế vị trí ông Trần Văn Mạnh.
- Chấp thuận việc ông **Hoàng Dương** thôi giữ chức Tổng giám đốc Petechim để tập trung nhiệm vụ Thành viên HĐQT chuyên trách của Công ty.
- Thông qua nội dung biểu quyết về việc bổ nhiệm Bà **Đỗ Thị Bích Hà** giữ chức Tổng giám đốc Công ty thay vị trí ông Hoàng Dương.
- Thông qua nội dung biểu quyết về việc bầu ông **Trần Đức Chính** tham gia HĐQT Petechim thay ông Trần Trung Chí Hiếu

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT (đề 6/c)
- KSV, PTGD;
- Ban KSNB, KH, TCKT;
- Lưu VT, TCNS, DTT 3b.



Số: 276 /QĐ-DVN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

V/v điều chỉnh số cổ phần giao cho Người đại diện quản lý
tại Công ty CP Thương mại Dầu khí (Petechim)

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1250/QĐ-DKVN ngày 06/06/2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc thành lập Công ty mẹ - Tổng công ty Dầu Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1251/QĐ-DKVN ngày 06/06/2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt và ban hành Điều lệ tổ chức hoạt động của Tổng công ty Dầu Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Nghị quyết số 133-NQ/DVN ngày 23/04/2018 của ban Thường vụ Đảng ủy và Nghị quyết số 29/NQ-DVN ngày 23/04/2018 của Hội đồng Thành viên Tổng công ty Dầu Việt Nam;

Xét đề nghị của ông Tổng giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh số cổ phần giao cho Người đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOIL) tại Công ty cổ phần Thương mại Dầu khí (Petechim) quản lý như sau:


- Ông **Trần Văn Mạnh** thôi làm Người đại diện theo ủy quyền của PVOIL tại Petechim.
- Điều chỉnh số cổ phần ủy quyền cho ông **Võ Khánh Hưng** - PTGD, đại diện quản lý tại Petechim từ 800.000 cổ phần (tương đương 4% VĐL) lên thành 2.800.000 cổ phần (tương đương 14%VĐL).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Ban của Tổng công ty Dầu Việt Nam và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- TVĐU, HĐTV;
- Ban TGD;
- KSV (để biết);
- Ban KSNB; KH, TCKT;
- Lưu VT, TCNS, DTT4b.

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH 




Nguyễn Hoàng Tuấn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho người ứng cử/ đề cử bầu làm thành viên HĐQT/Ban kiểm soát)

1. Thông tin cá nhân

- Họ và tên: **TRẦN ĐỨC CHÍNH**
- Ngày sinh: 24/12/1954 Giới tính: Nam
- Số CMND/Hộ chiếu: **027054000046** Ngày cấp 7/7/2015 Nơi cấp: Hà Nội
- Hộ khẩu thường trú: Số 9, 112/2, Hoàng Quốc Việt, Hà Nội
- Chỗ ở hiện tại: Số 9, 112/2, Hoàng Quốc Việt, Hà Nội
- Chức vụ hiện nay: Cố vấn Cao cấp của Chủ tịch SOVICO Holdings tại Tổ chức/Đơn vị: SOVICO Holdings
- Điện thoại: 0913234798 Email: tranchinh@sovicoholdings.com;
- Những người có liên quan:

Mối quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Số Giấy CMND/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ thường trú
Bố	Trần Duy Hy, tên thường gọi Lê Nam	1925	Mất năm 2002 do già			Phú Minh, Phú Xuyên, Hà Nội.
Mẹ	Phạm Thị Nhưng	1928	110369843	14/8/2007	Hà Nội	Phú Minh, Phú Xuyên, Hà Nội
Vợ/ Chồng	Lê Thị Hồng	1955	011076738	30/6/2005	Hà Nội	Số 9, 112/2; Hoàng Quốc Việt, Hà Nội
Con	1. Trần Thu Hà	1983	012315774	29/10/2011	Hà Nội	- nt -
	2. Trần Thu Hương	1987	012420526	7/6/2013	Hà Nội	- nt -
Anh/ chị/ em ruột	1. Trần Thị Bích Lan	1947			Hà Nội	Phú Minh, Phú Xuyên, Hà Nội
	2. Trần Đức Đại	1957	111433701	27/10/2010		nt -
	3. Trần Đức Quang	1959	Đã mất 2012 do ốm			- nt -

4. Trần Đức Vinh	1964	132286917	20/11/2011	Phú Thọ Hà Nội	3. Phương Văn Cơ, Tp. Việt Trì, Phú Thọ Phú Minh, Phú Xuyên, Hà Nội
5. Trần Đức Hiền	1966	011685050	14/8/2007		
6. Trần Đức Thắng	1969	112005336	8/12/2010	Hà Nội	TT Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội

2. Trình độ học vấn

Thời gian	Trường/Nơi đào tạo	Bằng cấp
1971-1977	Trường Đại học Tổng hợp Moscow mang tên Lomonosov (MGU) Liên Xô, nay là Liên bang Nga	Kỹ sư Địa Vật Lý thăm dò
1977 - 1981	Nghiên cứu sinh tại Trường MGU nói trên	Tiến sỹ Địa Vật Lý Thăm dò – Địa Chất Dầu khí.
1987-1988	Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội	Chứng chỉ Tiếng Anh - Bằng C
1999-2000	Học Viện Hồ Chí Minh	Bằng tốt nghiệp Lý luận Chính trị Cao cấp
2009	Học Viện Cán bộ Quản lý Xây dựng & Đô thị, Bộ Xây dựng	Chứng nhận về Lãnh đạo và Quản lý Doanh nghiệp.

3. Kinh nghiệm công việc

Thời gian	Chức vụ	Tên tổ chức
2004-2007	Trưởng Ban Tìm kiếm Thăm dò Dầu khí	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - PETROVIENAM
2007-2008	Trưởng Ban Quản lý các Hợp đồng Dầu khí (trong nước)	PETROVIENAM
2008-2010	Chủ tịch Hội đồng Thành viên	Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí, PETROVIETNAM (PVEP)
2010-2014	Phó Tổng giám đốc, Trưởng ban Dự án Dầu khí ở Nước ngoài	PETROVIENAM
2015-2016	Chuyên gia Cao cấp HĐTV	PETROVIENAM
Từ 10/2016 đến nay	Cố vấn Cao cấp của Chủ tịch	SOVICO Holdings

4. Các thành tích đạt được:

Vì các thành tích công tác và đóng góp cho Ngành Dầu khí đã được tặng thưởng:

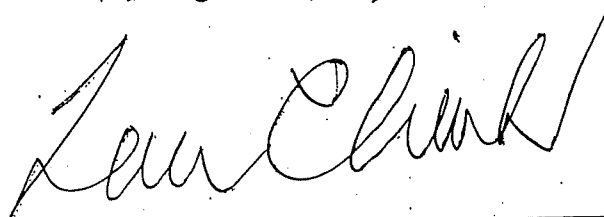
- 02 Huân chương - Huân chương Lao động hạng II và III.
- 02 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Hà Nội, Ngày 8 tháng 08 năm 2017

Người khai

(Ký và ghi rõ họ tên)



TRẦN ĐỨC CHÍNH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho người ứng cử/ đề cử bầu làm thành viên HĐQT/Ban kiểm soát)

1. Thông tin cá nhân

- Họ và tên: Lê Thu Hương
- Ngày sinh: 08/03/1990 Giới tính: Nữ
- Số CMND/Hộ chiếu: 186982460 Ngày cấp: 06/04/2016 Nơi cấp: Nghệ An
- Hộ khẩu thường trú: Đội 5 – Hợp Thành – Yên Thành – Nghệ An
- Chỗ ở hiện tại: Phòng 420 – Chung cư An Hòa 3 – khu dân cư Nam Long – Đường Trần Trọng Cung – P.Tân Thuận Đông – Quận 7 – Hồ Chí Minh.
- Chức vụ hiện nay: Chuyên viên Phòng Dịch vụ
tại Tổ chức/Đơn vị: Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (Petechim JSC)
- Điện thoại: 0906 363 996 Email: huonglt@petechim.com.vn
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: không
 - Sở hữu đại diện cho Công ty: không
 - Những người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Những người có liên quan và cổ phần nắm giữ: cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ (chồng), con, anh chị em ruột.

Mối quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Số Giấy CMND/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ thường trú	Số cổ phần của Công ty nắm giữ	Tài khoản ĐKL KCK
Bố	Lê Ngọc Sơn	1961	C3724129	25/07/2017	Nghệ An	Hợp Thành – Yên Thành – Nghệ An	0	0
Mẹ	Trần Thị Bích Thủy	1966	C0325226	17/04/2015	Nghệ An	Hợp Thành – Yên Thành – Nghệ An	0	0

Chị	Lê Thị Phương Dung	1985	N1167738	11/06 /2008	Nghệ An	Hợp Thành – Yên Thành – Nghệ An	0	0
Chị	Lê Thị Khánh Hòa	1987	N1836730	25/06 /2017	Nghệ An	Hợp Thành – Yên Thành – Nghệ An	0	0
Em	Lê Văn Giáp	1994	C0675178	22/06 /2015	Nghệ An	Hợp Thành – Yên Thành – Nghệ An	0	0
Chồng	Hoàng Anh Tú	1987	272597742	18/02 /2013	Đồng Nai	Nam Thành – Yên Thành – Nghệ An	0	0
Con	Hoàng Khánh Linh	2017	C4794264	20/03 /2018	Hồ Chí Minh	Nam Thành – Yên Thành – Nghệ An	0	0

2. Trình độ học vấn

Thời gian	Trường/Nơi đào tạo	Bằng cấp
2008 - 2012	Trường Đại học Thương mại	Cử nhân Kế toán

3. Kinh nghiệm công việc

Thời gian	Chức vụ	Tên tổ chức
11/2012 - nay	Chuyên viên Phòng Dịch vụ	Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (Petechim JSC)


4. Các thành tích đạt được

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

TP.HCM, Ngày 28 tháng 03 năm 2018

Người khai

(Ký và ghi rõ họ tên)


Lê Đức Cường